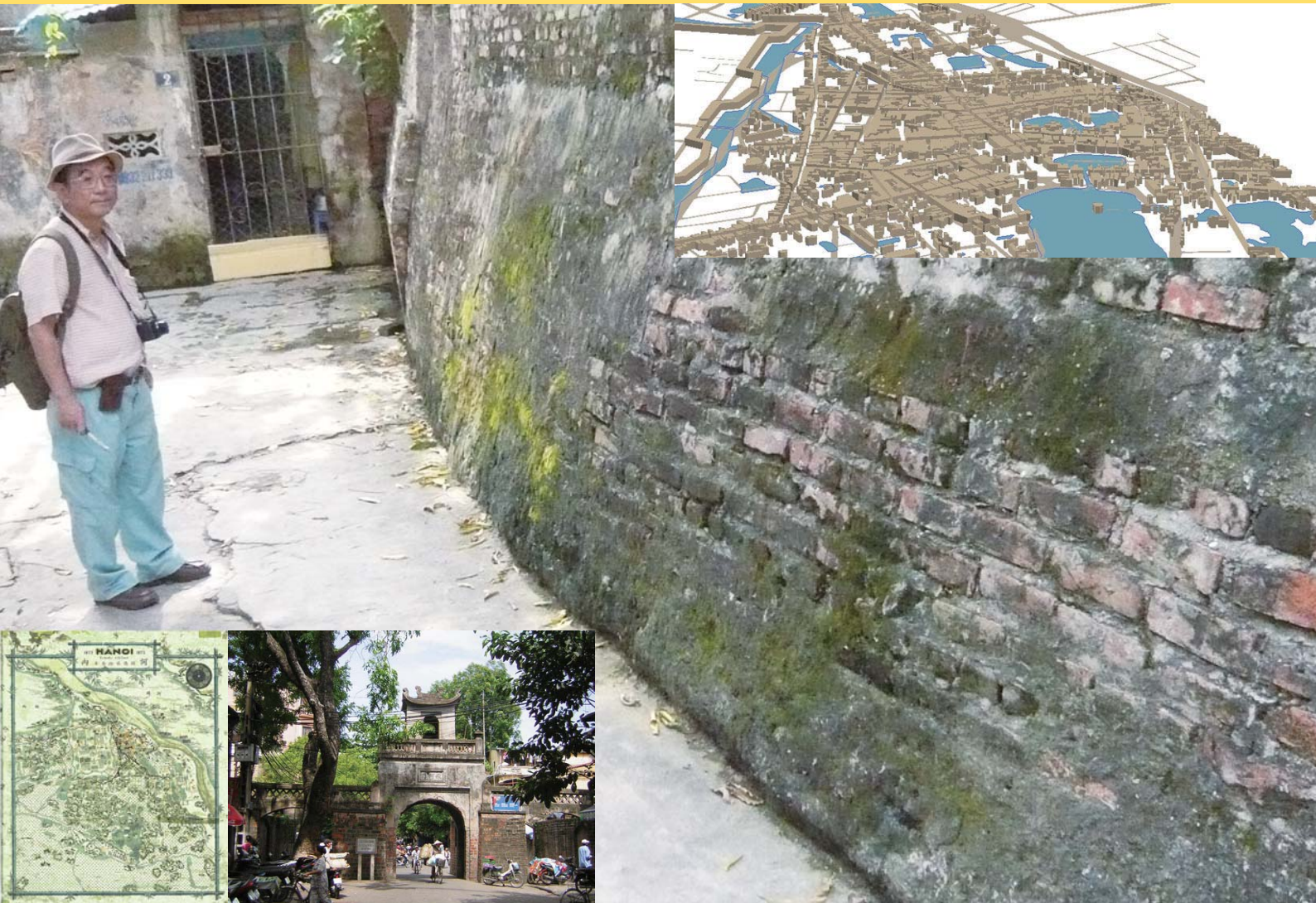


CIAS Discussion Paper No.43

Lịch Sử Hình Thành Cư Dân Đô Thị Hà Nội (ハノイ都市形成史)

Sakurai Yumio¹, Nguyễn Thị Phương Anh², Yanagisawa Masayuki³
(桜井由躬雄¹・ Nguyen Thi Phuong Anh²・ 柳澤雅之³)

1. Giáo sư danh dự của Đại học Tokyo, Tiến sĩ danh dự của Đại học Quốc gia Hà Nội, 2. Nghiên cứu viên, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, 3. Trung Tâm Nghiên Cứu Khu Vực Học và Thông Tin, Đại học Kyoto
(1. 東京大学名誉教授・ハノイ大学名誉博士、2. ハノイ大学ベトナム学科学発展研究センター・研究員、3. 京都大学地域研究統合情報センター)



Trung Tâm Nghiên Cứu Khu Vực Học và Thông Tin, Đại học Kyoto

京都大学地域研究統合情報センター

CIAS Discussion Paper No.43

Lịch Sử Hình Thành Cư Dân Đô Thị Hà Nội (ハノイ都市形成史)

Sakurai Yumio¹, Nguyễn Thị Phương Anh², Yanagisawa Masayuki³
(桜井由躬雄¹・ Nguyen Thi Phuong Anh²・ 柳澤雅之³)

1. Giáo sư danh dự của Đại học Tokyo, Tiến sĩ danh dự của Đại học Quốc gia Hà Nội, 2. Nghiên cứu viên, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, 3. Trung Tâm Nghiên Cứu Khu Vực Học và Thông Tin, Đại học Kyoto
(1. 東京大学名誉教授・ハノイ大学名誉博士、2. ハノイ大学ベトナム学科学発展研究センター・研究員、3. 京都大学地域研究統合情報センター)



Trung Tâm Nghiên Cứu Khu Vực Học và Thông Tin, Đại học Kyoto
京都大学地域研究統合情報センター

CIAS Discussion Paper No.43

Sakurai Yumio¹, Nguyễn Thị Phương Anh², Yanagisawa Masayuki³

Lịch Sử Hình Thành Cư Dân Đô Thị Hà Nội

1. Giáo sư danh dự của Đại học Tokyo, Tiến sĩ danh dự của Đại học Quốc gia Hà Nội ,
 2. Nghiên cứu viên, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội ,
 3. Trung Tâm Nghiên Cứu Khu Vực Học và Thông Tin, Đại học Kyoto
-

© Center for Integrated Area Studies, Kyoto University

46 Shimoadachi-cho, Yoshida Sakyo-ku, Kyoto-shi,
Kyoto, 606-8501, Japan

TEL: +81-75-753-9603 FAX: +81-75-753-9602

E-mail: ciasjimu@cias.kyoto-u.ac.jp

<http://www.cias.kyoto-u.ac.jp>

March, 2014

目次

Lời nói đầu	1
<hr/>	
Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	3
<i>Điều tra chiều 24/8/2007</i>	5
<i>Điều tra sáng 25/8/2007</i>	7
<i>Điều tra chiều 25/8/2007</i>	9
<i>Điều tra chiều 26/8/2007</i>	10
<i>Điều tra chiều 27/8/2007</i>	13
<i>Điều tra sáng 30/8/2007</i>	14
<i>Điều tra chiều 31/8/2007</i>	17
<i>Điều tra sáng 31/8/2007 & chiều 12 /9/2007</i>	19
<i>Điều tra sáng 11/9/2007</i>	22
<i>Điều tra chiều 11/9/2007</i>	24
<i>Điều tra chiều 30/8/2007</i>	26
<i>Điều tra sáng 15/9/2007</i>	27
<i>Điều tra chiều 15/9/2007</i>	29
<i>Điều tra sáng 16/9/2007</i>	30
<i>Điều tra chiều 16/9/2007</i>	32
<i>Điều tra chiều 17/9/2007</i>	34
<i>Điều tra sáng 18/9/2007</i>	35
<hr/>	
Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	39
<i>Điều tra sáng 3/9/2009</i>	41
<i>Điều tra chiều 3/9/2009</i>	43
<i>Điều tra sáng 4/9/2009</i>	45
<i>Điều tra sáng 5/9/2009</i>	45
<i>Điều tra chiều 5/9/2009</i>	47

<i>Điều tra sáng 6/9/2009</i>	<i>49</i>
<i>Điều tra sáng 7/9/2009</i>	<i>51</i>
<i>Điều tra chiều 7/9/2009</i>	<i>52</i>
<i>Điều tra sáng 8/9/2009</i>	<i>54</i>
<i>Điều tra chiều 9/9/2009</i>	<i>56</i>
<i>Điều tra chiều 9/9/2009</i>	<i>58</i>
<i>Điều tra sáng 10/9/2009</i>	<i>60</i>
<i>Điều tra sáng 11/9/2009</i>	<i>61</i>
<i>Điều tra chiều 11/9/2009</i>	<i>63</i>
<i>Điều tra sáng 12/9/2009</i>	<i>65</i>
<i>Điều tra chiều 12/9/2009</i>	<i>67</i>
<i>Điều tra sáng 14/9/2009</i>	<i>69</i>
<i>Điều tra chiều 14/9/2009</i>	<i>70</i>
<i>Điều tra sáng 16/9/2009</i>	<i>72</i>
<i>Điều tra chiều 16/9/2009</i>	<i>73</i>
<i>Điều tra Sáng 17/9/2009</i>	<i>75</i>
<i>Điều tra chiều 17/9/2009</i>	<i>77</i>
<i>Điều tra sáng 18/9/2009</i>	<i>79</i>
<i>Điều tra chiều 19/9/2009</i>	<i>81</i>
<i>Điều tra Sáng 20/9/2009</i>	<i>83</i>
<i>Điều tra chiều 20/9/2009</i>	<i>85</i>
<i>Điều tra sáng 21/9/2009</i>	<i>87</i>
<i>Điều tra chiều 21/9/2009</i>	<i>89</i>
<i>Điều tra sáng 23/9/2009</i>	<i>90</i>

Lời nói đầu

Tập tài liệu này là kết quả điều tra của đề tài “*Lịch sử hình thành cư dân đô thị Hà Nội*” ở các quận trong thành phố Hà Nội mà cố GS.Sakurai Yumio (Giáo sư danh dự của Đại học Tokyo, Tiến sĩ danh dự của Đại học Quốc gia Hà Nội) và Ths. Nguyễn Thị Phương Anh (Nghiên cứu viên, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội) thực hiện. Quá trình điều tra, tiến hành phỏng vấn các cụ già đã trải qua hai cuộc kháng chiến, nhằm tìm hiểu về lịch sử đời sống cư dân đô thị Hà Nội sau những năm 1930. GS. Sakurai và cô Phương Anh đã thực hiện các cuộc điều tra tại phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm và phường Kim Liên, quận Đống Đa (năm 2007), phường Đội Cấn, quận Ba Đình (năm 2008), phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng (năm 2009), phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân (năm 2011). Kế hoạch điều tra ở các khu vực khác trong dự án này còn đang tiếp tục thì GS.Sakurai Yumio không may đột ngột qua đời vào cuối năm 2012.

Nhận thấy đây là những “*tài liệu sống*” có giá trị lịch sử rất cao cần phải được lưu giữ. Cùng với sự đồng ý, cho phép của gia đình cố GS. Sakurai Yumio, PGS.TS Yanagisawa Masayuki (Trung Tâm Nghiên Cứu Khu Vực Học và Thông Tin, Đại học Kyoto) đã thảo luận với GS. Shibayama Mamoru (giáo sư danh dự của Đại học Kyoto và Đại diện của dự án nghiên cứu về lịch sử hình thành đô thị Hà Nội) đã quyết định xuất bản những tài liệu điều tra về lịch sử đời sống cư dân Hà Nội để dự án và các cơ quan, cá nhân được phép tham khảo.

Tập tài liệu này có được là trên cơ sở field note của cô Phương Anh đã ghi chép lại trong các cuộc phỏng vấn (bằng tiếng Việt). Sau đó Yanagisawa và cô Phương Anh đã đánh máy và biên tập lại nhằm số hóa các tên thật của những người trực tiếp trả lời phỏng vấn để tránh vi phạm vào đời sống riêng. Trong tập sách xuất bản này bao gồm tư liệu điều tra ở phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm và phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến bà Sakurai Mieko, phu nhân cố GS. Sakurai Yumio và gia đình đã vui lòng đồng ý cho chúng tôi được phép công bố tài liệu có ý nghĩa và giá trị này.

Yanagisawa Masayuki, Nguyễn Thị Phương Anh

序 言

本稿は、故桜井由躬雄先生（東京大学名誉教授・ハノイ大学名誉博士）がハノイ都市形成史を明らかにするために、Nguyen Thi Phuong Anh さん（ハノイ大学ベトナム学科学発展研究センター・研究員）と協力して、ハノイ在住の都市住民にライフヒストリーの聞き取り調査をした記録である。桜井先生は2007年に Hoan Kiem 区（Cua Nam 坊）と Dong Da 区（Kim Lien 坊）、2008年に Ba Dinh 区（Doi Can 坊）、2009年に Hai Ba Trung 区（Quynh Loi 坊）等にて調査を行ってこられた。この調査途中であった2012年に桜井先生は急逝されたため、ハノイ都市形成研究プロジェクトの代表者であった柴山守氏（京都大学名誉教授）とも相談し、大変貴重なこれまでの聞き取り記録を印刷物として残し、研究プロジェクトだけでなく、関係機関に閲覧可能な形で残しておくこととした。

本稿のもととなった記録は、生前の桜井先生がともに調査をした Phuong Anh 氏のベトナム語によるフィールドノートであり、それに、Phuong Anh 氏と柳澤雅之（京都大学地域研究統合情報センター）がプライバシー等に配慮して若干の編集をくわえたものである。その中から本稿では、Hoan Kiem 区（Cua Nam 坊）と Hai Ba Trung 区（Quynh Loi 坊）の記録を公開する（図）。

最後になったが、出版を快く許してくださった桜井三恵子氏をはじめ、桜井先生のご遺族の方々に、心からのお礼を申し上げます。

柳澤雅之・Nguyễn Thị Phương Anh



図 Cua Nam 坊と Quynh Loi 坊の位置
Hình. Vị trí của P. Cửa Nam và P. Quỳnh Lôi

Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều tra chiều 24/8/2007

1. Họ và tên: CN1

Nam, sinh năm: 1934 (Giáp Tuất)

Quê quán: xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (cũ)

Địa chỉ hiện nay: ngõ Vạn Kiếp, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Diện tích nhà ở: 51m² gồm 3,5 tầng. Số người trong gia đình: 4 (ông CN1, con trai, con dâu và cháu trai 4 tuổi).

Ông CN1 có 7 người con. Hiện nay ông sống cùng con trai út.

1. Nữ, sinh năm 1954, Nghề nghiệp: Giáo viên cấp 3 đã nghỉ hưu
2. Nữ, sinh năm 1958, Giáo viên trường mẫu giáo
3. Nam, sinh năm 1961, Giáo viên trường cấp 2, dạy Anh Văn
4. Nữ, sinh năm 1963, Bán văn hoá phẩm
5. Nữ, sinh năm 1965, Giáo viên mẫu giáo
6. Nam, sinh năm 1968, Giám đốc Công ty in
7. Nam, sinh năm 1971, Hoạ sĩ

Bố ông CN1: sinh năm 1898. Mẹ ông: Sinh năm 1904, làm ruộng. Bố mẹ của ông là địa chủ, giàu thứ 2 ở trong làng, có 10 mẫu ruộng. Gia đình cụ có 5 chị em. Khi còn nhỏ bố ông CN1 dạy ông học chữ Nho ở quê. Trước Cách mạng tháng 8 ông còn nhỏ, ông nhớ đi ra đình để xem cướp súng, ông đã đi theo Tô Việt Minh (100% là người trong làng). Đến tháng 12/1946 ông vẫn ở quê và làm ruộng. Quê ông không có lính Nhật đóng ở đó. Đến 1950 ông CN1 (16 tuổi) bắt đầu ra Hà Nội học Văn hoá. Lý do đi học là muốn thoát ly khỏi quê để có cuộc sống tốt hơn. Địa chỉ đầu tiên đến Hà Nội là Lý Văn Phúc (gần Sân vận động Hàng Đẫy hiện nay).

Năm 1950 (16 tuổi) lấy vợ cùng quê. Gia đình bên vợ cũng là địa chủ giàu có (thời gian trước khi ông ra Hà Nội để đi học). Bố mẹ chọn vợ cho ông. Lấy vợ để có người làm ruộng. Năm 1950-1954 ông học ở trường cấp 2 Tân Trào (đây là trường tư thục). Ngoài đi học ông còn tham gia vào hội Castmés của Pháp tổ chức vào mùa đông hàng năm ở gần Hồ hồ bây giờ (có nhiều trò chơi, bán hàng hoá...vv). Ngày 14 tháng 7 năm 1954 là ngày chiến thắng của Pháp thì có hội đua xe. Năm 1956 ông CN1 thi vào trường sơ cấp Sư Phạm ở Hà Nam (dạy cấp 1). Năm 1958 tốt nghiệp Sư phạm (25 tuổi), ông dạy học ở trường tiểu học xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (1 năm). Năm 1959-1961 về làm Hiệu trưởng trường tiểu học, Gia Lâm, Hà Nội, vì thời gian đó người tốt nghiệp Sư phạm rất ít, nên sau 1 năm ông đã được cử làm hiệu trưởng. Năm 1960 quê ông cải cách ruộng đất. Bố mẹ đẻ của ông vẫn sống ở quê đi làm thuê vì bị mất hết ruộng.

Sau năm 1960 vợ ông ra Hà Nội sống cùng mẹ đẻ 2 con gái, 2 em trai vợ ở phố Mai Hắc Đế. Vì sau cải cách ruộng đất nhà ông bị mất ruộng đất. Vợ ông ra Hà Nội làm nghề buôn gạo ở chợ Bắc Qua. Mẹ vợ làm hạt chân trâu bán. Hai em trai vợ đi học.

Trong thời gian ông làm hiệu trưởng, tối về Hà Nội với vợ con. Buổi tối ông tranh thủ đi học bổ túc để lấy bằng cấp 2. Năm 1962 ông được chuyển sang dạy trường cấp 2 Long Biên

(Gia Lâm) 1 năm. Phương tiện đi lại bằng xe đạp. Từ Long Biên về Hà Nội khoảng 6 km. Năm 1963-1965 ông chuyển về dạy ở trường thị trấn Gia Lâm. Chủ yếu chữ Quốc ngữ cho thanh niên. Năm 1965-1969 về phòng Giáo dục huyện Gia lâm (làm cán bộ phụ trách phòng Giáo dục văn hoá của huyện Gia Lâm). Thời gian này ông lại tiếp tục tranh thủ đi học bổ túc ở trường đại học Nông nghiệp I ở Châu Quỳnh Gia Lâm (gần nơi ông làm việc).

Năm 1961 vợ chồng ông và các con thuê nhà ra sống riêng ở phố Nhà Chung (từ con trai thứ 3 của ông được sinh ra ở Nhà Chung), gia đình ông sống ở Nhà Chung gồm có 2 vợ chồng và 7 người con. Diện tích nhà ông = $8m^2 + 4 m^2$ gác xép.

Năm 1965 Mỹ đánh bom ở Hà Nội, gia đình ông sơ tán về quê. Khi sơ tán về quê sống ở nhà Ngang (dùng để dụng cụ sản xuất). Khi bom đánh dữ dội thì sơ tán cả nhà. Khi bom đánh bình thường thì chỉ có các con lớn đi học sơ tán về quê. Các con nhỏ và vợ ông thì vẫn sống ở Hà Nội. Ngày 24 tháng 12 năm 1972 Điện Biên Phủ trên không. Vợ con ông sống ở Nhà Chung, còn ông sống ở cơ quan (Gia Lâm). Vì đi lại qua cầu Long Biên khó khăn, nhiều hôm bom đánh dữ dội.

Năm 1972-1975 ông chuyển về làm việc ở phòng Giáo dục quận Hai Bà Trưng, dạy ở trường cấp 2 Tây Sơn. Ông dạy môn toán, hoá, sinh (5 năm). Buổi tối ông về phố Nhà Chung sống cùng vợ con.

Tháng 3 năm 1975 vợ chồng ông đã mua được nhà của ông S. Ông S là xã viên của HTX dệt.

Năm 1975-1984 ông dạy ở trường cấp 2 Trung Nhị (gần hồ Hai Bà Trưng) phố Nguyễn Công Trứ bây giờ. Năm 1984 ông 50 tuổi xin nghỉ hưu non.

Bản thân ông giai đoạn đi học Sư phạm là vất vả nhất, vì gia đình ông là địa chủ nên phải đóng thuế lũy tiến, làm không đủ để đóng thuế, phải mua thêm thóc để đóng thuế. Cho nên gia đình ông không có tiền để gửi cho ông trong thời gian ông đi học. Theo gia đình ông từ năm 1972-1975 đời sống gia đình ông cũng khá khó khăn, không kiếm được tiền. Vì vợ ông bán hàng ở Bru điện bị công an đuổi nên không bán được hàng. Ông phải làm thêm nghề may áo trẻ em, bóc lạc, tết con tôm... Sau năm 1975 đời sống khá hơn, ông đi dạy học thêm (lương đưa cho vợ, còn dạy thêm ông để tiêu).

Thời bao cấp: Vợ ông làm nghề buôn bán nên đời sống đỡ vất vả. Trong thời kỳ bao cấp lương giáo viên của ông không giúp đỡ cho gia đình được mấy.

Thời kỳ đổi mới: Vợ ông là người định hướng buôn bán trong gia đình. Các con của ông cũng đi buôn bán nên đời sống khá giả. Vợ ông đã ảnh hưởng nghề buôn bán từ mẹ đẻ (trước đây cụ là người chuyên buôn bán vải tơ tằm, vải khổ hẹp). Vợ ông bán bản đồ, tranh ảnh, bưu thiếp, đồ lưu niệm,... ở cửa Bru điện cũ. Khi đó ở Việt Nam bắt đầu có người nước ngoài vào làm ăn, du lịch nên bán được nhiều.

Vợ ông mất năm 1992. Sau khi vợ mất, ông tiếp tục buôn bán văn hoá phẩm đến năm 1998. Ông viết được 6 quyển sách về dòng họ và gia đình ông.

Điều tra sáng 25/8/2007**2. Họ và tên: CN2**

Nam, sinh năm: 1/2/1945

Quê quán: Làng Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Vạn Kiếp, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số người trong gia đình: 7 người (mẹ vợ, ông CN2, vợ, con trai, con dâu và cháu gái, cháu trai). Gia đình có 4 thế hệ chung sống “Tứ đại đồng đường”. Diện tích nhà ở: 51m² gồm 3,5 tầng.

Ông CN2 có 2 người con trai (Hiện nay ông sống cùng con trai cả).

1. Nam, sinh năm 1974. Tốt nghiệp đại học Ngoại thương năm 1996. Năm 1996-2003 làm việc ở công ty xuất nhập khẩu Vũng Tàu 7 năm. Năm 2003 chuyển đến TP.HCM thành lập Công ty riêng. Năm 2006 chuyển công ty về Hà Nội. Công ty này chuyên nhập khẩu thực phẩm của hãng (Mỹ).

2. Nam, sinh năm 1976. Tốt nghiệp ĐH Ngoại thương 1997 và ở lại trường Ngoại thương dạy Marketing. Năm 1999 tốt nghiệp Thạc sĩ quản trị kinh doanh ở Pháp. Năm 2003 tốt nghiệp thạc sĩ Marketing ở Pháp. Tháng 9/2007 bảo vệ Tiến sĩ. Học bổng nhận bằng thạc sĩ do chính phủ Pháp cấp. Học bổng làm tiến sĩ do chính phủ Việt Nam cấp.

Vợ: sinh năm 1945. Năm 1967 tốt nghiệp tiếng Pháp ở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ và dạy tiếng Pháp từ năm 1973-2005 dạy tiếng Pháp kinh tế ở ĐH Ngoại Thương. Nay đã nghỉ hưu.

Bố đẻ ông CN2 sinh năm 1912, mất năm 2004 ở làng Bưởi. Nghề nghiệp: Buôn bán nguyên liệu làm giấy (chủ yếu khai thác nguyên liệu xenlulo trên rừng). Trước đây bố học hết trường tiểu học của Pháp ở Hà Nội. Mẹ: sinh 1913 mất 1994 ở làng Bưởi. Làm nội trợ.

Gia đình ông CN2 có 8 anh em:

1. Nữ, sinh năm 1930. Nghề nghiệp: Làm thuyết minh ở rạp chiếu phim
2. Nữ, sinh năm 1942. Nghề nghiệp: Trước 1975 làm công nhân nhà máy Bia Hà Nội. Sau năm 1975 làm ở Nhà máy bia Sài Gòn. Hiện nay đã nghỉ hưu ở Sài Gòn.
3. Nam, Sinh năm 1945 (CN2 - người trả lời phỏng vấn)
4. Nam, sinh năm 1947. Phó Giám đốc Nhà máy Giấy. Nay đã nghỉ hưu.
5. Nữ, sinh năm 1949. Công nhân Nhà máy giấy ở phố Thụy Khuê. Nay đã nghỉ hưu.
6. Nam, sinh năm 1950. Đang học đại học trường Nhạc họa, đi lính nghĩa vụ. Sau đó hy sinh năm 1972 ở Quế Sơn, Quảng Nam.
7. Nữ, sinh năm 1954. Tốt nghiệp trung cấp kế toán ở Hà Bắc của Bộ Lương thực thực phẩm. Nghề nghiệp: Kế toán ở Công ty Lương thực Hải Phòng.
8. Nam, sinh năm 1956. Tốt nghiệp trường Đại học Y Hà Nội, Nghề nghiệp: Bác sĩ Bệnh viện Vệ sinh Phòng dịch, Kiểm tra về An toàn vệ sinh thực phẩm. Hay còn gọi là Kiểm dịch.

Ông CN2 bắt đầu đi học năm 1952 ở trường Pháp ở Phố Lý Thường Kiệt Hà Nội. Bây giờ là trường Lý Thường Kiệt, q. Hoàn Kiếm. Học từ năm 1952-1954: chủ yếu là học tiếng Pháp. Sống ở ký túc xã. Một năm chỉ về nhà vào 2 dịp là tết và nghỉ hè. Sau năm 1954-1963

học ở trường Hoàn Kiếm (Nay là trường Trần Phú) học từ lớp 3 đến hết lớp 10.

Năm 1959-1960 cải cách công thương nghiệp đã ảnh hưởng đến gia đình ông. Nhà nước đánh thuế rất nặng nên gia đình ông bị bại sản. Sau đó bố và chị gái phải bỏ học để phụ giúp gia đình. Đi làm công nhân xưởng nhuộm tư nhân ở phố Trần Nhật Duật. Vào thời kỳ này kinh tế gia đình ông rất khó khăn. Ông là người duy nhất trong gia đình được đi học và đã thi đỗ vào đại học Bách Khoa. Ông sống ở ký túc xã, không phải đóng học phí, được nhận 21 đồng sinh hoạt phí/tháng. Gia đình ông không phải gửi tiền cho ông đi học. Nghỉ hè ông đi đội than để kiếm tiền và 1 tuần /2 buổi ông đi dạy bổ túc văn hoá để kiếm tiền.

Năm 1965 ông đi bộ đội (ở Hà Nội). Năm 1965-1967 ông học lái máy bay ở Trung Quốc. Năm 1967-1969 ông lái máy bay bổ sung cho đơn vị không quân. (Khi đó ông là sinh viên chưa được phong quân hàm.

Sau năm 1969 về đại học Mỏ địa chất ở Cổ Nhuế, Từ Liêm tiếp tục học đại học. (Trường thành lập năm 1966, sau 3 năm). Vì ông trở lại muộn nên không theo kịp thời gian theo học ở Bách Khoa nên đã chuyển đến đại học Mỏ học tiếp năm thứ 3 (học 3 năm) đến 1972 tốt nghiệp. Thời kỳ là sinh viên ông cảm thấy rất khổ. Hội trường ban ngày là lớp học, buổi tối nông dân nhốt trâu bò, sáng dậy phải làm vệ sinh để học. Ăn uống thời kỳ này vẫn giữ 21 đ/tháng không đủ. 1 tuần ăn 1 bữa đậu phụ. Cơm độn 50% bột mì.

Năm 1965 -1975 bố của ông tham gia vào hợp tác xã Liên ngành giấy buri, sau đó nghỉ hưu. Tình hình kinh tế thời kỳ này rất khó khăn. Ông vẫn sống ở Buri không đi sơ tán. Tốt nghiệp đại học năm 1972 ông được giữ lại làm cán bộ giảng dạy cho đến khi nghỉ hưu (1/1/2007). Chuyên môn của ông dạy về điện khí. Sau năm 1975-1985 đời sống giáo viên cực kỳ khổ (thời kỳ bao cấp).

Năm 1975 ông đi sơ tán ở Bắc Thái, ngày nghỉ đi đốn củi cho gia đình, làm nhiều việc. Trong thời gian này có chiến tranh chống Tàu, 1 số giáo viên phải đi vào bộ đội. Tôi thì vẫn dạy ở trường đại học

Năm 1973 ông lấy vợ (vợ là giáo viên trường ĐH Ngoại Thương). Vợ sinh năm 1945, trước đây cùng học ở trường, dạy tiếng Pháp Kinh tế. Sau khi cưới ông sống ở Buri với bố mẹ. Thời gian này gia đình ông có nuôi lợn, gà công nghiệp để bán và phục vụ sinh hoạt.

Năm 1982-1983 cơ quan cũ yêu cầu ông về lái máy bay nhưng trường không cho. Năm 1981- 1985 đời sống giáo viên khổ cực nên một số giáo viên đã đi làm thêm theo chuyên môn.

Năm 1989 ông mua nhà ở ngõ Vạn Kiếp. Thời kỳ đổi mới năm 1989 ông đi Liên Xô, Tiệp, Ba Lan ...(các nước Đông Âu). Từ đó kinh tế khá lên và mua được nhà. Từ năm 1990 đến 1997 ông làm thêm về dịch vụ vận chuyển hàng không, công việc này làm từ 1990-1997 (ông mua được 3 cái nhà). Năm 1988-1991 kiêm Giám đốc Trung tâm hỗ trợ Khoa học kỹ thuật, ký kết với các cơ sở sản xuất để hỗ trợ kỹ thuật. Bây giờ thu nhập của ông: Lương hưu + dạy thêm khoảng 2 triệu.

Thời kỳ năm 1975-1985 là thời gian khó khăn nhất về kinh tế. Bây giờ là thời kỳ thoải mái nhất, không phải lo cho con cái vì con cái đã trưởng thành đã tiết kiệm được một khoản để dưỡng già. Hiện nay gia đình ông có xe ô tô trị giá 50.000 USD (mua năm 2007), 4 xe máy

(xe máy đầu tiên mua năm 1980) đến 1982 ông mua xe máy xịn của Nhật.

Điều tra chiều 25/8/2007

Họ và tên: CN3

Nữ, sinh năm 1936 (Bính Tý)

Quê quán: Diễn Châu, Nghệ An (sinh ra ở TP. HCM)

Địa chỉ hiện nay: Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số người trong gia đình: 5 (CN3, con trai, con dâu, 1cháu trai và 1 cháu gái).

Bố: CXH, học tiếng Pháp ở Vinh từ năm 1922-1928 (học cùng GS. Đặng Thai Mai). Sau đó Pháp bắt đi tù vì chống Pháp. Năm 1929 được thả tự do (vì là con quan nên được tha tù). Năm 1929-1937 cụ ở Sài Gòn. Năm 1938 cụ ra Huế làm thư ký cho nhà in Đắc lập. Năm 1938-1945 ở Huế. Năm 1945 Bác Hồ mời cụ ra làm ở Viện Viễn đông Bác Cổ. CN3 về Nghệ An cuối năm 1946 (sau khi toàn quốc kháng chiến). Năm 1942-1945 chị đi học ở trường Sơ ở Huế đến lớp 3. Sau đó bố dắt về quê Nghệ An 3 năm. Cao Xuân Dục là trưởng tộc (ông nội của CN3): có 7 vợ/ mỗi vợ có một lâu đài ở Nghệ An. Đất đai rất nhiều nhưng bà không biết chính xác có bao nhiêu. Vì gia đình bà thuê người làm.

CN3 học ở trường Nguyễn Xuân Ôn năm 1946-1949 (4 năm) học bằng tiếng Pháp, Anh, Việt. Giáo viên trong trường đều là họ Cao Xuân.

Bố bà CN3 dạy ở trường cấp 3 Huỳnh Thúc Kháng (Đô Lương - Nghệ An). Năm 1952-1954 bố bà đem bà ra Thanh Hoá học ở trường Nguyễn Thượng Hiền Cấp 3, đến tháng 11 năm 1954 bà về Hà Nội (không có nhà nên phải ở nhờ nhà họ hàng). Năm 1955 Nhà nước phân nhà cho CXH hàng Chuối, diện tích nhà là 40 m² (có 3 người: bố, anh trai và bà CN3). Năm 1960 nhà bà được đổi nhà xuống Khu Kim Liên, diện tích nhà là 30 m², tầng 2.

Năm 1956 học ở trường phổ thông phổ Lý Thường Kiệt nay là trường Lý Thường Kiệt, sau đó bà vào học đại học ngành Sinh vật. Chồng bà học đại học ngành Văn học. Năm 1956 chồng bà bắt đầu viết nhân văn giai phẩm. Sau khi lấy chồng bà vẫn sống với bố ở Hàng Chuối, chồng đi dạy gia sư ở một nhà tư sản. Năm 1960 hai vợ chồng về ở cùng với nhau sinh con thứ 3. Nhà ở do chủ nhà thuê dạy gia sư cho mượn phố Triệu Việt Vương. Năm 1961 gia đình bà về phố Phan Bội Châu thuê nhà của nhà nước. Khi đó nhà nước tịch thu nhà của tư sản. Giá thuê là 27 đồng/diện tích 42 m². Trong nhà không có tài sản gì hết. Trong gia đình lúc đó có 2 vợ chồng và 3 đứa con. Tài sản chỉ có 1 cái tủ, 1 cái giường (bố vợ cho) và 1 cái tủ sách rất có giá trị. Năm 1960 bà làm từ điển sinh vật học, địa lý học của Ủy ban Khoa học Nhà nước. Năm 1970 bà chuyển sang Nhà xuất bản Khoa học và làm đến năm 1985 thì về nghỉ hưu.

Thời kỳ bao cấp: một tháng bà phải đi đong gạo 9 lần, mỗi lần chỉ đong được có 10 kg. Vì vậy trong thời kỳ bao cấp bà đã xin về nghỉ hưu sớm để đánh máy thuê kiếm tiền. Vì lúc đó bà đã làm việc đủ tiêu chuẩn là 25 năm. Khách hàng đánh máy là người đi đường vào thuê từ NX mang tài liệu đến thuê (bà không treo biển quảng cáo). Thu nhập đánh máy của bà cao hơn lương và bà cảm thấy rất tự do và thoải mái. Sở thích của chồng bà là rất mê đồ cổ.

Bà CN3 có 3 người con:

1. Nữ, sinh năm 1956. Hiện nay là Hiệu phó trường ở TP. HCM. Chị học múa năm 1970 ở trường Sân khấu điện ảnh Mai Dịch. Vì gia đình nghèo quá nên thi vào trường Múa để nhà nước nuôi, bố mẹ không phải nuôi. 19 kg gạo/tháng. 1 tháng bà có thể tiết kiệm 5-6 kg gửi về cho gia đình. Chị sống ở ký túc xá, cuối tuần lên tàu điện về nhà không mất tiền.

2. Nam, sinh năm 1958. Học trường Mỹ thuật công nghiệp từ năm 1972-1976. Hiện nay làm Hoạ sĩ Mỹ thuật ở phòng triển lãm. Hai vợ chồng con trai đã để dành được tiền để mua nhà 3 tầng, tổng diện tích là 100 m² ở phố Cát Linh. Nhưng sau khi bố bị tai biến anh chị đã bán nhà năm 1998 về ở cùng bố mẹ. Năm 1995-1996 anh T đã đi Canada vài tháng để du lịch với bạn bè. Anh T có 1 con trai và 1 con gái. Con trai cả của anh đã tốt nghiệp khoa Báo chí, trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn.

3. Nữ, sinh năm 1960. Học khoa Văn trường Đại học Tổng hợp. Trước đây làm báo Đại đoàn kết. Từ năm 1982-1985 làm báo Tài nguyên và Môi trường. Năm 1983 lấy chồng, sinh con. Con gái chị làm Phát thanh viên chương trình Thời sự Đài tiếng nói Việt Nam.

Thời chồng Mỹ: Chồng bà mang con trai sang Phù Đổng, Bắc Ninh sơ tán ở đó. Năm 1965-1972 vợ mang theo hai con gái sơ tán đến Bắc Giang theo Ủy ban Khoa học. Cuộc sống rất vất vả, ăn cơm độn hoặc ăn ngô, không có quần áo mặc, không có chăn đắp, ở nhờ nhà dân,.... Con gái thứ 3 đang học tiểu học và đi sơ tán tiếp tục học tiểu học ở Bắc Giang.

Từ năm 1993 trở đi bà CN3 ở nhà trông cháu không đánh máy chữ nữa. Bây giờ lương hưu của bà là 1,3 triệu/tháng, 2 con gái mỗi tháng biếu 500.000 đồng/tháng. Tổng cộng bà có 2,3 triệu /tháng. Bà không tiêu gì, chỉ để trả những khoản tiền khi con dâu không có nhà, mừng cưới, phúng viếng đám ma.

Từ khi chồng bà mất, kinh tế khá. Khi chồng ốm học trò biếu 18 triệu. Thời kỳ đổi mới kinh tế nhà bà có thay đổi nhưng bà không nhớ rõ lắm. Chồng bà đã mua được xe máy. Năm 1961 cơ quan bà là Ủy ban Khoa học phân cho 1 cái xe đạp để đi vì có con nhỏ đi làm xa. Chồng bà đã bán cái xe đạp đó để mua cái đài quay đĩa + radio. Sau đó bà bị cơ quan kỷ luật (vì đã bán chiếc xe đạp mà cơ quan phân cho). Khoảng năm 1986-1988 con trai bà đã mua được cái ti vi đen trắng. Bà có cô em gái chồng tên là N trước khi đi Pháp tặng rất nhiều đồ đạc. Sau khi sang Pháp tiếp tục gửi quà về. Con trai bà đã mua ô tô từ năm 1995 dùng để đi thăm mộ ông bà ở Nghệ An. Hiện nay nhà bà có 5 cái xe máy. Trong cuộc đời bà từ năm 1945 đến 2004 (chồng bà mất) bà CN3 thấy cuộc sống rất khổ cực vì nghèo khổ. Sau khi chồng bà mất thì bà thấy cuộc sống thoải mái và sung sướng hơn.

Điều tra chiều 26/8/2007

Họ và tên: CN4

Nam, sinh 9/ 7/1925 (83 tuổi)

Quê quán: huyện Thanh Trì, Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Vạn Kiếp, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số người trong gia đình: 1 người (chỉ có mình ông CN4).

Bố ông CN4 sinh năm 1903, mẹ sinh năm 1900. Bố ông làm nghề sắp chữ Nho ở Nhà in Lê Văn Tân Phố Hàng Bông, Hà Nội. Ông học hết lớp 6, biết tiếng Pháp một chút, chủ yếu là học chữ quốc ngữ. Ruộng đất nhà ông có 5 mẫu ở làng Khương Hạ, xã Khương đình, Quận Thanh Xuân.

Năm 1932 ông CN4 lên 7 tuổi bắt đầu đi học. Ông học trường Sinh Từ (Pierre). Bây giờ là trường Nguyễn Khuyến. Tiếng Pháp là môn học Ngoại ngữ, còn tiếng Việt là môn học chính. Ông học tiểu học trường Pierre 3 năm. Năm 1935-1938 học ở trường Lý Thường Kiệt (ông đi bộ đi học). Năm 1938-1941 ông chuyển sang trường Gia Long (Phố Phủ Doãn) để học. Khi đi học ông thuê nhà ở phố Lê Duẩn (gần ga Hà Nội). Diện tích nhà rộng 240 m².

Gia đình ông là gia đình viên chức. Chỉ có mẹ ông đi bán trứng. Mỗi tháng mẹ kiếm được khoảng 30đ (15 xu/10 quả trứng). Lương của bố ông lúc đó là 25đ/tháng. Học phí của ông phải trả là 5đ /tháng. Mẹ ông bán được khoảng 200 quả trứng/ngày. Mẹ gánh trứng bán rong ở Hà Nội.

Ông CN4 có 4 anh em:

1. Nam, sinh: 23/8/1923. Nghề nghiệp: buôn bán bia rượu, trình độ: lớp 8
2. Nam, sinh năm 1925 (CN4 - người trả lời phỏng vấn)
3. Nữ, sinh năm 1926. Học đến lớp 5, làm xã viên ở Hợp tác xã Huy hiệu, Huy chương, chồng bà đi học làm ở bưu điện
4. Nữ, sinh năm 1931. Trình độ lớp 5.

Bố ông mất năm 1983, mẹ ông mất trẻ năm 1933 (33 tuổi). Vì mẹ ông bán phải hàng dấm giả, bà bị tịch thu hết hàng hoá, bị phạt 500 đ Đông Dương, bà tiếc của, sinh bệnh, ốm, rồi chết. Gia đình cho em gái bà ra ở trông nom chị khi bị ốm, đến khi chị mất, bố lấy em gái của mẹ

Sau khi học 4 năm ở trường Lý Thường Kiệt thì cách mạng nổ ra. Sau khi chiến tranh nổ ra thì ông làm tiểu đội trưởng tự vệ thành (tổ Việt Minh) phố Hàm Long. Tiểu đội gồm 11 người. Công việc chính là bảo vệ phố từ đầu đường Lê Duẩn đến Ga. Khi đó anh sống ở nhà Lê Duẩn để xuống phân công việc. Từ năm 1941-1945 ở Việt Nam bị chết vì đói khoảng hơn 2 triệu người do nạn đói và lũ lụt. Từ năm 1942-1943 người chết nằm rải rác, năm 1945 chết tập trung. Ông đã gặp quân đội Nhật ở Hà Nội. Lính Phát xít Nhật ác lắm. Tôi nhớ có 1 phụ nữ hàng ngày cho ăn cám, chăm sóc những con ngựa to cao. Một hôm không may con ngựa bị chết. Lính Nhật đã mổ con ngựa ra cho chị ấy vào. Hoặc lính Nhật bắt được người ăn cắp, thì có một cái dấu đóng vào trán thì không bao giờ xoá được, đi đâu cũng biết đó là người ăn cắp. Lính Nhật trong người luôn mang một thanh gươm, khi có vấn đề gì thì rút gươm ra thông báo đến những người khác thì ngay lập tức có xe đến nơi xảy ra sự việc bắt đi. Lính Nhật không bao giờ ăn cái gì khi đi trên đường, khi ăn gì phải vào hàng. Ông biết 1 người Nhật tham gia Việt Minh cho Việt Nam (Vì người ta giác ngộ cách mạng, vì người ta biết đó là chiến tranh phi nghĩa. Trước khi xảy ra chiến tranh thì ở Việt Nam đã có những nhà kinh doanh Nhật. Sản phẩm của Nhật lúc đó có Kimônô, chén, mỳ chính đóng hộp sắt tây 250 g. Cửa hàng may Kimônô có ở Hàng Trống.

Năm 1946 khi cách mạng nổ ra thì tôi vào quân đội tham gia kháng chiến. Chúng tôi phải rút ra ngoại thành làm cảnh vệ, bảo vệ trại giam Hoà Bình, Sơn Tây.

19/8/1945 ông ở Hà Nội tham gia cướp chính quyền ở Nhà hát Lớn do đồng chí Trần Huy Liệu tổ chức. 2/9/1945 ông ra Quảng trường nghe Bác đọc tuyên ngôn độc lập.

Thời gian này bố ông vẫn bán bia. Chị dâu ông hoạt động Việt Minh bí mật gọi tôi ra Hà Nội tháng 9/1945. Hoạt động nguy trang. Bố tôi mua cho tôi một xe ô tô chở bia từ Hà Nội đến Hải Phòng nhưng mục đích là để bắt cơ sở cách mạng ở Hải Phòng (Lãn Ông). Tháng 12/1946-1947 có chiến dịch Hà Nội, tôi không tham gia.

Năm 1954-1958 tôi tiếp tục có xe chạy Hà Nội - Hải Phòng chở bia. Khi đó mang lại cho tôi nhiều tiền giống như 1 tiểu chủ. Thời gian này cải tạo Công thương nghiệp. Tôi phá đi để không bị quy vào giới tiểu chủ. Sau năm 1958 tôi xin vào làm việc trong cơ quan Nhà nước. Công ty thi công cơ giới xây lắp, Bộ Xây dựng. Địa chỉ ở Thanh Xuân, Hà Nội hiện nay. Tôi làm công nhân ở đó, lương 43,1đ/tháng (công nhân bậc 7). Thu nhập thấp. Công nhân được 18 kg gạo (1 kg gạo lúc đó = 6 hào).

Năm 1943 ông lấy vợ (vợ 17 tuổi). Ông có 8 người con:

1. Nữ, sinh năm 1944. Trình độ lớp 6
2. Nữ, sinh năm 1950. Trình độ lớp 7, công nhân nhà máy Văn phòng phẩm. Nay đã về hưu.
3. Nam, sinh năm 1952. Trình độ lớp 9, công nhân Tổng công ty xây dựng
4. Nữ, sinh năm 1957. Trình độ lớp 8, làm ở công ty Xây dựng. Bây giờ ở Nga. Bà sang Nga 1987, hiện nay cả gia đình ở Nga.
5. Nam, sinh năm 1959. Trình độ lớp 7, mới mất năm 2007 vì ung thư gan do uống nhiều rượu. Trước đây làm công nhân xây dựng.
6. Nữ, sinh năm 1960. Trình độ lớp 7, công nhân nhà máy dệt Nam Định. Nay là đại biểu Hội đồng Nhân dân Nam Định đã nghỉ hưu
7. Nữ, sinh năm 1961. Trình độ lớp 7, công nhân Nhà máy Dệt Nam Định. Nay đã nghỉ mất sức
8. Nam, sinh năm 1962. Trình độ lớp 8, làm công nhân xây dựng

Năm 1958-1960 ông lái xe, và sửa chữa máy. Năm 1960-1962 ông đi học lớp kế toán trưởng (trung cấp kế toán Hà Nội ở Bãi Phúc Xá). Năm 1962-1985 ông về làm kế toán trưởng ở Công ty Xây dựng. Từ năm 1955 ông chuyển về sống ở ngõ Vạn Kiếp thuê nhà ở. Thuê lúc đầu là 6000 đ/tháng về sau này là 36.000 đ/tháng. Nhà này của một ông chủ nhưng đã đi Nam rồi nên Nhà nước quản lý rồi cho dân thuê. Diện tích nhà là 30m².

Năm 2006 ông đã mua lại của Nhà nước với giá là 64 triệu, năm 1985 ông nghỉ hưu ở nhà. Lương hưu của ông là 1,4 triệu. Con gái ở Nga biểu 100 USD/tháng. Nhưng 1 tháng ông tiêu khoảng 4,5 triệu đ, thiếu đâu các con biểu thêm. Số tiền ông có dùng để chi phí cho ăn uống, đám cưới, đám ma, giỗ tết. Trước đây khi còn đi làm ông đi bằng xe đạp bây giờ đi đâu thì ông đi bằng tắc xi, xe ôm.

Thời kỳ ông còn ở với bố mẹ và thời kỳ ông chạy xe từ 1949-1958 là thời kỳ thoải mái nhất. Thời kỳ sơ tán năm 1965-1972 là khó khăn nhất. Thời kỳ này gia đình ông đi sơ tán về

Thường Tín, Hà Tây nhưng ông vẫn sống ở Hà Nội. Nghề làm kế toán của ông cũng bận lắm, Công ty của ông cũng phải đi sơ tán vào Bình Đà nhưng bộ phận kế toán của ông vẫn phải ở Hà Nội. Tối thứ bảy hàng tuần ông về quê với gia đình, mua được tem phiếu đậu, gạo thì mang về cho gia đình. Sáng thứ 2 tuần sau ông đi thẳng từ quê ra cơ quan để làm việc. Hiện nay ông có nhà đất ở Thanh Trì nhưng ông chia cho các con. Ông có 3 con đang sống ở Thanh Trì. Còn mình ông hiện nay sống ở ngõ Vạn Kiếp

Điều tra chiều 27/8/2007

Họ và tên: CN5

Nam, sinh năm 1951

Địa chỉ hiện nay: phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số người trong gia đình: 2 (ông và em trai).

Bố là thầy thuốc Nam + Bắc. Mẹ: Trước năm 1945 buôn gạo từ ga chuyên đi các tỉnh. Đến năm 1954 mẹ buôn ngô gạo ở chợ Cửa Nam. Năm 1960 bố vào HTX Đông y Hoàn Kiếm số 60 Hàng Bông. Hàng ngày ông đi làm. Ông vừa đi làm vừa dạy học làm nghề đông y + khám chữa bệnh. Ông học nghề thầy thuốc chủ yếu qua sách báo của bố ông để lại + tự học thêm. Lúc 13 tuổi ông đã được đi học, ông đọc được chữ Hán. Bố ông có bằng Bác sĩ đông y. Nhưng trình độ lớp mấy thì CN5 không biết rõ.

Gia đình ông CN5 có 5 chị em:

1. Nữ, sinh năm 1937. Nhân viên làm việc ở Bộ Thương mại. Nay đã về hưu
2. Nam, sinh năm 1941. Làm kỹ thuật than mỏ Quảng Ninh - mất năm 2000 vì ung thư
3. Nữ, sinh năm 1949. Công nhân Nhà máy thiết bị Bưu điện
4. Nam, sinh năm 1951 (CN5 – người trả lời phỏng vấn).
5. Nam, sinh năm 1956. Đi bộ đội về thất nghiệp (không có việc làm)

Ông CN5 học cấp 1 từ 1957 đến 1966 ở trường Pháp Apesalo (Hai Bà Trưng). Ông học cấp 3 từ năm 1967-1969, tốt nghiệp 18 tuổi ông đi bộ đội tổng động viên sơ tán ở Hưng Yên, Hà Tây. Không phải tất cả thanh niên hồi đó đi bộ đội. Tuỳ theo từng gia đình. Ông tham gia chiến đấu vào năm 1970 ở mặt trận Tây Ninh cuối 1970. Năm 1970-1972 ông tham gia chiến đấu liên tục ở Tây Ninh. Trận cuối cùng ông bị thương, bác sĩ phẫu thuật mổ cho anh trong hầm, đau khủng khiếp vì không có thuốc tê. Ông bị thương do pháo binh 155MM, DKZ. Ông bị mảnh pháo bắn vào người. Tất cả trên người Ông có 6 vết thương. Hôm ông bị thương có tất cả 3 người bị thương (ngày 30/8/1972). Sau khi bị thương, ông phải nằm điều trị ở Bệnh viện tỉnh Tây Ninh trong rừng 1 năm. Hàng ngày ông phải tiêm kháng sinh 1 triệu đơn vị pelixilin/ngày ăn cơm với muối rang và rau rừng. Thương binh thì được ưu tiên ăn cơm, bộ đội chiến đấu thì phải ăn ngô sắn. Sau 3 tháng phẫu thuật ông phải tập đi lại. Khi điều trị ở Bệnh xá đó thì có pháo 175 bắn vào. Khi ông bị thương cấp bậc của anh lúc đó là chiến sĩ. Khi đó không ai quan tâm đến cấp bậc. Năm 1974 ông được chuyển từ Tây Ninh ra Bắc. Sau khi bình phục thì không thể chiến đấu được nữa nên ông đã đi ra Bắc (đi bằng ô tô vừa đi vừa nghỉ hết 45 ngày). Khi về Hà Nội ông tham gia đoàn 869 ở Đông Anh (đoàn An Dương). Năm

1979 ông về phục viên. Những vết thương trên người anh khi trở trời đau nhiều. Ông cho biết trước 1979 Nhà nước chưa có chính sách cho thương binh về phục viên, đến năm 1979 mới có chế độ phục viên - nên anh đã xin về phục viên. Trước khi phục viên ở trại thương binh 869 ở Đông Anh thỉnh thoảng về thăm nhà 2 lần 1 tháng.

Bố ông CN5 mất khi anh còn nhỏ, mẹ mất ngày 9/1/2007 (96tuổi).

Gia đình ông bắt đầu mua nhà sống ở phố Phan Bội Châu từ năm 1930. Diện tích nhà 265 m², nhà có hai tầng. Bố anh kiếm được nhiều tiền 3000 đ Đông Dương/tháng. Trong khi đó lương công nhân 20 đ/tháng. Năm 1960 ngôi nhà ở phố Phan Bội Châu của anh có 8 gia đình sống ở đó. Vì khi đó có chính sách cải tạo công thương nghiệp (tịch thu nhà cho nhà nước). Từ sau năm 1960 kinh tế của gia đình anh bắt đầu đi xuống.

Sau năm 1959 anh về phục viên làm kinh tế cho gia đình (nghề tự do). Lúc đầu làm nghề cắt tóc, sau đó làm nghề giải khát, sau đó lại chuyển về nghề cắt tóc. Nghề cắt tóc do anh tự học. Lương thương binh của anh hiện nay được hơn 600.000 đ/tháng. Cắt tóc nhận được khoảng 500.000 đ/tháng.

Hiện nay 2 anh em sống cùng nhau đều chưa có gia đình. Ông thấy trước đổi mới và sau đổi mới chính sách như nhau. Thời bao cấp ông đi tàu xe được giảm 30% tiền vé. Hiện nay cả lương và tiền trợ cấp được khoảng hơn 600.000 đ nhưng tiền tàu xe thì lại không được giảm nữa. Từ năm 1982-1988 ông bán quán cà phê. Năm 1990 ông cho thuê cửa hàng được mấy trăm nghìn/tháng. Năm 1995 gia đình ông bán cửa hàng, lấy tiền chia cho các anh em. Ông bắt đầu làm nghề cắt tóc ở đầu công phố Phan Bội Châu.

Nhà ông có 2 xe máy: ông mua xe từ năm 1995 (sau khi nhận được tiền bán cửa hàng). Ông vì chân đau đã đi bằng xe ga. Theo ông thời bao cấp là thời kỳ khó khăn nhất. Người bán mậu dịch thích thì bán, không thích thì đóng cửa lại. Thời kỳ đó có tem phiếu nhưng không đủ ăn. Năm 1986 gia đình ông đã mua được bình nước lọc ở Hàng Bài về lọc nước uống. Thời kỳ này hầu hết các đàn ông trả lời, bây giờ là thời kỳ thoải mái nhất, tự do nhất.

Diện tích nhà ở bây giờ của gia đình ông chỉ có 23 m². Hết năm nay ông có kế hoạch lập gia đình. Em trai anh sau khi đi bộ đội về làm ở sở Điện đến năm 1978 bỏ việc về nhà (vì trả lương thấp quá 15 đ/tháng).

Điều tra sáng 30/8/2007

Họ và tên: CN6

Nam, sinh tháng 1 năm 1929 (Mậu Thìn).

Quê quán: Xã Giáp Bát, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Nơi sinh: Phố Tô Tịch (nay là phố Hàng Lược)

Địa chỉ hiện nay: phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ông CN6 có 7 người con.

1. Nam, sinh năm 1953. Năm 1971-1975 học đại học Tổng hợp, bây giờ làm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc quận.
2. Nam, sinh năm 1954. Vợ đi xuất khẩu lao động ở Đức không về. Anh lấy vợ thứ 2 có 1 con

8 tuổi thì vợ 2 bị bệnh chết. Học Đại học Thương nghiệp, nay là phó Giám đốc phụ trách cửa hàng Bách hoá Nam Bộ.

3. Nam, sinh năm 1956. Học Đại học Quản lý Kinh tế (học ở Đức). Làm Trưởng phòng Công ty Ngoại thương Hà Nội. Nay làm đội trưởng đội quản lý Công ty điện tử ở Đức.

4. Nam, sinh năm 1958. Học Đại học xây dựng. Nay làm ở Tổng Công ty Xây dựng.

5. Nam, sinh năm 1960. Học trung cấp thương nghiệp. Đi Lao động ở Liên Xô cũ. Bây giờ về Việt Nam ở phố Tây Sơn. Bây giờ có cửa hàng kinh doanh sắt thép ở Khương Đình.

6. Nam, sinh năm 1962. Học Đại học Thương nghiệp rồi vào bộ đội thì bỏ học. Nay làm ở Công ty Bách hoá phố Hàng Bông.

7. Nam, sinh năm 1969. Học hết lớp 12. Hiện nay làm ở Công ty May Thăng Long.

Bố: Sinh năm 1892. Làm nghề lái xe ô tô, làm thuê cho trường mầm non ở phố Quận Ngựa. Mẹ: Sinh năm 1890. Nhà mẹ không có ruộng đất, nên bà ra Hà Nội từ nhỏ. Bà ra Hà Nội để làm thuê. Bà sống ở phố Sơn Tây. Bà nhớ trước nhà của bà khi đó là một bãi đất, học thổi kèn gọi là bãi Nhà kèn. Ông ở nhà mẹ vợ (người gốc ở làng Ngọc Khánh). Diện tích nhà 200m² (Trước đây nhà này gọi là Trại con gái). Ông nhớ khi còn nhỏ mẹ ông đi lại bằng xe kéo bánh sắt hay còn gọi là xe tay. Bố ông biết đọc, biết viết. Trước khi làm thuê lái xe cho trường mầm non ông đã làm thuê cho Phủ toàn quyền (bây giờ là Phủ Chủ tịch).

Ông 7 tuổi bắt đầu đi học, 11 tuổi ông bắt đầu đi học trường Pierre Pasquier từ 7/9/1940 - 26/6/1944. Năm 1944 sau khi tốt nghiệp ông tiếp tục thi vào trường Bưởi nhưng không đỗ. Học trường Văn Lang (trường tư) ở Thanh Xuân. Nay là trường Chu Văn An (Thụy Khuê). Lúc đó đi học bằng tàu điện. Chiến tranh nổ ra năm 1946, lúc đó đèn điện tắt hết. Ông khoét tường chui từ nhà nọ sang nhà kia. Không ai dám đi ra đường, đường phố lúc đó vắng tanh.

Năm 1946 ông đi tản cư ở làng Vòng, Mai Dịch (ở nhà người quen). Có giấy phép của Ban Tản cư cấp cho thì mới được đi. Hồi đó anh nào mà ở lại không đi tản cư là Việt gian. Ông còn tham gia đi mít tinh biểu tình chiếm Bắc Bộ phủ. Bây giờ là Khách sạn Metropol. Ông cũng là thành viên tham gia đoàn biểu tình mít tinh ngày 2/9/1945 (có người đến rủ đi biểu tình). Lãng Hồ Chủ tịch khi đó là 1 vườn hoa, chưa có lăng Bác Hồ như bây giờ (khi đó gọi là Vườn hoa Ba Đình. Nơi đọc bản Tuyên ngôn độc lập). Trước đó vườn hoa Ba Đình là nơi tập bắn súng của lính Pháp gọi là nhà cất tót. Năm 1952 ông sống ở phố Hà Trung.

Từ làng Vòng sơ tán lên Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc). Trong thời gian tản cư gia đình ông dựa vào bà cụ đi buôn bán gạo, gánh ra chợ ngồi bán. Cả hai chị gái của ông cũng đi bán tạp hoá và gánh thuê muối đi các nơi để bán. Gia đình ông có 7,8 người đi sơ tán. Pháp tản công đến đâu thì ta rút dần lên phía Bắc. Sau khi ông đi tản cư ở Vĩnh Yên về Trung Tự (ở với người nhà) khi đó nữ vào Nam không vào được. Vì vào thì họ bắt (thăm dò xem nơi nào có thể an toàn). Về phố Hà Trung thuê 1 phòng ở đó để ở. Phụ nữ thì đi chợ buôn bán còn đàn ông ở nhà vì ra đường thì sợ bị bắt.

Năm 1949-1950 ông tản cư về Hà Nội.

Năm 1951-1953 ông tìm được việc đi bán xăng dầu và ở luôn ở nhà ông chủ. Ông làm cho tư nhân có cột xăng do hãng Shell bán. Cột xăng ở Bến Nứa (có 1 kiốt của bến xe chợ

Long Biên), Cửa Nam (Hai Bà Trưng). Ông chỉ làm thuê cho đại lý ở Cửa Nam. Khi nào cần thì gọi điện đến Tổng đại lý để lấy xăng. Tổng đại lý ở Khâm Thiên. Lúc đầu bơm xăng bằng tay rất vất vả. Hãng Shell đầu tư đào bể. Ông phải dậy từ 3-4 giờ sáng. Xăng bán cho xe ô tô và xe máy. Đại lý ở Cửa Nam có mấy cột xăng, phục vụ cho xe đi các tỉnh phía Nam như Nam Định, Phủ Lý, Thái Bình, ... Bán cho xe ô tô nhiều nhất là 100 lít, ít là 40-50 lít. Công việc rất vất vả vì ngoài bán xăng còn phải vằn các bình xăng trên bờ đõ xuống bể. Sau 3 năm ông chuyển làm việc khác (làm thư ký) đi thu tiền, mua hàng ngày và thanh toán tiền, sau vài ngày thu được 1 khoản tiền rồi lại mang tiền đi ngân hàng để gửi. Hà Nội lúc đó có 2 ngân hàng Bank Pranhco và Bank Indochin. Văn phòng của hãng Shell ở phố Trần Hưng Đạo.

Ông bán xăng từ 1951, ông ở luôn cùng nhà chủ ở phố Cửa Nam. Khi đó gia đình ông vẫn sống ở phố Hà Trung. Mẹ ông bán gạo ở chợ Cửa Nam sau đó chuyển sang bán hàng xén. Ngày 8/3/1945 Nhật đảo chính. Bố ông đi Sài Gòn sau đó về Hà Nội không làm gì. Hai chị gái bán cửa hàng xén ở chợ Cửa Nam.

Ông lấy vợ năm 1951 ở phố Hà Trung. Vợ ông ở phố Bắc Ninh cũ, bây giờ là phố Nguyễn Hữu Huân. Vợ ông bán vải nhò ở phố Hàng Bạc. Ông đi qua nhìn thấy và nhờ chị gái đến xem mặt rồi cưới.

Năm 1953-1959 ông làm máy dệt áo sớ (làm ở nhà) thêu áo, gối, khăn. Lúc đó ở nhà có 2 máy thêu. Năm 1959-1970 ông làm ở Khách sạn Đồng Lợi của Hoa Kiều ở Lý Thường Kiệt, Khách sạn Chi Lăng, Trần Hưng Đạo. Công việc này được anh công an hộ tịch giới thiệu làm ở khách sạn. Ông đã chọn làm nghề thêu để có việc phân công cho các con để dễ quản lý. Kỹ thuật dệt và thêu là khi ông mua máy của ông chủ đồng thời thuê luôn công nhân của nhà chủ làm và mình học nghề luôn. Ông không trả lương cho công nhân mà trả theo sản phẩm. Họ làm được 3 chiếc thì mình lấy 2 họ lấy 1. Làm dệt lệ thuộc rất nhiều vào công nhân nên ông đã bỏ không làm nữa. Nghề thêu thì mọi người trong nhà có thể tự làm được. Các con đều có thể tự làm được. Ngoài lương ra thì đây là nghề làm thêm cũng tốt. Nghề dệt bắt đầu làm là do vợ làm ở Công ty Bông vải sợi, nên có thể học được nghề. Nghề dệt thì lại mất công nhuộm chỉ. Vợ ông làm ở cửa hàng Bách Hoá Bông vải sợi của Quốc doanh Hàng Gai Rồi, Bách hoá Ô Cầu Dền ở Lò Đúc làm 4, 5 năm (nay là đường vào phố Bạch Mai), cuối cùng bà làm ở Hàng Bò làm giao dịch. Vì thừa người nên người ta chuyển đổi công việc của mình sang nhiều cửa hàng Bách hoá. Bà về hưu khi bà 57 tuổi. Vì bà buôn bán vải ở chợ Đồng Xuân, phố Hàng Đào. Bà mua hàng của 1 người Ấn Độ sau đó ông ấy bán nhà cho bà. Bà bán hết vải ở chợ Đồng Xuân để mua nhà, sau đó nghỉ về làm cho nhà nước. Trước năm 1954 có ít người bán hàng như thế này. Sau năm 1965 cơ quan cho 6 trẻ con đi sơ tán thôi. Bố mẹ phải ở nhà đi làm phục vụ nhân dân (vì làm bách hoá cho nhà nước). Ông làm tự vệ quan sát máy bay ở trên nóc khách sạn Đồng Lợi. Năm 1968-1969 sau nghề dệt là ông làm nghề vắt sớ, nhận vải từ công ty gia công mậu dịch. Nghề này ông chỉ làm trong 1 năm. Sau năm 1970 ông ăn lương ở khách sạn. Sau khi sơ tán cả nhà sống nhờ vào lương hưu của 2 ông bà + lương của các con (300đ) đủ ăn (đôi khi cũng thừa gạo bán để mua thức ăn).

Hiện nay lương hưu của ông được 900.000đ, bà 1100.000 đ. 3 con cung cấp thêm

500.000đ/tháng = 1.500.000đ. Diện tích nhà ở của ông bà rộng 240 m² (2 tầng).

Ông CN6 thấy thời kỳ sơ tán (chống Mỹ) là thời kỳ khó khăn nhất. Thời kỳ dễ chịu nhất là bây giờ. Con thứ 2, thứ 6, thứ 7 (3 gia đình con sống ở số nhà này). Tất cả có 7 cái xe máy. Năm 1952 ông đã có tiền mua xe máy Vespa.

Điều tra chiều 31/8/2007

Họ và tên: CN7

Nam, sinh năm 21/ 6/ 1926

Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ hiện nay: phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Nhà báo, ông về hưu năm 1989 nhưng vẫn viết báo có nhuận bút.

Bố mẹ ông sinh ra hơn 10 người nhưng còn sống có 7 người (số còn lại chết từ nhỏ).

Ông CN7 có 7 anh chị em:

1. Nữ, sinh năm 1925. Nghề nghiệp: Dược tá công ty Dược phẩm Hà Nội
2. Nam, sinh năm 1926 (CN7 - người trả lời phỏng vấn). Giáo viên trường mẫu giáo.
3. Nam, sinh năm 1930. Hoạ sĩ, nhà báo - Học trường Mỹ thuật Đông Dương. Lúc đầu học ở Thanh Hoá rồi chuyển lên Việt Bắc. Hoà bình lập lại ở phố Yết Kiêu, Hà Nội.
4. Nữ, sinh năm 1930. Trưởng phòng Hành chính trường ở Mai Dịch. Tốt nghiệp trung học phổ thông cấp 2 Thành Chung, Thái Bình.
5. Nữ, sinh năm 1934. Là phiên dịch tiếng Trung Quốc. Bà học tiếng Trung Quốc ở thành phố Nam Ninh, Trung Quốc 1 năm (1954). Học ở trường Thành Chung, Thái Bình
6. Nam, sinh năm 1936. Tốt nghiệp đại học Tài chính Hà Nội. Làm kế toán ở cơ quan xây dựng Hải Phòng.
7. Nam, sinh năm 1938. Giáo viên cấp 3. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Hà Nội. Ông đi bộ đội năm 35 tuổi. Khi về hưu quân hàm ông là Thượng tá.

Tất cả 7 anh chị em nhà ông là công chức nhà nước, đi theo Đảng.

Ông bắt đầu đi học ở trường tiểu học thị xã Thái Bình (6 năm tiểu học), 3 năm ông học tiếng Pháp. Cấp 2 ông học ở trường Thành Chung, thị xã Thái Bình. Ông học 4 năm bằng tiếng Pháp, đến năm 1945 ông tốt nghiệp cấp 2.

Từ 19/8/1945 ông tham gia cách mạng. Khi đó còn trẻ nên ông tham gia cách mạng rất nhiệt tình. Ông tham gia biểu tình hô khẩu hiệu, mít tinh ở thị xã Hoà Bình. Bố ông mất năm 1945 do bệnh, mẹ mất năm 1947. Khi đó ông đi làm nuôi các em ăn học. Sau năm 1946 tổ chức các lớp dạy bình dân học vụ ở nông thôn và thành phố. Các em ông về quê mẹ ở xã Bình Định, Huyện Kiến Xương tản cư. Các em ông dạy gia sư cho các gia đình (phú nông, trung nông) họ nuôi cơm ăn.

Năm 1946 ông lấy vợ (20 tuổi). Vợ ông làm nghề cắt vó tôm, trồng rau, bắt cua để sống. Cơ quan của ông là trường Bình dân học vụ, Thái Bình. Cuối tuần ông đạp xe về quê, đầu tuần trở về cơ quan.

Sau năm 1946 Pháp chiếm thị xã Thái Bình. Trường Bình dân học vụ phải đi sơ tán về

Thái Ninh, tỉnh Thái Bình. Bây giờ là huyện Thái Thụy. Lương 120 đ tiền, có thể nuôi đủ được 2 người. Thời kỳ đó tiền gọi là giấy bạc Việt Nam. Ông Đồng ký tên có ảnh cụ Hồ. Hàng tháng ông gửi tiền lương về cho vợ.

Sau năm 1954 ông chuyển về Hà Nội làm báo. Vì ngày xưa ông học giỏi về văn cho nên ông rất hợp với nghề làm báo. Ông tự tìm việc và thuê nhà lấy. Đầu tiên ông làm cộng tác viên của các báo. Sau đó ông viết bài giỏi rồi họ nhận ông vào. Năm 1955 báo Thời mới ở phố Bà Triệu nhận ông về làm việc. Bây giờ là Tạp chí Cộng sản. Năm 1965 tờ báo này có tên là thủ đô Hà Nội rồi đổi tên là Hà Nội mới ở phố Lý Thái Tổ. Năm 1989 ông về nghỉ hưu. Sau khi về nghỉ hưu ông làm trưởng Ban liên lạc.

Khi ông về Hà Nội, ông mang tất cả 7 anh chị em cùng về Hà Nội. Ông thuê nhà ở phố Phan Bội Châu từ năm 1954 đến nay. Khi bắt đầu thuê nhà có 9 người sống ở đó (7 anh chị em + vợ, con). Diện tích nhà ở rộng 315 m². Năm nay đã mua được của Nhà nước có sổ đỏ. Trừ năm công tác, huân chương,... 10 triệu đồng. Tổng số phải trả là 3.44. 000 đồng. Ông cảm thấy gia đình ông thời kỳ này là thoải mái nhất, hạnh phúc nhất.

Thời kỳ chống Mỹ gia đình ông vô cùng khổ cực. Thanh niên thì vào Nam đi chiến đấu. Năm 1965 vợ và các con đi sơ tán về quê Thái Bình chỉ khoảng 5, 6 tháng. Khi ông đi viết báo thường trú ở Nam Định, Hải Phòng để viết tin đưa về Hà Nội. Năm 1965-1970 gia đình bà tiếp tục đi sơ tán về Xuân Đỉnh, Từ Liêm, Hà Nội.

Các con ông CN7:

1. Nam, sinh năm 1955. Học giỏi toán. Tốt nghiệp đại học Giao thông. Sau 1 năm đi bộ đội đóng quân ở Savakhét (Lào). Anh đã bắn rơi máy bay OV10. Anh đã được kết nạp Đảng tại chỗ. Sau khi thống nhất 1975 anh trở về trường học tiếp đại học Giao thông. Làm Giám đốc Công ty bến xe Gia Lâm.
2. Nam. Học cấp 3 Phan Đình Phùng đi tuyển quân đội vào lính Phòng không không quân. Ông được đào tạo phi công nhưng không học hết bỏ dở. Lúc đầu đóng quân ở Biên Hoà, Tân Sơn Nhất, Sân Bay Sao Vàng (Thanh Hoá). Học đại học Kinh tế Kế hoạch. Sau đó được kết nạp Đảng. Sau năm 1975 về phục viên. Bây giờ là giám đốc Công ty May, q. Thanh Xuân.
3. Nam. Học hết cấp 3, sau đó đi lính năm 1979 bộ binh chống Tàu ở Quảng Ninh dốc Cao Ba Lanh. Bắn chết 3 thằng Tàu được danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quân làm trung đội trưởng về phục viên năm 1982 làm ở công ty May, sau đó đi xuất khẩu lao động sang Đức. Hiện nay đang sống ở Đức làm Văn phòng cho 1 cơ quan xuất khẩu của Đức. 1 năm gửi cho ông khoảng 2, 3 lần. Mỗi lần 2000 URO.
4. Tốt nghiệp ĐH Công đoàn. Làm phó chủ tịch LĐLĐ, q. Long Biên, Hà Nội.

Trong thời kỳ chiến tranh ông viết bài ở chiến trường 3 lần suýt chết. Ông tham gia tổ phóng viên xung kích để viết bài về đánh B52. Ông đã được nhận huy chương chống Mỹ hạng nhì và Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng ba. Cuộc đời ông tiền vận khổ; hậu vận sướng. Từ khi về hưu 1989 ông rất thoải mái. Hiện bây giờ ông nghỉ hưu rồi nhưng ông vẫn viết bài, có nhuận bút, trong người không có bệnh tật gì.

Lương hưu của ông hơn 2 triệu/tháng. Bây giờ chỉ có hai ông bà sống trong nhà này cùng

2 cháu (con anh cả). Con cả sống bên cạnh nhà của ông nhưng ăn riêng. Vợ ông hàng ngày nấu cơm đi chợ. Còn ông thì rửa bát, lau nhà, tự giặt quần áo. Ông không đi xe máy, chỉ đi xe đạp và đi bộ, khi nào đi đâu xa thì đi bằng tắc xi. Nhà ông có máy CD player, dàn nhạc Nhật (con trai gửi từ Đức về). Theo ông thời kỳ chống Pháp gia đình ông là khó khăn nhất.

Vợ ông CN7 sinh năm 1927 bà làm việc ở Hợp tác xã sản xuất Văn phòng phẩm ở Xuân Đình, Từ Liêm. Bà về hưu 1 cục (nhận được vài chục triệu). Trước đây bà đi làm bằng tàu điện.

Điều tra sáng 31/8/2007 & chiều 12 /9/2007

Họ và tên: CN8

Nữ, sinh năm 1937

Quê quán: Làng Tương Mai, Huyện Thanh Trì, Hà Nội (Nhà ở mặt đường phố chứ không phải trong làng)

Địa chỉ hiện nay: Đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Bố bà CN8: Sinh năm 1911. Bố bà học ở trường trung học Lixevialo cùng với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sau khi tốt nghiệp trung học ông làm thư ký ở Toà thị chính sau đó làm Thủ Hiến phủ từ năm 1951 đến 1954. Hàng ngày đi làm ông đi làm bằng xe đạp. Lúc bố 21 tuổi ông lấy vợ. Ông sinh 13 người con nhưng bây giờ còn 7. Ông đi xe đạp đi học, ăn cơm đầu ghè (cơm bình dân); ăn cơm với tép rang. Ông nội bà làm ở Đốc Lý / Hàm hàn rồi làm cán bộ Ủy ban thành phố. Bà Nội: nhà bà có nhiều đại lý muối rải từ Hà Nội đến Thường Tín, Hà Tây. Khi đó nhà của bố mẹ bà ở Bạch Mai. Nhà có cái đền ở làng Tương Mai (2000 m²). Ông nội bà đi chùa muốn làm 1 cái Đền riêng. Bây giờ diện tích chỉ còn khoảng 200 m² để thờ. Tên đền là “Mai Lâm Cư Sĩ” nay là Mai Lâm. Từ Tương Mai đến Hà Nội khoảng 5,6 km.

Gia đình bà CN8 có 7 anh em;

1. Nữ, sinh năm 1933. Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Làm Phó Giám đốc cây trồng Hà Nội.
2. Nam, sinh năm 1936. Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp khoá I (Trường lúc đó ở Văn Điển). Là Kỹ sư Chăn nuôi.
3. Nữ, sinh năm 1937 (CN8 – người trả lời phỏng vấn)
4. Nam, sinh năm 1939. Tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Nga Văn. Làm phiên dịch cơ khí Nông nghiệp sau đó dạy ở đại học Nông nghiệp I Hà Nội. Sau đó làm ở Bao nhân dân chủ nhật. Sau đó làm Tổng Biên tập báo Nhân dân chủ nhật. Bây giờ là Tổng biên tập báo Sức khoẻ và Đời sống.
5. Nam, sinh năm 1946. Tốt nghiệp khoá 6 Đại học Nông nghiệp. Sau khi học đại học xong anh đi lao động ở Tuyên Quang 1 thời gian sau đó đi bộ đội vào chiến trường miền Nam và bị thương ở mặt. Anh xuất ngũ và làm ở Ủy ban vật giá Trung ương. Nay đã nghỉ hưu.
6. Nam, Sinh năm 1949. Tốt nghiệp khoa Sinh vật đại học Tổng hợp. Bây giờ là Viện trưởng Viện ở Nha Trang.
7. Nữ, sinh năm 1952. Tốt nghiệp trung cấp sư phạm 10+3. Làm giáo viên trường cấp 1,2 Phố

Lò Đúc.

Mẹ: Sinh năm 1915, lấy chồng năm 17 tuổi. Năm 1945 bà học cấp 1 ở trường tư thục Chu Văn Trinh. Do sinh viên tình nguyện dạy theo hướng Đạo sinh. Trường này tất cả là con em nhà giàu. Trường này gần chợ Mơ, bây giờ gọi là Villa Vĩnh Hồ. Bà học ở trường này được vài tháng thì có chiến tranh nên phải nghỉ học. Làng Tương Mai - làm lúa. Làng Giáp Nhị làm - làm vàng mã

Sau cách mạng tháng 8 bố của bà làm chủ tịch xã sau đó gia đình bà cho trẻ em đi tản cư về nhà ông bà ngoại ở làng Giáp Nhị. Ông bà ngoại khá giàu có.

Năm 1946 cả gia đình đi xe ngựa về Quất Động, Thường Tín để tản cư về ở cùng nhà họ hàng. Sau đó đi tản cư tiếp vào làng đào Xá (làm nón) Hà Tây. Năm 1948 tất cả gia đình về Hà Nội ở phố Bạch Mai mở cửa hàng. Ông bà làm ở Thủ Hiến Phủ (ở nhà khách chính phủ bây giờ). Hồi đó ai đẻ con nhiều thì được nhận nhiều lương. Gia đình bà nhận được 1 vạn tiền đồng Đông Dương/tháng. Trong nhà bà nuôi 2 vú em, 1 người giúp việc, gánh vải ra chợ bán. Nhà ở phố Bạch Mai, bà bán vải ở chợ. Nhà bà có máy nghe nhạc. Mỗi tháng có thể mua được 1 xe đạp. Gia đình bà bán vải ngoài ra còn bán thêm 1 tủ thuốc lá

Năm 1954 bà lên sống ở phố Triệu Việt Vương. Sau khi lên Hà Nội bà tiếp tục học ở trường Hàng Kèn phố Quang Trung bây giờ. Cấp 2 học ở trường nữ sinh Đông Dương. Hồi đó trường Đồng Khánh chỉ đào tạo nữ (phố Hàng Bài). Trường Trưng Vương thì đào tạo cả nam và nữ (bây giờ ở trường Văn hoá nghệ thuật Hà Nội). Năm 1957-1958 bà chuyển về học ở phố Hai Bà Trưng, hồi đó chỉ có nữ học thôi. Bà đi học mặc áo dài đồng phục, áo dài màu lam (tím than). Lúc 21 tuổi bà học cấp 2 đến cấp 3. 10 năm đi học cấp 1 đến cấp 3 sau đó thi đại học trượt. Từ năm 1954 làm thủ hiến phủ. Sau năm 1954-1956 làm ở Ủy ban quận Hai Bà Trưng Hà Nội.

Mẹ bà rán bánh chuối bán ở cửa nhà (phố Tô Hiến Thành).

Năm 1953 gia đình bà mua nhà. Năm 1954 tiếp quản thủ đô. Năm 1960 các anh chị em của bà tốt nghiệp đại học.

Bố bà khi về hưu không làm gì chỉ đọc sách, làm thơ, viết gia phả, Bố bà chết năm 1989. Bà tốt nghiệp khoa Hoá trường Đại học Sư phạm.

Năm 1960 bà đi làm công tác phong trào của Thành đoàn Hà Nội ở xã Cẩm Khê, huyện Đông Phú, tỉnh Phú Thọ. Ở đó có nhiều hoa quả, bà rất thích và ăn rất nhiều nên nóng bị mụn nhọt rất nhiều. Bà lấy chồng năm 1961 và sinh con đầu lòng năm 1964. Bà sống ở nhà tập thể. Năm 1962-1963 bà về Việt Trì, Phú Thọ, bà thích lắm vì từ bé bà ở Hà Nội lên đó có nhiều đồ ăn, thoải mái, phụ huynh quý mến lắm.

Chồng bà là người Hà Nội học cùng anh trai ở trường đại học Nông nghiệp. Anh trai bà giới thiệu cho. Năm 1961 bà về nhà cưới sau đó lại lên Phú Thọ công tác. Bà gặp chồng bà sau khi tốt nghiệp phổ thông (21 tuổi). Chồng bà đã hy sinh năm 1966. Trong thời gian 2 kỹ sư Nông nghiệp đến Hải Phòng họp bị pháo kích bắn rơi vào bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng cấp cứu vài tiếng rồi chồng bà bị hy sinh. Bố bà đánh điện báo cho bà chồng bị thương. Bà đạp xe đạp đến ga Phú Thọ rồi đi tàu hoả về Hà Nội. Khi về đến nhà thì chồng bà đã chôn rồi.

Bà rất đau khổ. Khi đó bà có 1 con trai được 2 tuổi ở với ông bà nội. Sau đó bà xin về cơ quan chồng Nông trường Nông nghiệp Từ Sơn Bắc Ninh để làm việc, bà đi dạy bổ túc văn hoá cho các Giám đốc, Phó giám đốc các Nông trường trình độ từ cấp 2 trở lên. Bà dạy môn Văn học cấp 2 phổ thông. Khi đó có anh hùng Hồ Giáo của Nông trường chăn nuôi Ba Vì cũng tham gia học. Lớp học của bà có nhiều người miền Nam ra Bắc tập kết học, đa số là người miền Nam làm giám đốc Nông trường.

Bà đã gặp ông T là bạn của anh trai bà rồi kết hôn năm 1968. Ông T là người Hà Nội.

Năm 1966-1969 bà dạy bổ túc văn hoá ở Bắc Ninh. Năm 1969 bà sinh con của chồng thứ 2 ở Hà Nội ở phố Tô Hiến Thành. Nghi sinh cháu 4 tháng ở Hà Nội. Trường bổ túc chuyển từ Từ Sơn Bắc Ninh về Đồng Giao, Ninh Bình. Nhà tranh tre vách lá, tường vách đất. Ăn bột mỳ, làm mỳ sợi. 13,5 kg/tháng (50 % gạo, 50 % bột mỳ). Trẻ em con gái bà được 0,5 kg thịt/tháng; bà được 0,3 kg thịt/tháng. Nhà ở diện tích 25 m².

Năm 1969-1971 gia đình bà sống ở Ninh Bình nhưng bà và con gái sống ở ký túc xá trường Đại học Sư Phạm, khi đó bà là sinh viên Đại học Sư phạm, Cầu Giấy. Năm 1972 Trường ĐH Sư phạm đi sơ tán ở Hưng Yên. Lúc đó bà đang có chửa đứa con thứ 2. Ông bà nội sống ở phố Lê Duẩn. Ông bà ngoại sống ở phố Tô Hiến Thành. Sau đó bà được trường cấp cho 1 phòng nhà kho ở khu Văn Công, Mai Dịch (Chùa Hà) để ở. Khi đó phòng ở có nhiều muỗi như châu chấu. Năm 1972 khi đi sơ tán ở Hưng Yên thì bà ở nhờ nhà dân. Nhà đó có chồng đi B được 1 năm thì chồng hy sinh ở đường 9 Nam Lào. Cuộc sống ăn uống chỉ có lạc giã cho ít nước mắm, mỳ chính nấu lên thành batê để ăn. Cuối năm 1972 bà chuẩn bị sinh con thứ 2 là về Hà Nội. Khi đó trường chưa chuyển về Hà Nội. Sau khi bà sinh con thứ 3 thì trường về hẳn Hà Nội không phải đi sơ tán nữa. Gia đình bà về Hà Nội sống ở khu Văn công Mai Dịch. Bà ngoại trông và chăm sóc cháu họ. Năm 1973 con gái được 2-3 tuổi thì về nhà bà ngoại ở Tô Hiến thành.

Năm 1975 bà ra trường thì về nhập hộ ở phố Lê Duẩn, Hà Nội (Nhà này là của anh ruột mẹ chồng bà đã đi di tản vào Nam 1954). Diện tích nhà rộng 50 m² (có 2 phòng). Hiện có 4 người ở. 2 vợ chồng bà + cô con gái út + em gái chồng không lấy chồng. Từ năm 1975-1992 bà về dạy ở trường, phố Phó Đức Chính, q. Ba Đình (Tên cũ là trường trung học Trung Hoa thời Pháp). Năm 1991 trường chuyển về phố Liễu Giai, vẫn giữ tên là trường cấp 2.

Năm 1978 ông T làm phiên dịch tiếng Anh và tiếng Pháp cho ông Saito người Nhật. Sau đổi mới năm 1987-1989 ông đi Ăngôla làm chuyên gia dạy về chăn nuôi. Trước khi đi Ăngôla ông làm về chính sách khoan nước (giếng khoan) ở Thái Lan, Miến Điện. Khi đi Ăngôla về ông không đi làm ở Bộ Nông nghiệp nữa mà chuyển sang bộ phận khai hoang Bộ Lao động. Năm 1989-2000 ông về dạy Ngoại ngữ tiếng Anh ở nhà và ở Đài truyền hình.

Thời bao cấp chồng bà làm ở Bộ Nông nghiệp ngoài lương ra chồng bà còn có bổng lộc, quà biếu nên bà không phải đi bán xôi. Thời gian này bà cảm thấy thoải mái. Sau đổi mới con cái bà làm ở công ty phi chính phủ được lương khá cao.

Con thứ 3 học ở Nga về. Con thứ 4 học ở đại học Ngoại ngữ rồi dạy ở trường gần Chùa Hà. Sau đó học thêm ngành kinh tế đi làm ở văn phòng luật sư của Pháp, rồi Bệnh viện Việt

Pháp.

Bà CN8 có tất cả 4 con (1 con với chồng thứ nhất, 3 con với chồng thứ 2).

1. Nam, sinh năm 1964. Tốt nghiệp đại học Bách khoa năm 1987. Anh là kỹ sư chế tạo máy. Làm việc ở nhà máy phích nước, Hà Nội.

2. Nữ, sinh năm 1969. Tốt nghiệp khoa Sinh Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1991. Hiện nay chị làm việc cho công ty Phi chính phủ của Anh.

3. Nữ, sinh năm 1973. Tốt nghiệp Đại học Thể dục Thể thao ở Nga năm 1994. Dạy thể dục nghệ thuật nhưng chị không thích nên đã học thêm Đại học Báo chí nay làm ở Báo Sức khoẻ và Đời sống.

4. Nữ, sinh năm 1976. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Ngoại ngữ tiếng Pháp năm 1998. Chị làm phần mềm máy tính ở Bệnh viện Việt Pháp. Lương là 5 triệu/tháng.

Hiện nay lương hưu của bà 2 triệu /tháng. Ngoài ra bà có cửa hàng ở phố Tô Hiến Thành cho thuê 5 triệu/tháng (khoảng 20 m²).

Ông có lương hưu khoảng 1,8 triệu/tháng. Nhà ở hiện nay của bà là ở phố Lê Duẩn, nhà 3 tầng. Sau năm 1954 nhà bà ở tất cả, phòng trong cùng là của bà chị thứ 2. Năm 1960-2005 nhà hiến cho chính phủ (cải tạo công thương nghiệp) cho nhân viên công ty ăn uống ở để có quyền lợi. Hiện nay các gia đình khác ở số nhà này được cấp sổ đỏ, nhưng nhà của gia đình bà chưa làm được sổ đỏ vì chưa trả tiền cho Nhà nước nên không được quyền sở hữu.

Năm 1952-1954 là thời kỳ bà cảm thấy sướng nhất vì bố bà có nhiều tiền bà không phải làm gì. Thời kỳ mở cửa bà cũng cảm thấy thoải mái nhất. Năm 1972-1975 bà vừa đi học vừa nuôi con bà cảm thấy khổ nhất. Thời kỳ bao cấp cả nước khổ, gia đình bà cũng khổ. Năm 1989 chồng bà đã mua được xe máy Nhật gửi từ nước ngoài về.

Điều tra sáng 11/9/2007

Họ và tên: CN9

Nam, sinh năm 1935

Quê quán: Phố Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Phố Cửa Nam, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bố ông là người Cửa Nam, Hà Nội (4 đời người gốc Hà Nội). Bố ông làm thanh tra Giáo dục. Đốc học làm ở Bộ Giáo dục Pháp. Hiện nay con rể ông làm Viện trưởng Viện Khoa học. Bố ông tốt nghiệp Diplom bằng thành chung. Bố ông học ở trường Bưởi (trường Bảo hộ). Vợ ông sinh năm 1939.

Ông CN9 bắt đầu đi học lớp 1 năm lên 7 tuổi ở trường Ngô Sĩ Liên (Hiện nay ở phố Hàm Long). Ông học ở đây đến 12 tuổi. Sau 12 tuổi đến 19 tuổi ông thi vào cấp 2+3 Chu Văn An (phố Cửa Bắc, Phan Đình Phùng). Ông đi học hàng ngày đi bộ khoảng 2 km từ nhà đến trường. Một tuần ông phải học 3 giờ tiếng Pháp, 2 giờ tiếng Anh và 1 giờ tiếng Hán còn lại là học tiếng Việt. Khi Pháp chiếm đóng ở Cửa Nam, người Hà Nội rất sợ người say rượu mua hàng không trả tiền. Thời kỳ đó nhà ông có bà cô ruột không lấy chồng bán sách vở, giấy bút thuốc lá. Thời kỳ Pháp chiếm đóng đi lại rất khó khăn nên đã đào hầm xuyên tường sang nhà

nhau. Chính vì vậy mà bộ đội du kích chuyển quân đi trong nhà dân mà Pháp không biết. Nhà nào có thanh niên là phải tham gia đào hầm xuyên tường. Diện tích đất là 200 m². Diện tích nhà ở là 120-130 m².

Năm 1945 ở Hà Nội có rất nhiều người bị chết đói, buổi chiều xe bò kéo tay đi thu gom xác người chết mang đi chôn. Năm 1946 nhà ông đã thoát cháy, cuối cùng đã cháy nhà số 25 (bên cạnh), vì có một ông người Hoa nói hộ gia đình là giáo viên nên không bị đốt.

Năm 1959 ông 24 tuổi kết hôn, vợ 20 tuổi. Ông tốt nghiệp năm 1954 thi đỗ tú tài toán. Sau khi tốt nghiệp ông học Đại học Sư phạm, Cầu Giấy 2 năm (cấp tốc) vì thiếu giáo viên. Ông học môn toán. Sau khi tốt nghiệp ông dạy trường cấp 3 Việt Đức từ năm 1956 cho đến 1990 về hưu.

Thời kỳ chống Mỹ cả gia đình ông đi sơ tán đến làng Chuông, Hà Tây (làng Nón) 3 năm. Ông tiếp tục dạy ở làng Phương Trung. Giáo viên trường Việt Đức đều đi sơ tán theo yêu cầu, trường tạm thời nghỉ. Ban giám hiệu chuyển lên Hà Bắc vẫn gọi là trường Việt Đức. Họ xây dựng lán trại cho mình. Bây giờ thuộc huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang. Năm 1970 khi đi sơ tán suốt ngày phải chạy bom. Lúc 5 giờ chiều bộ đội về làng, 2 giờ sáng bộ đội rút quân, 5 giờ sáng rải bom rất nhiều người bị chết. Đòi sống sinh hoạt: ăn uống ra đồng bắt được con gì thì ăn (nhái, châu chấu...) ăn 1 bữa cơm, còn đâu ăn bo bo, bột mỳ, sắn khô. Một tháng đi xe đạp về Hà Nội mua một lần thức ăn theo tem phiếu tiêu chuẩn giáo viên: 3 lạng thịt, 0,5 lạng đường, 13,5kg gạo, vải 5 mét. Tiêu chuẩn của nhân dân là 1 lạng thịt/tháng. Năm 1969 đi sơ tán lần thứ nhất sau đó về Hà Nội. Sau đó lại đi sơ tán lần 2 vào năm 1971. Hai con ông cùng đi sơ tán đến năm 1972 về Hà Nội sau khi Mỹ đánh phá Hà Nội. Sau khi sơ tán về Hà Nội đời sống vẫn khổ, nhưng không sợ bom đạn nữa. Chế độ tem phiếu bắt đầu từ năm 1962 đến 1963.

Ông CN9 có 3 người con:

1. Nam, sinh 1960. Tốt nghiệp đại học Văn hoá năm 1982. Hiện nay làm việc ở Nhà hát Tuổi trẻ. Vợ tốt nghiệp đại học Ngoại thương làm việc ở Công ty Nhà nước.
2. Nữ, sinh năm 1963. Tốt nghiệp đại học Kinh tế Tài chính năm 1984. Làm việc ở ban thanh tra chi cục Thuế.
3. Nữ, sinh năm 1969. Tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân. Làm việc ở ban kế hoạch nhà xuất bản.

Ông có 4 cháu. Vợ chồng ông sống cùng con trai, con dâu, cháu gái + 1 người giúp việc.

Lương hưu của ông 1,5 triệu, vợ 1,3 triệu/tháng. Vợ ông là giáo viên dạy ở trường Hoàn Kiếm. Con thứ nhất lương 4 triệu/tháng, vợ anh này 5 triệu/tháng.

Nhà ông có cửa hàng cho thuê 3 triệu/tháng. Nhà ông xây từ năm 1990 sau thời kỳ đổi mới. Nay muốn xây dựng mới (có tiền) nhưng không được xây vì nội bộ chưa giải quyết được cho nên nhà nước cũng chưa cho phép.

Sau thời kỳ đổi mới, đời sống nhà ông cao lắm, ông không phải lo gì cả. Các con ông hỗ trợ khi ông cần mua gì. Theo ông bây giờ là thời kỳ ông sung sướng nhất. Năm 1963-1965 là thời kỳ khó khăn nhất (thời kỳ sơ tán). Gia đình vợ ông quê ở làng Chuông. Trước năm 1954

cả gia đình ông sang Hà Nội ở phố Bảo Khánh.

Gia đình ông CN9 có 6 anh em (3 trai, 3 gái).

1. Nữ, sinh năm 1929. Bà vào Sài Gòn với chồng trước năm 1953. Trình độ văn hoá tốt nghiệp tiểu học 6 năm học tiếng Pháp.
2. Nam, sinh năm 1931. Ông học ở trường Thanh Quan 7 năm ở phố Hàng Cót. Ông tốt nghiệp sau đó đi học Sư Phạm, Cầu Giấy 2 năm. Sau đó ông làm nghề dạy học.
3. Nam, sinh năm 1933. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Vinh. Dạy cấp 3 ở Vinh sau đó chuyển về Thái Bình.
4. Nam, sinh năm 1935 (CN9 – người trả lời phỏng vấn)
5. Nữ, sinh năm 1937. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Cầu Giấy. Bà dạy cấp 3 ở Bắc Ninh.
6. Nữ, sinh năm 1939. Bà học hết cấp hai trung học. Bây giờ bà bán hàng ở cửa hàng Bách hoá Gia Lâm. Nay đã về hưu.

Điều tra chiều 11/9/2007

Họ và tên: CN10

Nam, sinh ngày 15/5/1931 (Tân Mùi)

Quê quán: Xã Đông Khê, Đông Sơn, Thanh Hoá.

Địa chỉ hiện nay: Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Bố mẹ ông làm ruộng. Bố mẹ ông không có ruộng, gia đình ông thuộc thành phần bản nông (1 gia đình có khoảng 4 m²). Bố mẹ ông thời kỳ này có nhà riêng ở quê.

Ông CN10 có 4 anh chị em;

1. Nữ, sinh năm 1922. Bà làm ruộng lấy chồng ở Hải Hậu, Nam Định
2. Nam, sinh năm 1931 (CN10 - người trả lời phỏng vấn)
3. Nam, sinh năm 1933. Ông vừa làm ruộng vừa sửa chữa xe đạp ở Thanh Hoá
4. Nữ, sinh năm 1935. Làm ruộng ở Thanh Hoá.

Năm 1938-1944 ông bắt đầu được đi học ở Thanh Hoá. Bố ông khi đó rời quê Thanh Hoá về thành phố Thanh Hoá sống với bà cô không có con đã nuôi và cho bố ông hồi đó để ăn học. Cho nên bà đã nhận làm con nuôi. Sau đó bố ông làm tùy phái Bộ Trinh sát ở thành phố Thanh Hoá cho Nam Triều Bảo Đại. Bố ông học hết lớp 5. Sau năm 1945 bố ông không làm ở chính phủ Nam Triều nữa, ông về nghỉ hưu. Ông sinh ra ở thành phố Thanh Hoá cho nên ông học tiểu học ở thành phố Thanh Hoá. Năm 1944 ông không đi học nữa mà ông đi làm đường ở sân bay để biết, cho nên ông chỉ làm 1 đến 2 tháng thôi. Bố của ông không làm việc chỉ ở nhà trồng cây cảnh, chăm nom dạy dỗ con cái. Cô ruột cung cấp tiền, lương thực cho gia đình ông. Ông đi học bằng xe kéo, ăn quà thoải mái. Ông thích ăn gì cứ ký vào sổ rồi bà cô trả tiền. Ông đã nhìn thấy quân đội Nhật. Họ đi máy bay xuống lúc đó chưa có phương tiện, đèn sáng nên phải đốt đồng rơm để có ánh lửa và khói thì máy bay mới có tín hiệu để hạ cánh.

Năm 1939 nhà hàng xóm của bà cô đã vô ý làm cháy lây sang nhà hàng xóm nên nhà bà cô bị cháy sạch. Nên từ đó bà ít tài trợ Bà cô bán bánh xèo, cháo lươn, chả tôm, bánh đúc, bánh xèo. Bà không có cửa hàng chỉ bán ở nhà thôi. Đến năm 1972 cả nhà bà về quê. Ông ở

nhà quê nửa năm, bà cô sợ đi chơi hư người nên lại cho đi học tiếp.

Sau Cách mạng Tháng tám ông nghỉ học, ông bắt đầu đi học nghề lái xe ô tô. Thời gian học nghề là 2 tháng. Sau khi học lái xe ô tô ông rất thích nghề này. Bà cô rất thích đi hát Cô đầu (ả đào). Năm 1947 chính sách tiêu thổ kháng chiến theo chỉ định của Việt Minh. Chương trình dạy bình dân học vụ xoá mù chữ.

Mẹ ông về quê bán hàng, ông có thể tự hào về nghề ông tự sáng tạo ra đó là những trò chơi hộp chiếu phim mà ông kiếm được nhiều tiền từ cái nghề này.

Ông là người có khả năng về cơ khí nên ông đã tự sản xuất ra những dụng cụ để sử dụng trong gia đình. Sau đó ông lại tiếp tục làm nghề lăn thuốc lá bán, đóng hộp, đóng bao để bán, loại Vạn Niên, Bazoka, Hoa Lư... do chính phủ Việt Minh quản lý.

Trong kháng chiến cơ quan chính phủ không tập trung một nơi mà nó phân tán đi các nơi. Công an khu 4 gọi là Liêm phóng bao gồm cả mật thám + công an. Tỉnh = Ty, Trung ương = Nha; Khu = Liên khu. Ông tham gia Công an Liên khu 4. Ông làm việc ở đó năm 1948-1951.

Tháng 5/1954 ông là chiến sĩ bộ đội lái xe ô tô trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau chiến dịch Điện Biên Phủ ông làm ở Nha giao thông ở phố Lý Thường Kiệt. Ông sống ở đây từ năm 1955. Trước tiếp quản ông sống ở phố Lý Thường Kiệt. Năm 1957 sau khi lấy vợ ông sống ở đây. Hoa Kiều, Việt Kiều, Cổng chào cờ hoa rợp trời không kém gì Trung Quốc bây giờ.

Bố vợ ông cũng làm nghề vận tải nên bạn bè giới thiệu ông để lấy vợ. Sau khi kết hôn ông bà vợ thuê ông lái xe. Nhưng ông bà không có con trai. Sau khi ông bà qua đời ông thờ phụng bố mẹ gia đình nhà vợ. Diện tích nhà ở là 238 m². Tổng số có 11 người sống ở đó (ông bà, 2 con trai, 2 con dâu, và các cháu...)

Năm 1957-1959 ông là bộ đội lái xe cho đường mòn Hồ Chí Minh. Năm 1959-1991 ông lái xe khách cho công ty xe buýt Hà Nội. Ông đã về hưu từ Công ty xe buýt này.

Gia đình ông có đi sơ tán nhiều nơi như ở Mộc Châu (Sơn La), Đan Phượng (Hà Tây), Mỗ (Hà Đông), Thanh Hoá, Hà Nội, Phú Xuyên (Hà Tây), Mai Lĩnh (Hà Đông). Đời sống đi sơ tán rất khổ cực ăn mỳ, ăn độn.

Ông CN10 có 4 người con

1. Nam, sinh năm 1957. Học hết lớp 10 chưa tốt nghiệp sau đó đi bộ đội nghĩa vụ 3 năm. Làm công tác ở phường rồi đi xuất khẩu lao động ở Xibêri năm 1982-1988 về, học lái xe 2 năm. Bây giờ lái xe với em rể. Từ năm 2004 anh làm nghề lái xe ôm.
2. Nam, sinh năm 1959. Học hết lớp 7, làm cơ khí của nhà máy xe đạp thống nhất. Rồi đi nghĩa vụ quân sự, làm ở công ty vận tải. Năm 1990 anh về nghỉ mất sức, sau đó ai thuê thì làm. Anh lái xe cho công ty Nhật được 3 năm (Khách sạn) từ năm 2005-2006. Bây giờ anh đang học lái xe để chuyển cấp từ 4 chỗ đến 15 chỗ.
3. Nữ, sinh năm 1961. Học hết lớp 10. Làm ở công ty dệt Bông vải sợi. Năm 1989 chị lấy chồng rồi nghỉ việc. Bây giờ mở cửa hàng giải khát ở phố Thái Hà.
4. Nữ, sinh năm 1963. Học hết lớp 7, làm nghề nội trợ.

Lương hưu của ông 1,4 triệu/tháng. Bà được tiền trợ cấp chính sách 176, hàng tháng nhận được 280.000 đồng. Bà làm ở công ty May mặc bông vải sợi năm 1990. Hiện nay bà bán nước chè được khoảng 600.000 đến 700.000 đồng /tháng.

Gia đình ông có 4 thế hệ: ông bà, con, cháu, chắt. Trước đây gia đình ông bà và các con ăn chung, cách đây 3 năm ông bà ăn riêng. Tiền điện nước chia đều làm 3 phần trả: gia đình ông bà và gia đình 2 con trai. Thu nhập của gia đình ông là bình thường. Theo ông thời kỳ chiến tranh chống Mỹ là khó khăn nhất. Bây giờ là thời kỳ thoải mái nhất.

Điều tra chiều 30/8/2007

Họ và tên: CN11

Nữ, sinh năm: 23/2/1921

Quê quán: Bà sinh ra ở Ngõ Tứ Mạc, tên cũ là Ngõ Tân Hưng.

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Tứ Mạc, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Bà đỡ nói nếu sinh con mẹ tròn con vuông thì phải bán nhà cho bà đỡ. Bố làm nghề cai xây dựng nhà. Bà tham gia Cách mạng 1/9/1949. Bà kết nạp Đảng 1/5/1968. Nguyên quán: Hà Nội

Bà làm Hiệu trưởng trường cấp 2, Hà Nội. Trình độ Trung cấp Sư phạm. Bà đã được nhận Huy chương kháng chiến chống Pháp, và huân chương chống Mỹ hạng nhất.

Tiền lương trước khi nghỉ hưu là 78 đồng (năm 1976). Phụ cấp khu vực 9,36 đồng. Phụ cấp chức vụ 7,8 đồng. Chồng bà mất ngày 10/6/1969 (vì bệnh). Ông nhà bà làm về nghề Vô tuyến điện. Mỗi khi đi lên rừng thì hay đi cùng Bác Hồ.

Bà CN11 có 3 người con:

1. Nữ, sinh ngày 29/3/1953. Học ở Liên Xô
2. Nữ, sinh năm 1956. Tốt nghiệp đại học Bách Khoa
3. Nam, sinh năm 1959. Học hết lớp 10 trường Lý Thường Kiệt

Hai con gái bà hiện nay đều có ô tô riêng.

Tháng 1 năm 1949 đến 1/9/1952: Thủ quỹ phòng Giao tế Trung ương cơ quan Đảng ở chợ Chu, Thái Nguyên. Tháng 9/1952: Là Giáo viên cấp 1 xã Bình Thành, H. Định Hoá, T. Thái Nguyên. Tháng 9/1955 đến 9/1957: Giáo viên cấp 1 trường Quang Trung, H. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tháng 9/1957 đến 9/1959: Giáo viên trường Nhân Chính, Đống Đa kiêm chức thư ký Công đoàn. Tháng 9/1959 đến 9/1961: Giáo viên cấp 1 trường Thịnh Hào, Đống Đa, Hà Nội. Ban chấp hành Công đoàn trường Thịnh Hào. Tháng 9/1961 đến 9/1963: Đi học Trung cấp Sư phạm ở Hà Nội (phố Phan Đình Phùng). Năm 1962-1965: Giáo viên cấp 2 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội. Tháng 9/1965 đến 12/1976: Hiệu trưởng trường cấp 2 Đống Đa, Hà Nội.

Gia đình bà CN11 có 8 anh chị em. Có 3 em gái: 1 người sống ở Mỹ, 1 người sống ở Pháp, 1 người sống ở Hà Nội. 1 em trai làm ở Bộ Giáo dục.

Cấp 2 bà học ở trường Thăng Long (gần chợ Hàng Da). Đại tướng Võ Nguyên Giáp dạy Sử cho bà. Năm 1936 bà tốt nghiệp trường Thăng Long. Ngày 2/9/1945: Bà đi nghe đọc bản

tuyên ngôn độc lập.

Bà và các con đi sơ tán ở Thái Nguyên về Hà Nội. Khi đi sơ tán nhà của bà do Nhà Nước quản lý (thời kỳ chống Mỹ).

Khi đi dạy học, vẫn địu con trên lưng rất vất vả. Khi dạy ở trường Nhân Chính thì phải ở thuê nhà.

Trước đây bố bà có 2 dãy nhà ở ngõ Tứ Mạc, là giáo viên nên bố mẹ học sinh muốn đón về nhà họ để dạy cho con họ. Thời kỳ đó lương không thiếu ăn nhưng không có để thuê xe nên nhiều khi phải đi bộ 50 km tay dắt con hoặc cõng con. Bà trước đây sinh khó nên có một bà đỡ bảo nếu lần này bà đỡ cho mẹ tròn con vuông thì bà phải để cho cái nhà. Thế rồi bà phải bán nhà, lấy tiền để xây dãy nhà này.

Bà đi sơ tán về Xuân Phương, Từ Liêm dạy từ năm 1965-1969. Cả 3 anh chị em cùng đi sơ tán với bà, thỉnh thoảng bố mới về thăm.

Sau khi về hưu, bà đan len bán. Tiền bán đan mũ len bà giữ để mua sách vở. Sau khi về hưu bà vẫn đi dạy thêm, lấy học phí của học sinh không đáng bao nhiêu tiền. 1 lớp học có 5 người. Không lấy bằng tốt nghiệp. Bà lương hưu được 1.348.000 đ/tháng. Diện tích nhà ở rộng 100 m². Nhà bà có tất cả 5 người ở. Con trai bà đã tốt nghiệp khoa Động lực ô tô trường ĐH Bách Khoa. Hiện nay là kỹ sư ô tô của công ty. Lương của anh bây giờ là 5 triệu/tháng. Hàng ngày bà đi bộ quanh hồ Thiền Quang. Bà thấy thời kỳ này là bà cảm thấy thoải mái nhất.

Điều tra sáng 15/9/2007

Họ và tên: CN12

Nữ, sinh năm 1927 (Đinh Mão)

Quê quán: làng Hoàng Mai; phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bà CN12 sinh ra ở Phú Thọ

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Vạn Kiếp, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ông nội về Phú Thọ hoạt động Cách mạng chống Pháp. Ông Hoàng Văn Thuý Hiệu “Đề Kiêu” - “Đề Thám”. Ông Hoàng Hoa Thám là họ hàng. Ông nội Đề Kiêu mất năm 1915 (khi đó bà chưa sinh). Vợ cụ đề Kiêu thọ 99 tuổi thì bà biết. Cụ đề Kiêu mất ở Phú Thọ. Bố của bà là con của vợ thứ 5 (là con cả). Bố của bà có ruộng đất, đồn điền mua từ người Pháp để trồng cây chè và cây Bò đề.

Bà bắt đầu đi học năm bà 13 tuổi. Bà học đến lớp 3 ở Phú Thọ. Bố bà mời thầy đến nhà dạy trong thời gian bà nghỉ học. Bà đã học tiếng Pháp ở trường, còn gia sư thì dạy bằng chữ quốc ngữ.

Năm 1948 bà lấy chồng là phó chủ tịch tỉnh Yên Bái. Khi đó bà đang ở đồn điền Thanh Hương, em gái bà đã lấy chồng ở đó. Chồng bà hồi đó đi dự đám cưới của em gái thì gặp bà.

Năm 1940-1943 bố bà bị Pháp bắt 4 năm. Sau đó Nhật đến bắn phá nhà bà. Trong thời kỳ kháng chiến bà và bố bà đều ở Phú Thọ. Gia đình bà tham gia cướp chính quyền chống Pháp. Đồn điền của Pháp ở làng Cát Trù, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cướp chính quyền đồn điền này làm kho, bây giờ thì nhà nước quản lý. Bà đã tham gia cướp chính quyền từ tay

người Pháp (khoảng tháng 4 năm 1945). Bố bà đi thu súng của Pháp để chôn ra bãi. Bà tham gia cướp chính quyền rồi đi học cứu thương làm việc ở bệnh viện tỉnh đi chữa cho binh lính từ năm 1945 đến tháng 2 năm 1948. Sau đó bà lấy chồng.

Năm 1951 bà sinh con gái đầu lòng. Bà sinh con ra ở đồn điền Thanh Lương. Lúc đó bà phải chạy máy bay, bom thả nhiều nên bà luôn phải chui vào hầm để ở. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu cuối năm 1953. Khi đó bà ở Yên Bái làm cán bộ phụ trách các cháu nhỏ (gọi là Chiến khu Yên Bái). Bà phải làm các nghề như đan lát, làm nón, thêu dệt vải để lấy tiền chứ khi đi làm chỉ có gạo. Gia đình bà là địa chủ (có đồn điền) nên không được vào Đảng. Sau năm 1954 bà vẫn ở Yên Bái. Chồng bà về ở Bộ Ngoại giao làm ở Liên khu 10. Năm 1957 chồng bà về Phú Thọ, rồi cả gia đình bà về Hà Nội ở phố Huế (ở với chị gái ở đây) khoảng 2,3 tháng sau đó về ở phố Bà Triệu (nhà của bố chồng). Quê của chồng bà ở Lập Thạch, Vĩnh Phúc. Ông nội bà làm Tổng đốc Sơn Tây, Nam Định, Hải Dương. Cuối đời ông cụ lên đến chức Thượng Thư nên mua được nhiều nhà ở Hà Nội. Bố chồng sinh năm 1879. Bà làm kế toán phụ trách hành chính ở Bệnh viện tỉnh

Bà CN12 có 3 người con:

1. Nữ, sinh năm 1951. Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm, dạy ở trường cấp 2 phố Hàng Cót. Đã nghỉ hưu năm 2006.
 2. Nam, sinh năm 1954. Đi bộ đội xuất ngũ năm 1972 rồi học ở trường Kỹ thuật làm công nhân Kỹ thuật ở Nhà máy. Hiện nay làm nghề kinh doanh chăn nuôi cá ở Vũng Tàu
 3. Nam, sinh năm 1957 (Đình Dậu). Đi bộ đội tên lửa, 1975 đến 1980 tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, tổng động viên. Sau khi về học đại học Ngoại ngữ Hà Nội, tốt nghiệp năm 1984. Bây giờ anh làm cho Tổng cục Đường Biển 3 năm. Năm 1988 làm ở bộ phận đối ngoại Thiết kế Giao thông. Lương của anh khoảng 6 hoặc 7 triệu /tháng.
- Năm 1965-1966 bố anh đi sơ tán ở chùa Hương, 3 chị em đi sơ tán ở Bắc Ninh. Mẹ đi sơ tán ở Trích Sài (làng Bưởi bây giờ).

Tổng diện tích là 172 m², ở phố Bà Triệu. Diện tích nhà ở là 70 m² có 4 phòng. Nhà ở Ngõ Vạn Kiếp có 50 m² x 5 tầng. Đời sống khi đi sơ tán, ăn cơm trộn ngô, trộn sắn, cá khô... Sống nhờ ở trong nhà dân, 3 chị em ngủ 1 giường. Thức ăn của cơ quan cung cấp, ăn không no, dân cho thêm ngô sắn để ăn. Đời sống trong thời kỳ bao cấp gia đình có người nhà ở bên Pháp gửi hỗ trợ cho quần áo, xe máy, ...

Từ năm 1982 đến bây giờ có tiền, năm 1989 mua được xe máy. Bà có lương hưu là 1.960.000 đ/tháng. Bà ở cùng anh T. Hiện nay anh đang làm ăn ở Vũng Tàu. Ông nhà bà mất năm 1992. Anh T sinh năm 1914, đã ly dị vợ. Các con hàng tháng cho bà tiền để tiêu. Nhà nước quản lý đồn điền Thanh Lương (năm 1953 Cải cách ruộng đất).

Bà CN12 có 8 anh chị em:

1. Nam, sinh năm 1926. Lương y, bấm huyệt ở bệnh viện Y học dân tộc.
2. Nữ, sinh năm 1920. Nhân viên làm ở Nhà máy Văn phòng phẩm, phố Lý Thường Kiệt.
3. Nữ, sinh năm 1929 (CN12 – người trả lời phỏng vấn)
4. Nữ, sinh năm 1929. Làm cán bộ ở Sở Thương nghiệp Hà Nội

5. Nam, sinh năm 1931. Bộ đội dạy ở trường Sĩ quan Thiếu sinh quân Trung Quốc dạy về Pháo Binh.
6. Nam, sinh năm 1933. Giáo viên của trường Cao đẳng Sư phạm Ngoại Ngữ Hà Nội dạy ở Quê Lâm (Trung Quốc) dạy môn Địa. Nay ông đã mất.
7. Nữ, sinh năm 1935. Công nhân nhà máy dệt kim Hà Nội. Nay đã nghỉ hưu
8. Nam, sinh năm 1937. Làm việc ở Quảng Ninh, nhân viên nhà nước về cung cấp rau quả. Nay đã nghỉ hưu.

Điều tra chiều 15/9/2007

Họ và tên: CN13

Nữ, sinh năm: 1935 (Đinh Mão)

Quê quán: làng Bối Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (cũ)

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Tứ Mạc, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bố là thợ dệt len ở một xí nghiệp tư nhân Cụ Chung ở phố Hàng Ngang. Sau này cải tạo Công thương nghiệp trở thành quốc doanh. Bố CN13 lên Hà Nội từ nhỏ. Trước khi lên Hà Nội ông bà sống ở Thanh Oai. Sau khi có con ông bà để con ở nhà lên Hà Nội để buôn bán. Bố làm dệt còn mẹ đi buôn bán. Khi bà hơn 10 tuổi sống ở Thanh Oai với ông bà nội.

Bà CN13 có 3 anh chị em.

1. Nữ, sinh năm 1935 (CN13- người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1946. Đi bộ đội hy sinh năm 1968 ở Quảng Trị.
3. Nữ, sinh năm 1952

Bà làm ở nhà máy bia Hà Nội. Đã mất vì bệnh.

CN13 học hết lớp 3 ở quê. 10 tuổi bà ra Hà Nội không đi học nữa vì gia đình bà đi buôn bán. Bà sống ở Ngõ chợ Khâm Thiên. Năm 1945 bà bán thuốc Lào giúp mẹ. Bà nhìn thấy nhiều người chết đói, có người chưa chết hẳn họ cũng cho lên xe bò chở đi. Quân đội Trung Quốc sang tước khí giới Nhật ốm yếu, chân tay phù to tướng.. Gia đình bà đi buôn bán nên vẫn đủ ăn. Năm 1946 cả nhà bà về Thanh Oai, khi về Thanh Oai bố mẹ bà đi bán thuốc Lào ở chợ. Nguyên liệu làm thuốc thì mua ở nơi khác. Gia đình bà có khoảng vài mẫu ruộng đất. Gia đình bà thuộc thành phần trung nông. Nhà gỗ mái tranh. Gia đình bà có làm thêm nghề quạt giấy (thủ công nghiệp gia đình).

Năm 1954 bố của bà không tham gia cách mạng, chỉ có chú tham gia du kích. Sau năm 1954 bà đi thanh niên xung phong ở Bắc Cạn, Lào Cai để làm đường. Năm 1956 bà về Hà Nội chưa có việc làm thì đan len. Trong thời gian bà đi thanh niên xung phong bà thấy vui vì đông, lúc nào cũng hò hát (nam nhiều hơn nữ).

Năm 1956 bà lấy chồng do được giới thiệu. Chồng của bà quê ở làng Rùa, cách Thanh Oai một cánh đồng. Sau khi lấy chồng bà ở ngõ Tứ Mạc, nhà cấp 4. Nhà này là nhà của em trai mẹ chồng đi Miền Nam để lại. Bây giờ bà đã mua lại được nhà có sổ đỏ từ 2004. Khi làm sổ đỏ bà phải trả một ít tiền đất, tiền nhà không phải trả. Diện tích nhà là 80 m² (4 tầng). Đã xây lại từ năm 2003.

Chồng bà đi bộ đội từ năm 1945 đến 1954 bà mẹ vẫn ở nhà này không biết con còn sống hay chết, rồi đăng báo. Hai anh em mới tìm về với mẹ thì lúc đó mới biết là mẹ và các con còn sống. Còn trong thời gian đi không biết tin tức gì về con cả. Chồng bà đi bộ đội ở trong Thành. Cuối tuần về nhà đầu tuần đi. Ông là sĩ quan quân đội.

Năm 1958 chồng bà chuyển ngành làm ở quân đội nhưng bộ ở phận khác trong Hà Nội, sáng đi, tối về được. Công việc của bà thì vẫn đan len nhưng lúc này là đan len xuất khẩu, đan len theo nhóm. Tổ trưởng mang áo đi bán. Công nhân lấy nguyên liệu len từ ông chủ. Thu nhập từ đan len vừa đủ ăn.

Bà CN13 có 5 người con:

1. Nữ, sinh năm 1957. Học hết lớp 12. Làm công nhân xây dựng đã về mất sức 1 cục.
2. Nữ, sinh năm 1963. Tốt nghiệp cấp 3. Đi làm ở công ty vận tải cấp 1. Vài năm sau đó chị đi làm luôn.
3. Nam, sinh năm 1965. Tốt nghiệp cấp 3. Đi bộ đội. Hiện nay làm ở xưởng in của xí nghiệp in Than ở phố Lê Duẩn.
4. Nữ, sinh năm 1967. Tốt nghiệp cấp 3. Nhân viên đánh máy vi tính ở báo Nông nghiệp.
5. Nữ, sinh năm 1971. Tốt nghiệp cấp 3. Làm thợ may ở ngõ Chợ Khâm Thiên.

Trong Kháng chiến chống Mỹ gia đình bà đi sơ tán ở vùng Thanh Oai, Đình Bảng, Hà Bắc. Cuối tuần vợ chồng bà đi xe đạp mang gạo về cho các con.

Sau một thời gian đan len bà vào cơ quan ở Bộ Nông nghiệp làm hành chính. Bà đã chứng kiến Mỹ đánh phá phố Khâm Thiên, cầu Long Biên. Lúc đó bà đã được tập tữ vệ ở công viên Thống nhất. Đời sống đi sơ tán của trẻ em: ăn uống thì đã có nhà trẻ nấu cho ăn và chăm sóc. Sơ tán đi Hà Bắc là cơ quan của ông bà. Khoảng năm 1973 gia đình bà không phải đi sơ tán nữa, cả gia đình về Hà Nội. Sau khi về Hà Nội vẫn ở nhà cấp 4.

Sau giải phóng năm 1975 đời sống gia đình bà bà bình thường không có gì thay đổi vẫn ăn theo tem phiếu. Gia đình bà có nuôi lợn, gà ở sân, vườn. Mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa 2 con. lợn để bán còn gà để ăn. Sau chiến tranh, cuộc sống thoải mái hơn.

Chồng bà sinh năm 1929; về hưu năm 1990; mất năm 2003

Bà về hưu năm 1992. Lương hưu của bà là 1.018.000 đ/tháng. Bà ở cùng con trai, con dâu và 2 cháu. Từ khi về hưu cho đến nay bà cảm thấy thoải mái nhất. Thời kỳ sơ tán bà cảm thấy khó khăn nhất.

Điều tra sáng 16/9/2007

Họ và tên: CN14

Nữ, sinh năm 1920.

Bà CN14 sinh ra ở Nhà thương Hàng Cót

Quê quán: Xã Phú Ninh, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (Có thành Luy lâu)

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Túc Mạc, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bố bà CN14 mất khi bà 5 tuổi. Nhà bà thuê công nhân làm may ở phố Cửa Nam. Nhà ở phố Cửa Bắc, hai tầng, có cửa hàng may đo. Lúc đầu có vài mẫu đất, sau này mẹ bán cửa hàng ở

Hà Nội về Bắc Ninh mua nhiều đất. Gia đình bà thuộc thành phần địa chủ. Đời sống gia đình bà lúc đó khá giả, buôn bán tơ lụa Hà Đông chuyển vào Sài Gòn. Năm 1928 nhà bà bán cửa hàng ở Cửa Nam vì bố mất mẹ không biết làm may. Mẹ bà không biết tiếng Pháp và chữ quốc ngữ nhưng tiếng Nho thì bà biết rất giỏi. Vì ông ngoại là thầy đồ dạy tiếng Nho cho mẹ. Trước đây phụ nữ không được đi học nên bà chỉ học ở nhà bố dạy. Bà chính thức đi học lúc 7 tuổi. Bà học ở trường Hàng Cót chỉ dành riêng cho phụ nữ. Bây giờ là trường Thanh Quan thì dạy cho cả nam và nữ. Bà học tiểu học 6 năm nhưng khi tốt nghiệp có thể đi làm được. Trường dạy bằng cả tiếng Pháp và cả tiếng Việt. Ở trường Hàng Cót bà không học tiếng Hán. Mẹ bà đọc được tiếng Hán nhưng chữ quốc ngữ bà không đọc được. Bà đi học từ nhà đến trường bằng xe kéo. Nhà bà thuê 1 anh kéo xe, 1 người nấu ăn và 1 người Sen (người ở). Năm 1935-1936 (15-16 tuổi) bà không đi học nữa. Sau khi bà học xong bà chỉ ở nhà chơi và đọc sách. Mẹ bà thuê 1 cô giáo người Huế dạy cho khoảng 5 hoặc 7 chị em học nội trợ.

Bà tham gia Việt Minh năm 1941-1942. Bà gặp chồng ở các cuộc hội họp và được lãnh đạo giới thiệu. Bà lấy chồng ở ngoài kháng chiến. Bà đi tham gia Việt Minh ủng hộ mua tín phiếu. Bà là người yêu nước ủng hộ mua tín phiếu để người ta làm việc đuổi Tây đi. Bà tự nguyện tham gia vào phong trào Cách mạng. Vào ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp. Khi đó bà đang sống ở Thuận Thành để tránh bom vì ở Hà Nội lúc đó quân đội Nhật đánh bom dữ dội lắm. Bà về với mẹ và bà ngoại. Gia đình bà chỉ có mình bà duy nhất.

Sau năm 1945 quân đội Nhật bắt nhân dân nhổ lúa trồng đay nên thời gian này người dân đã phải chịu cảnh nạn đói diễn ra. Người dân không có gì để ăn, người dân khóc lóc lắm, người ta thuê ruộng của nhà bà thì cũng không lấy được thóc. Nạn đói diễn ra khắp nơi. Lúc đó người dân căm ghét Phát xít Nhật hơn là Thực dân Pháp. Ở Thuận Thành cũng có nhiều người bị chết đói.

Bà thoát ly lên chiến khu Đồng Mỏ, Lạng Sơn. Ở chiến khu, bà là người có văn hoá nên đã tham gia làm tuyên truyền vũ trang. Đội tuyên truyền, bà đã tham gia lãnh đạo 1 đội tuyên truyền vũ trang gồm 2 hoặc 3 chục người. Ngày 19/8/1945 bà vẫn ở chiến khu Lạng Sơn đến tổng khởi nghĩa bà về miền xuôi. Bà vào Tổng biên tập báo Phụ nữ. Khi đó Bác Hồ nói là phải có 1 tờ báo dành riêng cho phụ nữ để gửi cho các tỉnh. Ngày 2/9/1945 bà không tham gia mít tinh. Thời kỳ bà công tác ở báo Phụ nữ gặp khó khăn nhất là chưa biết về công việc này bao giờ. Tờ báo của bà có cả Xã luận, Thời sự, báo Cứu quốc. Trụ sở toà soạn ở gần hồ Hoàn Kiếm.

Bà ở nhờ cùng họ hàng ở phố Cửa Bắc. Bà nhớ rõ thời kỳ năm 1945-1946 người Hà Nội tất cả đi tản cư. Khi Cách mạng tháng 8 thành công mẹ của bà ra Hà Nội. Mẹ của bà cũng đi kháng chiến nhưng ở cùng con. Bà đi tản cư ở Thuận Thành (Bắc Ninh), Thái Nguyên cho đến năm 1954. Khi bà đi làm Cách mạng thì bà rất khổ. Họ đã hiểu lầm cho bà. Bà đi theo Việt Minh chứ không phải đi theo trai. Cuối năm 1946 quân đội Pháp đi hết, bà cũng đi theo chính phủ. Trong thời gian Kháng chiến chống Pháp bà ở với trung ương, bà vẫn viết báo cho cơ quan. Sau đó bà lại chuyển sang quân đội. Bà tham gia chiến đấu ở Viện Quân y viện. Bà đã tham gia đến vị trí trung uỷ viên chỉ huy. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ bà làm việc ở gần

chiến dịch Điện Biên Phủ: bệnh viện tiền tuyến Lai Châu, Sơn La.

Bà lấy chồng năm 1951 ở chiến khu Tuyên Quang.

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ bà về Hà Nội tiếp quản thủ đô. Sáng 10/10/1954 có xe của ông Trần Duy Hưng đón. Bà về làm việc ở cơ quan phụ nữ Hà Nội. Bà làm tuyên huấn cho Hội viên của hội. Từ chiến khu về Hà Nội bà đi từ ngã Hà Đông về Hà Nội. Cơ quan phụ nữ trung ương bây giờ gọi là Hội Liên hiệp Phụ nữ. Bởi vì khi đó có cả Phụ nữ cứu quốc. Địa chỉ bây giờ là ở phố Hàng Chuối. Ở Quán Sứ là Cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Nội. Khi đó 2 vợ chồng mỗi vợ chồng ở cùng cơ quan chưa có nhà riêng. Sau khi về Hà Nội tiếp quản thì tất cả mọi người phải sống tập trung còn nhà dân là vùng địch cho nên họ không cho gặp. Mặc dù xa gia đình rất lâu nhưng họ bắt sống tập trung khoảng 1 tháng thì mới được về nhà. Sau đó 2 ông bà được phân 1 biệt thự ở Hoàng Hoa Thám nhưng bà trả lại vì rộng quá xa cơ quan làm việc không dọn dẹp được nên bà đã về Hàng Chuối ở khu tập thể Hội Phụ nữ.

Năm 1961 bà bắt đầu về ở ngõ Tứ Mạc. Nhà này trước đây ông anh họ ở. Bà đã cho bớt người khác 1 gian tầng 2. Trước đây nhà bà là Sở mật thám thuê ở đó.

Năm 1982 tôi mới được về hưu. Sau khi về hưu còn làm cố vấn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ. Bà đi sơ tán, bà ở Liên hiệp Phụ nữ làm việc. Bà đã từng làm bánh Susê,

Bà CN14 có 4 người con:

1. Nam, Con nuôi (nuôi con anh trai). Tiến sĩ Vật lý. Tốt nghiệp đại học ở Nga. Hiện nay làm Giám đốc sở ở Kiên Giang.
2. Nam, sinh năm 1942. Tốt nghiệp cao đẳng Xây dựng
3. Nữ, sinh năm 1946. Tốt nghiệp trường Múa Balê ở Nga
4. Nữ, sinh năm 1955. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Ngoại ngữ, làm ở công ty Phát hành sách.
4. Nam, sinh năm 1957. Tốt nghiệp khoa Điện Học Viện Kỹ thuật Quân sự. Hiện nay làm ở Tổng Công ty Điện lực.

Hiện nay bà sống cùng con gái và cháu ngoại. Hiện nay chồng của con gái làm Kiến trúc sư ở Canada. Lương của bà hơn 3 triệu /tháng. Bà muốn đi du lịch Nepal, Ấn Độ, ... thì các con sẵn sàng mua vé máy bay cho bà. Diện tích nhà bà hơn 80 m², nhận sổ đỏ đầu năm 2007 (không phải trả tiền cho Nhà nước). Khi chưa có sổ đỏ thì phải đóng 70.000 đ/năm. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp là giai đoạn khó khăn nhất, đi bộ từ Hà Nội vào Nghệ An. Bây giờ là giai đoạn hiếu thảo nhất. Bà đã tận mắt nhìn thấy Bác Hồ.

Ông mất năm 1991 vì bệnh tim (đã nghỉ hưu). Ông làm chính uỷ cho 1 bộ phận của Bộ Ngoại giao. Trước đó bà làm ở Cục dịch vận phụ trách Cục Á châu. Bà tự học tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh.

Điều tra chiều 16/9/2007

Họ và tên: CN15

Nam, sinh năm 1934 (ông sinh ra ở thị xã Quảng yên, Quảng Ninh)

Quê quán: Làng Kiên Lao, Xuân Trường, Nam Định

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Tứ Mạc, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bố sinh năm 1903, mất năm 1998 (96 tuổi). Lúc 8 tuổi bố ông từ Nam Định ra Hải Phòng. Cha đi xây dựng đường, tham gia tự vệ Hải Phòng rồi bị Pháp bắt. Hoà bình lập lại, trước giải phóng ông làm thợ xây. Mẹ ông mất năm 1986. Gia đình ông gồm 4 thế hệ chung sống.

Ông CN15 có 5 chị em:

1. Nữ, sinh năm 1929. Học hết lớp 3
2. Nam, sinh năm 1934. (CN15- người trả lời phỏng vấn). Học hết lớp 6
3. Nam, sinh năm 1936. Đại học Nông nghiệp khoa Lương thực thực phẩm, chế biến cá
4. Nam, sinh năm 1938. Học hết cấp 2, xung phong lên dạy ở Sơn La. Tốt nghiệp trung học Tây bắc 17 năm, dạy cấp 2 ở Sơn La, rồi làm công tác quản lý. Sau đó về công tác ở phòng giáo dục Đống Đa.
5. Nữ, sinh năm 1941. Học hết lớp 10, làm công nhân nhà máy thuốc lá Thăng Long. Năm 1996 về hưu.

Lúc 7 tuổi ông bắt đầu đi học ở trường Nam Quảng Yên. Năm 1946 ông về quê cùng gia đình. Năm 1947-1949 ông làm công tác giao thông liên lạc. Năm 1949 vùng đó bị địch càn quét. Ông chạy sang Kiến Xương, Thái Bình. Chính phủ Việt Minh đã yêu cầu ông ở lại làm công tác liên lạc. Ông làm công tác liên lạc đến năm 1950. Ông làm truyền đơn công tác chỉ điểm, mật thám. Công việc này làm chưa đến 1 năm, thì rút về Hải Phòng sau đó ông về Hà Nội. Ông ra Hải Phòng học làm thợ đóng giày từ năm 1952 đến 1954. Năm 1954 ông đủ tuổi đi lính. Pháp lúc đó đang có chiến dịch bắt nhân dân đi lính. Vì vậy ông trốn về Hà Nội. Ông về Hà Nội rồi đi làm đường sắt, làm cầu, làm cống ở Ninh Bình, Thanh Hoá (Tam Điệp) bị sốt rét. Ông về Hà Nội năm 1956 được Bác sĩ Trần Văn Lai ở ngõ Tứ Mạc chữa khỏi. Năm 1957 đến 1966 (9 năm) ông xây dựng lên cơ sở giày da Quyết Tiến xuất khẩu cho Liên Xô, Đức ở địa chỉ phố Hai Bà Trưng. Mỹ đánh bom ông đến Trạm lộ Bắc Ninh, xí nghiệp Thương nghiệp Giao Tế, Công ty Hữu nghị (Bộ Nội Thương). Tháng 11 đến tháng 12 năm 1972 xí nghiệp của ông đi sơ tán vào đình trong làng So Hà Tây (2 lần). Sơ tán đi trạm lộ Hà Bắc.

Ông lập gia đình năm 1959 (25 tuổi), vợ ông người ở Ngõ Tứ Mạc, Hà Nội. Năm 1954 ông về Hà Nội ở nhà người quen. 2 năm sau ông thuê nhà của nhà nước, trước đó là nhà của ngoại Kiều chồng người Pháp, vợ người Việt. Nhà cấp 4, diện tích 105 m², xây nhà năm 2006, làm sổ đỏ năm 2005 (22 triệu). 2 ông bà sống + con trai, con dâu, 2 cháu + 6 người.

Ông CN15 có 6 con (5 trai, 1 gái)

1. Nam, sinh năm 1960. Đi bộ đội ở Campuchia bị thương. Sau đó về học đại học Giao thông, làm kỹ sư giao thông cầu cảng. Bây giờ bán hàng ăn uống ở phố Tôn Đản.
2. Nam, sinh năm 1962. Tốt nghiệp cấp 3. Hiện nay đang ở Tiệp hơn 10 năm
3. Nam, sinh năm 1968. Tốt nghiệp cấp 3 hiện nay đang ở Tiệp
4. Nam, sinh năm 1970. Tốt nghiệp cấp 3. Hiện nay đang ở Tiệp
5. Nam, sinh năm 1972. Tốt nghiệp cấp 3. Hiện nay đang ở Tiệp
6. Nữ, sinh năm 1981. Sang Tiệp với anh trai, hiện nay sống ở Tiệp và đã lấy chồng người Thái Bình.

Ông CN15 không có lương hưu, ông về theo nghị quyết 176 về hưu 1 cục. Bà có lương

hưu 1.150.000 đồng /tháng. Thời gian vất vả nhất là thời gian đi sơ tán. Thời gian thoải mái nhất là bây giờ.

Điều tra chiều 17/9/2007

Họ và tên: CN16

Nam, sinh năm 1918

Quê quán: Xã Định Công, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Túc Mạc, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bố ông làm tham biện (công chức ở công chính Hà Nội thời Pháp là cán bộ chuyên viên kỹ thuật). Nhà ông không có ruộng. Ông sinh ra ở Bắc Kạn. Năm 1922 lúc đó ông 5 tuổi về ngõ Túc Mạc, Hà Nội. Bố ông học chữ nho sau đó học tiếng Pháp. Bố ông mua đất sau đó xây nhà lấy. Diện tích là 400 m². Xây nhà thờ họ 2 tầng. Bố mất năm 1938.

Ông học ở trường Bưởi (Trường Trung học Bảo hộ). Học hết cấp 3 tú tài. Cấp 1 ông học ở trường Sinh Từ (Lý Thường Kiệt). Khi ông học ở trường Bưởi ông ở nội trú. Đón 16 đồng/tháng bao gồm cả ăn và ở. Sau khi tốt nghiệp trường Bưởi ông làm công chức Toà sứ, Lạng Sơn. Năm 1944 ông về Hà Nội. Ông làm thư ký bộ phận kinh tế, cấp phát giấy phép hoạt động kinh doanh. Từ năm 1944 ông tham gia phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ cho nhân dân. Hoạt động Cách mạng Việt Minh thông qua việc truyền bá. Ông chuyển về làm công chức sở kinh tế Hà Nội ở phố Phan Huy Chú. Ông sống ở phố Sinh Từ với họ hàng ở ngõ Túc Mạc.

Tháng 9/1940 ông lấy vợ.

Ông CN16 có 3 con:

1. Nữ, sinh năm 1941. Sống ở Hà Nội
2. Nam, sinh Tháng 7 năm 1944. Sinh ra ở Lạng Sơn. Cuối năm 1944 cả gia đình chuyển về Hà Nội bằng tàu hoả từ Lạng Sơn về Hà Nội.
3. Nam, sinh năm 1952. Sinh ra ở Thanh hoá

Khi Cách mạng tháng 8 gia đình ông vẫn làm việc ở Hà Nội. Ông tham gia mít tinh, biểu tình vào ngày 19/8/1945. Ông cũng tham gia cuộc mít tinh 2/9/1945. Ông đứng ra kêu gọi mọi người đi cùng, đi tập thể (đồng nghiệp cùng đi) hô vang khẩu hiệu hát Tiến quân ca qua truyền khẩu. Hát bài “Tiếng gọi thanh niên”, “Lên đàng” của Lưu Hữu Phước.

Nạn đói năm 1945 ông đã nhìn thấy người đói dựa vào cửa nhà ông thì có 1 xác chết. Còn ở ngoài đường thì có nhiều người chết. Hầu hết người chết là ở các tỉnh.

Năm 1946 kháng chiến chống Pháp ông vẫn sống ở Hà Nội và làm ở Nha bình dân học vụ dạy chữ quốc ngữ. Sau Cách mạng tháng tám, tổ chức này giống như một cơ quan nhà nước. Nha bình dân học vụ là trung ương. Từ tháng 7 năm 1947 ông làm ở bộ phận kế hoạch xoá nạn mù chữ cho dân trong phạm vi toàn quốc. Cả nhà vợ + con về tản cư ở xã Định Công, Thanh Oai, Mỹ Đức (Hà Tây), Thái Bình, Nam định, Thanh Hoá.

Năm 1950 tản cư ở nhiều nơi, đi cùng cơ quan hoạt động ở Tuyên Quang. Ông đón cả gia đình lên Tuyên Quang, Thái Nguyên, Vĩnh Phú, tất cả đều đi bộ. Đến năm 1954 cả gia đình về Hà Nội. Cụ ông vẫn ở Nha bình dân học vụ, đóng ở vùng tự do. Còn ông thì tản cư theo cơ

quan. Đời sống của gia đình ông trong thời gian đi tản cư: Bà thì đi khâu thuê, vá mướn, đan len. Hai chị em đan áo bán 1 áo được 60 đồng. 6 người đi sơ tán: 2 bà nội ngoại, vợ, 2 con, 1 em gái của chồng. Ở nhờ nhà dân. Sau khi đi tản cư về sống ở ngõ Tứ Mạc (6 người), bà nội, 2 ông bà, 2 con trai, con gái.

Năm 1955 ông về Vụ Kế hoạch tài vụ, Bộ giáo dục ở Lê Thánh Tông. Ông đi làm bằng xe đạp (tự mua). Bà + con trai làm may quần áo quân nhu. Cả gia đình có 1 chiếc máy khâu giá 2 lạng vàng. Anh em giúp đỡ mỗi người một chút. Sau đó bà làm được nhiều tiền hơn. Con trai của ông học cấp 1 từ Thanh Hoá về Hà Nội năm 1954 theo lớp 4. Học trường Nguyễn Công Trứ (phố Hàng Than) tiểu học 2 năm. Đến 1956 tốt nghiệp tiểu học. Học ở trường Trung Vương, bây giờ là trường Nhạc Hà Nội. Học 3 năm (lớp 5,6,7) đến năm 1959 thì tốt nghiệp. Sau đó học ở trường cấp 3 Việt Đức, Hà Nội (lớp 8, lớp 9, lớp 10) đến 1962 thì tốt nghiệp. Năm 1962 đến 1966 thi đỗ vào khoa sinh vật trường đại học Tổng hợp Hà Nội, đi học đi bộ (không tiện đường tàu điện). Giảng viên Khoa Bảo vệ Thực vật chuyên ngành côn trùng, trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Đến năm 2005 về hưu. Mẹ về làm công tác dịch vụ cho Ủy ban Khoa học xã hội. Đến cuối tuần ông mang lương thực thực phẩm ở Hà Nội chở vào Thanh Oai tiếp tế cho vợ con. Năm 1971 cả gia đình ông đi sơ tán về Hà Nội. Con út của ông học ở trường Đại học Xây dựng. Trường đại học Xây dựng đi sơ tán ở Hương Canh, Vĩnh Phúc. Đầu năm 1972 đang học năm thứ 2 thì ông đi bộ đội ở Quảng Trị và bị thương phải đưa ra Bắc điều trị. Đến năm 1973 sau khi vết thương của ông đỡ thì ông quay lại Quảng Trị. Sau năm 1975 hàng hoá không dễ mua, vẫn xếp hàng mua tem phiếu.

Gia đình có 4 người ở đây. Ông có 1 cái nhà ở trường Nông nghiệp phân cho. Diện tích gác xếp 18m², Diện tích nhà = 32 m². Ông đã làm sổ đỏ năm 2006. Lương của ông 1,6 triệu/tháng. Con trai là giáo viên trường Đại học Nông nghiệp. Lương hưu là 2,2 triệu/tháng. Bây giờ cuộc sống của ông rất thoải mái. Ông cảm thấy khó khăn nhất là ở thời kỳ Kháng chiến chống Pháp.

Điều tra sáng 18/9/2007

Họ và tên: CN17

Nam, sinh năm 1928

Quê quán: Xã Đào Dương, làng Đào Xã, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Nơi sinh: Phố sông Tô Lịch (nay là phố Hàng Lược)

Địa chỉ hiện nay: Phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bố ông làm ruộng. Anh của bố là Lý trưởng, tránh tổng. Bố của ông có 30 mẫu ruộng đất thuộc thành phần trung nông. Bố học hết tiểu học (trường huyện) 3 năm. Lúc 7 tuổi ông cũng bắt đầu đi học ở trường làng. Sau đó ông học ở trường huyện 3 năm (tất cả là 6 năm). Năm 1941 ông xuống Hải Phòng học ở trường Michelet 1 năm. Ông đi Hải Phòng học bởi vì có 2 anh làm việc ở Hải Phòng (1 anh ruột và 1 anh con bác).

Ông CN17 có 9 anh em (5 trai, 4 gái). Tất cả 9 anh em không có ai làm ruộng, tất cả đi thoát ly.

1. Nam, sinh năm 1901. Học tiểu học ở trường huyện. Làm trưởng bạ (trông nom về sổ sách ruộng đất)
2. Nữ, sinh năm 1903. Học trường làng 3 năm. Làm ruộng, lấy chồng. Chồng chị làm công nhân Nhà may Nghệ An.
3. Nữ, sinh năm 1905 (101 tuổi), đang sống ở Hà Nội với con. Học 3 năm hết trường làng. Sau đó bà làm ruộng, lấy chồng làm công nhân kỹ thuật ở Hải Phòng. Công nhân cơ khí thợ tiện.
4. Nữ, sinh năm 1907. Học 3 năm trường làng, làm ruộng, lấy chồng. Chồng là thư ký ở cơ quan (bà mất sớm năm 1948).
5. Nam, sinh năm 1909. Làm việc ở Hải Phòng. Làm thư ký ở cảng Hải Phòng.
6. Nam , sinh năm 1911. Nghề bán vé ở chợ Sắt Hải Phòng
7. Nữ, sinh năm 1913. Lấy chồng của chị gái (bà Kinh) vì bà chết sớm bị sốt rét
8. Nam, sinh năm 1928 (CN17 - người trả lời phỏng vấn)
9. Nam, sinh năm 1930.

Ông CN17 là công nhân nhà máy cơ khí Thanh Hoá. Ông được học bởi vì có điều kiện tốt hơn 2 anh ở Hải Phòng. Sau khi học ở Hải Phòng 1 năm, rồi sau đó ông về quê sơ tán cày ruộng hơn 1 mẫu đất.

Năm 1942 quân đồng minh ném bom ở Hải Phòng. Ông về quê làm ruộng hơn 4 năm. Đến T9/1945 ông đi bộ đội nhập ngũ. Lúc đó một số người trong làng gặp nạn nhưng không nhiều vì cả làng hầu như nhà nào cũng có người đi làm thuê ở Thanh Hoá. Ông tham gia công tác thanh niên ở làng và ở huyện. Ông là thành viên thường tổ chức cắm trại ở trường làng, Đền Phạm Ngũ Lão cắm trại ở Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên, Quảng Ninh, Cẩm Phả, Cửa Ông. Ông là bộ đội chủ lực. Năm 1945-1946 ông đóng quân ở Hải Phòng, sau đó ông làm Bộ đội cảnh vệ Bộ tư lệnh khu 3 ở Kiến An, Hải Phòng. Ông chuyển về bộ đội cảnh vệ ở Thái Bình. Năm 1948-1949 ông học ở trường sỹ quan lục quân ở Thái Nguyên hơn 1 năm. Sau tốt nghiệp ra ông làm thiếu úy. Ông làm ở Trung đoàn thủ đô. Năm 1949 thành lập sư đoàn quân tiên phong 308 thì ông chuyển vào làm việc ở đó. Sau đó ông được kết nạp vào Đảng. Năm 1951 ông lên cán bộ đại đội. Năm 1952 ông bị thương ở Na Sản, trên đồi cao Phú Hồng. Ông bị mảnh đạn bắn vào phổi và bị gãy chân. Năm 1953 ông được chuyển về trại thương binh ăn dưỡng. Năm 1954 ông về Trung Quốc học xe cứu pháo ở tỉnh Nam Ninh, lúc xe cứu pháo và lái xe tăng loại nhỏ của Trung Quốc. Khi sang Trung Quốc phải cải trang làm công nhân đường Sắt.

Tháng 5 năm 1959 ông lấy vợ (sau khi sang Trung Quốc học). Sau đó ông làm ở cục Công binh, trong Thành Hà Nội (Lý Nam Đế, Hà Nội). Sau đó vết thương tái phát, ông lại tiếp tục đi học bổ túc văn hoá của quân đội ở Phú Thọ 1,5 năm học chương trình của 3 lớp. Năm 1958 chuyển ngành sang Bộ Công nghiệp học nghiệp vụ ở Bãi Phúc Xá. Ông làm kế toán ở vụ tài vụ Bộ Công nghiệp, Hai Bà Trưng, vì ông là thương binh không chạy được nên không đi chiến đấu được, chuyển ra ngoài làm. Ông gặp bà ở trường đào tạo Nghiệp vụ sau đó đi Trung Quốc học 6 tháng rồi về cưới nhau. Bà làm ở nhà máy Thuốc lá Thăng Long. Khi chưa

lấy vợ ông sống ở phố Hàm Long, cơ quan cấp nhà tập thể 4 người 25 m²/phòng. Sau khi lấy vợ ông ở nhà bố vợ ở phố Phan Bội Châu. Bố làm thư ký đường sắt Hà Nội - Vân Nam (Trung Quốc), cơ quan ở phố Trần Hưng Đạo. Bà đi làm bằng xe đạp (tự mua).

Năm 1963-1966 ông làm kế toán trưởng nhà máy dệt phố Minh Khai. Năm 1966-1968 ông làm ở nhà máy Pin ở Phúc Yên. Năm 1968-1969 ông làm ở Công ty xây lắp Lương thực thực phẩm ở Cát Linh, Hà Nội. Năm 1963-1967 ông vừa đi làm vừa đi học tại chức ở trường đại học Kinh tế Quốc dân khoa công nghiệp. Trong chiến tranh trường đại học Kinh tế Quốc dân đi sơ tán về Nhôn, Từ Liêm. Nhưng ông học tại chức vào buổi tối nên không phải đi sơ tán. Nhà máy của bà và công nhân đi sơ tán nhưng cán bộ quản đốc không được đi sơ tán phải ở lại Hà Nội.

Ông CN17 có 4 người con.

1. Nữ, sinh năm 1961. Thạc sĩ quản trị Kinh doanh, đại học Kinh tế Quốc dân. Là kế toán trưởng ở Hội.
2. Nam, sinh năm 1963. Tốt nghiệp cấp 3 đi xuất khẩu lao động sang Tiệp năm 1982 đến 1984 về nước làm công nhân nhà máy kẹo Hải Hà Kotobuki 3 năm. Sau đó đi học ĐH Xây dựng. Hiện nay làm phó giám đốc Công ty Xây dựng Hà Nội.
3. Nam, sinh năm 1967. Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân. Anh đi Bungari học Thạc sĩ. Anh làm quản lý kế hoạch ở nhà máy Giày Thượng Đình, làm cho công ty nước ngoài
4. Nam, sinh năm 1970. Kỹ sư xây dựng. Tốt nghiệp đại học Xây dựng. Anh làm ở Công ty xây dựng.

Năm 1983-1987 gia đình ông nuôi 6 con lợn/3 tháng / bán 1 lứa. Năm 1987-1989 ông nuôi chim Vẹt, chim Yến để kinh doanh bán được khoảng 2 triệu/tháng gần bằng 1 cây vàng. Hai ông bà về hưu năm 1982. Sau năm 1990 ông tham gia Hội Cựu chiến binh. Lương hưu của ông là 1,8 triệu /tháng, lương thương binh của ông là 770.000đ/tháng. Lương hưu của bà là 1,6 triệu/tháng. Diện tích nhà ở hiện nay là hơn 60 m². Có sổ đỏ 2003 mua của Nhà nước với giá là 6,5 triệu. Ông cảm thấy từ khi ông về hưu cuộc sống là thoải mái nhất. Thời kỳ con ông còn nhỏ phải đi tản cư ở Thạch Thất, Hưng Yên khoảng 3 hoặc 4 năm. Gia đình ông đi theo cơ quan. Cuối tuần ông lại đạp xe đạp từ Hà Nội về để tiếp tế gạo, củi, dầu, thịt , cá....

Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điều tra sáng 3/9/2009

Họ và tên: HBT1

Nữ, sinh năm 1934

Quê quán: Xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố bà HBT1 sinh năm 1906. Bố bà làm nghề thú y cho thời Pháp thuộc. Ông được học thú y do Pháp đào tạo để phục vụ nhân dân. Ngoài ra ông còn nuôi trang trại bò ở phố Chùa Vua (Hai Bà Trưng). Ông nội của bà sống ở Hà Nội từ nhỏ, cụ có trang trại bò gần chợ Hoà Bình (phố Huế). Hàng ngày gia đình cụ có khoảng 10 người làm thuê nuôi bò.

Gia đình bà HBT1 có 8 anh chị em (7 gái + 1 trai)

1. Nữ, sinh năm 1926. Học hết lớp 8. Bà làm việc ở Toà án công tố viên Hà Bắc (Bắc Giang). Sau đó tham gia kháng chiến năm 1944 rồi được cất nhắc làm việc ở toà án.
2. Nữ, sinh năm 1930. Làm y tá ở bệnh viện Bạch Mai. Đã mất năm 1997.
3. Nam, sinh năm 1932. Tốt nghiệp đại học ở Liên Xô làm kỹ sư điện, Bộ điện than. Sống ở quận Hai Bà Trưng. Nay đã về nghỉ hưu.
4. Nữ, sinh năm 1934. (HBT1- người trả lời phỏng vấn)
5. Nữ, sinh năm 1937. Giáo viên cấp 3. Đã nghỉ hưu sống ở khu tập thể Phương Mai.
6. Nữ, sinh năm 1945. Phó tiến sĩ sinh vật học, học ở Liên Xô. Làm việc ở đại học Tổng hợp.
7. Nữ, sinh năm 1948. Kỹ sư giao thông. Học ở trường đại học Giao thông vận tải Hà Nội. Đã về hưu, sống ở quận Hoàng Mai.
8. Nữ, sinh năm 1950. Tốt nghiệp trường đại học Báo chí tuyên truyền. Làm phó tổng biên tập báo. Sống ở khu tập thể Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.

Bà (HBT1) lúc 7, 8 tuổi đến 12 tuổi là được đi học lớp 1 (trường của Pháp) nay là trường Lê Ngọc Hân, quận Hai Bà Trưng. Năm 1946 ở nhà giúp gia đình. Năm 1955-1958 bà đi thanh niên xung phong ở mỏ Apatít Lào Cai đào đá làm đường.

Năm 1956 bà lấy chồng quê Mỹ Đức, Hà Tây nhưng sống ở Hà Nội. Hai người gặp nhau trong công tác chuẩn bị cho chiến dịch 1954. Sau khi lấy chồng ở phố Yên Bái với bố mẹ đẻ. Khi đó gia đình bà bị quy vào gia đình tiểu tư sản nên bà phải làm việc cố gắng bằng người khác. Năm 1961 bà làm đánh máy ở vụ Sư phạm, Bộ giáo dục ở Trần Quang Khải.

Chồng bà sinh năm 1927, là bộ đội công tác ở Hải Phòng. Ông nghỉ hưu năm 1981, cấp bậc Thiếu tá.

Năm 1958 HBT1 sinh con, bà về Hà Nội sống ở phố Yên Bái (hiện nay là cuối phố Huế). Diện tích nhà ở (S) là 130 m²/8 người (gồm có: bố mẹ, 5 chị em gái và 1 con). Chồng bà về nhà cuối tuần 1 tháng /lần.

Năm 1964-1970 bà học bổ túc văn hoá vào buổi tối ở trường Đoàn Kết, quận Hai Bà Trưng. Năm 1964 bà chuyển về làm việc ở Viện Văn học làm văn thư ở Lý Thái Tổ. Hàng ngày bà đi làm bằng xe đạp.

Năm 1992 bà nghỉ hưu từ Viện Văn học. Lương hưu 1,8 triệu/tháng. Thời gian bà đang làm việc ở Viện Văn học bà phải đi làm thêm như đánh máy, nuôi lợn. Bà dạy các con của bà

đánh máy để kiếm thêm tiền. Nhà bà có 1 máy chữ. Gia đình bà mua đất năm 1970, nhà là 1 gian cấp 4 Diện tích là 16 m². Tổng Diện tích đất là 186 m². Bà mua của tư nhân. Bố mẹ đẻ của bà cho 1 dây chuyền rồi bán đi để mua đất. Còn thiếu tiền thì bà chịu nợ trả dần. Giá đất là 2.600 đồng. Năm 2004 bà chia đất cho con trai 58 m², con gái cả 45 m², cô gái út 40m², 2 cô thứ 43 m².

Bà HBT1 có 5 người con:

1. Nữ, sinh năm 1958. Tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm 10+3. Bà dạy trường cấp 2, có 1 con trai học đại học Bách khoa năm thứ 2. Chồng bà mất năm 1990 vì bệnh.
2. Nữ, sinh năm 1960. Học trường dạy nghề Hà Nội. Làm việc ở xí nghiệp sản xuất. Cơ quan làm việc ở quận Thanh Xuân. Hiện nay sống ở chung cư Mỹ Đình. Đã ly dị chồng, có một con gái học đại học Ngoại thương ở với bà ngoại ở phường Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng.
3. Nữ, sinh năm 1962. Tốt nghiệp phổ thông, sau đó sang Đức lao động 3,4 năm. Năm 1991 về nước làm máy tính ở Viện Văn học (cơ quan của mẹ). Hiện nay sống ở ngõ Quỳnh, có 1 con gái đi du học ở Hàn Quốc, là sinh viên năm thứ 3. Chồng đi Đức mới về. Năm 1997 mua đất S= 100 m², làm nhà tầng, có 4 phòng cho thuê.
4. Nam, sinh năm 1964. Học hết cấp 3, đi bộ đội ở biên giới Trung Quốc. Năm 1987 xuất ngũ về làm việc ở xí nghiệp sản xuất. Hiện nay sống ở nhà bên cạnh. Có 2 con trai 1 con học lớp 12 trường cấp 3, 1 con học trường cấp 2 (lớp 7), Hai Bà Trưng.
5. Nữ, sinh năm 1972. Tốt nghiệp Học viện Ngân hàng. Hiện nay làm phó giám đốc Quỹ của Liên hiệp Phụ nữ. Có 2 con gái. Nhà có 4 người (2 vợ chồng + 2 con). 1 con gái học lớp 3, 1 con gái được 11 tháng.

Năm 1964, 1965, 1966, 1971, 1972 bà HBT1 đi sơ tán ở Thường Tín (Hà Tây), Hà Bắc do cơ quan điều đi. Bà và các con đi sơ tán cùng cơ quan của bà. Cuộc sống đi sơ tán rất khó khăn, mẹ con bà ăn riêng nên phải tự đi kiếm củi, trồng khoai, mua thức ăn lấy. Thời kỳ bao cấp, tem phiếu 3 lạng/tháng cho trẻ con. Bà được 0,5 kg/tháng, chồng bà là bộ đội 1 kg/tháng. Bố mẹ bà vẫn sống ở phố Yên Bái. Năm 1972 Mỹ ném bom nhưng gia đình bà không bị (khi đó gia đình bà vẫn sống cùng bố mẹ ở phố Yên Bái). Bà thì đang đi sơ tán ở Hà Bắc nên bà không chứng kiến Mỹ ném bom xuống Hà Nội như thế nào?

Trước năm 1975 người dân chấp hành luật pháp của nhà nước tốt hơn bây giờ. Bây giờ họ sống theo chủ nghĩa cá nhân. Khoảng cách giữa người giàu và người nghèo cách xa nhau. Trước đây thì không khác nhau nhiều. Cuộc sống bây giờ thì thoải mái, sướng hơn trước đây. Bà HBT1 cảm thấy thời kỳ chồng bà còn sống là thời kỳ bà hạnh phúc nhất. Bà vất vả nhất từ năm 1978 đến 1981 do thiếu ăn, thiếu tiêu. Năm 1970 bà phải nuôi lợn bán để kiếm thêm thu nhập. Chồng bà chết ở bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô.

Trước năm 1970 đất ở đây là vườn và ao hồ. Làng Quỳnh có đặc sản là mướp 7 lá và rau mùng toi. Năm 1998-1999 khu vực này của quận Hai Bà Trưng tiến hành san lấp hồ ao để làm nhà, bán đất chia cho cán bộ. Hiện nay đất ở đây có giá khoảng 40 triệu đồng/m². Thời kỳ 1970 ở khu vực nhà bà chưa có nhiều cửa hàng buôn bán nhỏ. Sau năm 2000 xuất hiện nhiều hàng quán buôn bán nhỏ. Hiện nay ở khu vực này vấn đề về môi trường chưa được sạch sẽ,

nhiều gia đình bỏ rác ra đường không đúng nơi và thời gian quy định. Ở khu vực này trước năm 1990 bị ngập nhưng hiện nay mưa to không bị ngập nữa.

Điều tra chiều 3/9/2009

Họ và tên: HBT2

Nam, sinh năm 1938

Quê: thôn Quỳnh Lôi, huyện Hoàng Long, TP.Hà Đông (sau năm 1960 thuộc Hà Nội)

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vợ ông HBT2: Sinh năm 1944. Quê: Thôn Hoà Chanh, xã Hoà Lâm, huyện Ứng Hoà, Hà Tây. Mẹ ông làm nghề nội trợ. Bố là nhân viên hành chính nhà máy điện Yên Phụ. Gia đình ông có đất ở (S= 300 m²). Năm 1950 gia đình ông chuyển nhà đến phố Cửa Bắc gồm 12 người ở.

Ông HBT2 có 10 anh chị em.

1. Nữ, sinh năm 1927. Học hết lớp 5. Làm nhân viên công ty Rau quả Hà Nội. Sống ở phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng.
2. Nam, sinh năm 1929. Học hết cấp 2 (lớp 7). Làm công nhân Hoả xa (đường sắt) nhưng thuộc đội đá bóng. Hiện nay sống ở phường Quỳnh Lôi.
3. Nam, sinh năm 1932. Học hết cấp 2. Lái xe cho công ty Cầu đường Hà Nội. Đã mất năm 2005 vì bệnh.
4. Nữ, sinh năm 1934. Học hết cấp 2. Làm công nhân của xưởng Mari xì dầu, Công ty Thực phẩm Hà Nội. Hiện nay sống ở phường Quỳnh Lôi.
5. Nữ, sinh năm 1936. Học hết lớp 5. Làm công nhân nhà máy ô tô Hoà Bình. Đã mất năm 2003 vì bệnh. Nhà ở phường Quỳnh Lôi.
6. Nam, sinh năm 1938. (HBT2- người trả lời phỏng vấn)
7. Nữ, sinh năm 1943. Học hết cấp 2. Làm công nhân nhà máy công trình Minh Khai, Hà Nội. Sống ở phường Quỳnh Lôi.
8. Nam, sinh năm 1945. Học hết cấp 3 (lớp 12). Làm cán bộ Thống kê Cục thống kê. Sống ở Đà Lạt, Lâm Đồng.
9. Nữ, sinh năm 1947. Học hết cấp 3. Làm công nhân xưởng máy công trình Minh Khai. Sống ở Quỳnh Lôi.
10. Nữ, sinh năm 1949. Học hết cấp 3. Là giáo viên cấp 1. Đã về hưu sống ở phố Đặng Trần Côn, quận Đống Đa.

Ông HBT2 lúc 7 tuổi bắt đầu được đi học 2 năm ở trường Quỳnh Lôi. Sau đó chuyển lên trường Nguyễn Trường Tộ, phố Hàng Than học 2 năm. Năm 1942 ông học cấp 2,3 trường Nguyễn Huệ ở phố Trần Quang Khải. Năm 1959-1961 ông thi đỗ và học ở khoa Toán trường đại học Sư phạm Hà Nội (Cầu Giấy). Năm 1961-1986 ông dạy trường cấp 3 Ứng Hoà, Hà Tây.

Cuối 1965 ông lấy vợ. Hai vợ chồng ông gặp nhau ở Hội nghị giáo dục ở huyện Ứng Hoà, Hà Tây. Khi đó bà (21 tuổi) là giáo viên cấp 1. Lễ cưới được tổ chức ở Ứng Hoà, dưới

máy bay Mỹ bắn phá. Sau khi lấy vợ, ông vẫn sống ở khu tập thể của trường cấp 3 Ứng Hoà. Diện tích là 20 m², nhà cấp 4. Ông tự nấu ăn.

Ông HBT2 có 4 người con:

1. Nam, sinh năm 1966. Học hết lớp 12. Năm 1986 đi Nga làm kinh doanh quần áo ở Mockva. Anh về nước 2 lần/năm. Anh đã lấy vợ có 3 con, đời sống thoải mái. Hiện nay gia đình anh vẫn sống ở Nga. Bố mẹ anh chưa sang Nga chơi lần nào.
2. Nam, sinh năm 1968. Học hết lớp 7. Vì bệnh não nên phải nghỉ học. Hiện nay đang sống cùng bố mẹ.
3. Nữ, sinh năm 1970. Học đại học Kinh tế tài chính đến năm 1992 tốt nghiệp. Làm việc ở công ty liên doanh tổng đài viễn thông Hàn Quốc. Đã lấy chồng có 2 con. Hiện nay sống ở quận Ba Đình.
4. Nam, sinh năm 1977. Học đại học Tin học. Làm việc ở Trung tâm Tin học, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đã lấy vợ có 1 con gái 5 tuổi sống cùng bố mẹ.

Hiện nay gia đình ông HBT2 có 6 người ở

Năm 1984 gia đình ông HBT2 chuyển nhà về Quỳnh Lôi ở cùng bố mẹ chồng, diện tích là 80 m², nhà gỗ cổ 5 gian. Ông dạy học ở trường cấp 1 Hữu Hoà, Cầu Bươu, Thanh Trì. Hàng ngày ông đi làm bằng xe buýt (Công ty xe buýt Hà Nội). Con thứ 2, 3, 4 sống với mẹ ở phường Quỳnh Lôi. Con thứ nhất đi học chuyên nghiệp ở Gia Lâm, sống ở ký túc xá. Bố mẹ của ông HBT2 chia cho 90 m² đất ở phường Quỳnh Lôi. Năm 1986 hai vợ chồng ông tự xây nhà cấp 4, diện tích là 50 m². Năm 2000 xây nhà 3 tầng, diện tích là 50 m² x 3 tầng = 150 m². Chi phí xây nhà hết 200 triệu đồng. Tiền xây nhà do 2 vợ chồng tiết kiệm + con trai đóng góp + 1 phần vay ngân hàng. Sau 3 năm, vợ chồng ông trả được hết nợ.

Ông HBT2 về Hà Nội năm 1986, dạy ở cấp 3 Hà Đông, hàng ngày ông đi làm bằng xe buýt. Ông về hưu năm 1990. Sau khi về hưu, ông dạy thêm Toán ở Học viện Bưu chính Viễn thông đến năm 1996 ông nghỉ vì bệnh Parkinson (bệnh run tay).

Từ năm 1976 đến 1980 đời sống gia đình ông rất khó khăn. Vợ ông nghỉ mất sức từ năm 1984, bà có kinh nghiệm làm thêm, bán hàng ăn sáng như bún, miến gà ở phố Minh Khai. Năm 1987 bà không bán hàng ăn nữa mà bán hàng thịt bò, thịt lợn ở chợ Hôm đến khi cháy chợ chuyển về chợ 8/3.

Năm 2003 bà nghỉ hẳn, không bán hàng nữa vì các con lớn, có thể tự lo cho gia đình được. Hàng ngày tiền lãi bán hàng của bà có thể mua được 10-15 kg gạo, về sau có hôm tiền lãi mua được 30 kg gạo (khoảng hơn 100 nghìn đồng). Theo ông đời sống của gia đình ông bây giờ là thoải mái nhất. Lương hưu của ông là 3 triệu/tháng, bà 1 triệu/tháng. Cuộc sống của gia đình ông hiện nay không có vấn đề gì cả. Nếu ông có nhiều tiền thì để tiết kiệm cho tuổi già lúc ốm đau.

Ngày xưa khu vực này là vườn, ao hồ trồng rau. Từ năm 1988-1999 quận Hai Bà Trưng lấp hồ ao bán cho tư nhân xây nhà. Ở khu vực này không bị ngập nhưng khu vực ngõ 19 (hồ Dải Đỏ) bị ngập lụt khi trời mưa to nhưng sau 1 tiếng có thể thoát được hết nước. Vấn đề an ninh ở khu vực này thì tốt, vệ sinh môi trường chưa tốt, hệ thống cống rãnh chưa xây lắp nên

mùa hè có mùi.

Thỉnh thoảng bà về quê Ứng Hoà vào ngày giỗ bố mẹ, tổ tiên... Vì bố mẹ mất hết rồi. Bà đi về quê bằng xe buýt. Thời kỳ năm 1984-1986 môi trường không khí trong lành, ít dân cư, đất vườn trồng rau. Ông HBT2 có mong muốn các cháu thi đỗ vào được đại học Y để làm bác sĩ.

Điều tra sáng 4/9/2009

Họ và tên: HBT3

Nam, sinh năm 1940

Quê: thôn Quỳnh Lôi, xã Quỳnh Mai, huyện Hoàng Long, tổng Kim Liên, tỉnh Hà Đông.

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Gia đình ông HBT3 có diện tích 1440 m² = 4 sào nhà + vườn. Bố mẹ ông HBT3 làm ruộng thuê của làng, không có đất chia. Gia đình ông thuộc thành phần Trung nông. Bố ông học trường làng hết lớp 5, học chữ Nho thầy đồ ở làng, cụ biết một chút tiếng Pháp để giao tiếp với người Pháp. Mẹ ông không được đi học. Trước năm 1970 gia đình ông có nhà gỗ 5 gian, có vườn, ao, cây tre. Vườn nhà ông trồng mướp 7 lá, mùng toi, rau đay, rau cải, rau muống chủ yếu là để bán rau ăn ở chợ Mơ. Thông thường mỗi gia đình ở đây có 1 cái ao để lấy nước tưới rau. Ngoài ra còn có hồ, ao lớn thì do nhà nước quản lý. Sau này là HTX quản lý để nuôi cá. Ruộng trồng lúa thì ở bên kia sông Kim Ngưu.

Điều tra sáng 5/9/2009

Họ và tên: HBT4

Nữ, sinh năm 1940

Quê quán: làng Quỳnh Lôi, tổng Kim Liên, tỉnh Hà Đông.

Địa chỉ hiện nay: phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố bà HBT4 biết đọc, trước năm 1930 làm ruộng, sau năm 1930 ông làm ruộng và tham gia phong trào quốc dân đảng sau đó bị bọn mật thám bắt, nhốt ở Hỏa Lò. Sau đó chôn tù về chăn vịt. Sau đó vào miền Nam làm công nhân hoá xa (đường sắt). Ngày 23/9/1945 Nam Bộ kháng chiến, ông cùng anh trai tham gia cách mạng đánh đuổi quân Anh ở miền Nam. Cuối năm 1946 ra Bắc (Hà Nội) tham gia đoàn quân 60 ngày đêm bảo vệ Hà Nội. Đầu năm 1947 chuyển vào Thanh Hoá theo xưởng quân giới Khu 4 cũ (sản xuất vũ khí). Ông làm phó giám đốc xưởng quân khí. Anh trai bà ở Hà Nội tham gia phong trào tạm chiến sau đó về chiến khu Việt Bắc làm thư ký cho bác Lê Đức Thọ. Đầu năm 1946 anh trai bà đi Nam Tiến vào vùng Đồng Tháp 10, Cà Mau. Mẹ bà làm ruộng và buôn bán nhỏ. Năm 1946 bà và mẹ đi tản cư ở Thanh Hoá cùng với bố. Năm 1950 bố bà bị hy sinh trong khi làm nhiệm vụ thử vũ khí. Đầu 1954 mẹ bà và các con hồi hương về quê trồng mướp, rau mùng toi để bán ở chợ Mơ (đặc sản của làng). Sau cải cách ruộng đất, gia đình bà được chia hơn 1 mẫu đất cấy lúa. Gia đình bà có hơn 200 m² đất của ông bà nội cho vườn năm 1955. Năm 1960 kế hoạch của thành phố là quy hoạch, mở rộng, xây đường Bạch Mai, xây chung cư cho nhân dân ở. Mẹ bà mất năm 1963.

Gia đình bà HBT4 có 6 anh chị em:

1. Nam, sinh năm 1921. Đã học diplom thời Pháp. Làm trưởng ban điều hành ga Hà Nội từ 1965 đến 1980. Đã mất năm 2003. Ông không đi tản cư mà đi làm nhiệm vụ quân sự (đi bộ đội).
2. Nam, sinh năm 1924. Được đi học hết cấp 1. Trong kháng chiến làm thư ký cho ông Lê Đức Thọ. Năm 1960 đi Hungari học sau đó về làm giám đốc nhà máy xi măng Hải Phòng. Năm 1969 làm Viện trưởng Viện Vật liệu xây dựng. Năm 1984 về nghỉ hưu. Năm 1994 mất vì bệnh.
3. Nam, sinh năm 1927. Học hết cấp 3. Sau đó học Quân y, làm bác sĩ quân đội dã chiến ở các chiến trường trong thời gian chống Mỹ. Đã mất năm 2005 vì bệnh.
4. Nữ, sinh năm 1936. Học hết cấp 2. Công tác ở Ban thi đua của công ty Lương thực. Thực phẩm của Bộ Lương thực- thực phẩm Việt Nam. Bây giờ là Bộ NN&PTNT. Về hưu năm 1991, sống ở khu tập thể Bách khoa, Hai Bà Trưng.
5. Nữ (HBT4- người trả lời phỏng vấn)
6. Nam, sinh năm 1943. Năm 1955-1959 đi học cấp 1 ở làng Quỳnh (sau khi đi tản cư về). Năm 1959-1962 học cấp 2 ở trường Quỳnh Lôi. Năm 1962-1965 học cấp 3 ở trường Chu Văn An. Hàng ngày ông đi học bằng tàu điện. Năm 1965-1969 ông tốt nghiệp đại học Kinh tế tài chính ngành thống kê. Năm 1969 ông đi công tác ở Yên Bái, công việc làm thống kê ở thị xã Yên Bái. Năm 1978 chuyển vào Tây Ninh làm chánh văn phòng Ủy ban tỉnh Tây Ninh. Ông đã về hưu năm 2003 ở Tây Ninh. Hiện nay ông sống ở quận 1, Sài Gòn. Vài năm ông về thăm quê (làng Quỳnh Lôi) /1 lần.

Bà HBT4 được đi học bình dân học vụ ở trường làng Quỳnh Lôi lúc 14 tuổi. Khi bà đi tản cư ở Thanh Hoá bà đã biết chữ, đọc, viết, tính toán rồi. Năm 1959-1962 bà học lớp bổ túc Văn hóa công nông của tp. Hà Nội cho con công nhân, nông dân học. Phong trào này học hết cấp 3 (lớp 10). Năm 1962-1965 bà ở nhà giúp việc cho mẹ. Năm 1965 bà làm công nhân nhà máy dệt ở Minh Khai.

Năm 1963 bà HBT4 chồng, bà gặp chồng ở quê (trai làng).

Bà HBT4 có 3 con:

1. Nữ, sinh năm 1964. Tốt nghiệp đại học Y. Hiện nay là Giám đốc Trung tâm y tế. Hiện nay sống ở quận Đống Đa, Hà Nội. Đã có 2 con trai. Chồng là Công an quận.
2. Nam, sinh năm 1967. Học hết cấp 3, sau đó đi bộ đội 3 năm chống Tàu về làm công nhân nhà máy. Năm 1994 làm việc ở công ty Ngân hàng (nước ngoài). Đã có 2 con gái. Hiện nay sống ở Quỳnh Lôi.
3. Nam, sinh năm 1969. Học hết cấp 3. Sau đó học nghề. Làm nhân viên khách sạn. Đã có 2 con (1 trai, 1 gái). Vợ cùng làm ở khách sạn.

Chồng bà HTB4 sinh năm 1936. Ông làm công nhân xây lắp của Bộ Điện than. Ông được đi học các lớp bổ túc hết cấp 2. Bà sống cùng bố mẹ chồng. Mẹ chồng làm ruộng. Bố chồng làm ở nhà máy Điện Yên Phụ, bờ hồ. Khi bà lấy chồng về ở nhà chồng có nhà cấp 4 là 3 gian nhà lá, xung quanh nhà là vườn trồng rau. Diện tích nhà là 40m²/7 người ở (gồm có bố

mẹ chồng, ông bà và 3 con).

Gần nhà bà có ao làng nhưng không nuôi cá, cá có tự nhiên. Ngày xưa ở đây mưa to là bị ngập lụt. Từ năm 1988 đến nay thì không bị ngập do hệ thống thoát nước tốt. Chồng bà về hưu năm 1990. Đã mất năm 2005.

Bà HBT4 về hưu năm 1989. Lương hưu của bà là 1,8 triệu/tháng. Trong thời kỳ chống Mỹ năm 1972, bà đi sơ tán ở Hưng Yên. Bà gửi con đi sơ tán với cơ quan của chị gái ở Thạch Thất, Hà Tây. Chồng bà đi làm giao thông ở các tỉnh. 1 năm ông ấy được về phép với gia đình 10 ngày. Bà ở nhà chăm sóc các con. Khi ông về Hà Nội thì 2 vợ chồng bà mang lương thực, thực phẩm lên cho con. Thời kỳ bao cấp rất khó khăn, mọi thứ đều phải mua theo tem phiếu. Mặc dù không đói nhưng không được đầy đủ chất. Nếu gạo không đủ thì ăn độn bằng ngô, khoai, bo bo. Đến năm 1987 được ăn cơm không có độn nữa. Gia đình bà không nuôi con lợn, gà. Hàng ngày gia đình bà đi mua thức ăn ở chợ Mơ. Sau cải cách ruộng đất, bố mẹ bà được chia 1 mẫu ruộng đất. Nhưng gia đình các con đi làm công nhân nên gia đình đã trả lại cho Nhà nước. Hiện nay các con của bà làm công nhân ở nhà máy bia Halida.

Bà HBT4 xây nhà năm 2002, diện tích là 60m² x 3 tầng/ cho 5 người ở (bà, con trai út, con dâu và 2 cháu). Cả gia đình ăn chung. Hiện nay gia đình bà có cuộc sống ổn định thoải mái. Sức khoẻ bình thường. Nếu có tiền thì bà sẽ gửi tiết kiệm tiêu dần. Thời kỳ khó khăn nhất là năm 1965-1972 vì nuôi con nhỏ + đi sơ tán. Bà có mong muốn các cháu thành đạt hơn bố mẹ các cháu. Gia đình bà mua xe máy đầu tiên năm 2002 (do con trai mua). Ông bà chỉ đi xe đạp thôi.

Điều tra chiều 5/9/2009

Họ và tên: HBT5

Nam, sinh năm 1931

Quê: Trước 1945 là làng Quỳnh Lôi, xã Quỳnh Mai, huyện Hoàng Long, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: xóm Thắng Lợi, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ông HBT5 sinh ra ở đây. Bố ông là viên chức nhà nước. Năm 1935-1945 là nhân viên bán hàng Bách hoá tổng hợp Tràng Tiền. Thời Pháp gọi là Gôđa. Ông đi làm hàng ngày bằng tàu điện. Năm 1945 ông làm công nhân nhà máy điện Bờ hồ đến 1964 bị mất trước khi về hưu. Bố ông học hết tiểu học ở trường làng. Diện tích đất nhà, vườn, ao=1000 m². Có 2 nhà 5 gian. Nhà cổ làm từ năm 1930. Trước năm 1930 là nhà lá. Mẹ ông làm ruộng, không được đi học.

Gia đình ông HBT5 có 5 anh em:

1. Nam, sinh năm 1931 (HBT5 - người trả lời phỏng vấn)
2. Nữ, sinh năm 1933. Học hết cấp 1 trường làng. Làm ruộng. Lấy chồng trai làng. Sống ở nhà chồng làng Quỳnh Lôi.
3. Nữ, sinh năm 1937. Học hết cấp 1. Làm ruộng. Lấy chồng làng. Hiện nay sống ở làng Quỳnh Lôi.

4. Nữ, sinh năm 1941. Học hết cấp 1. Lấy chồng người làng. Có 3 con (2 trai, 1 gái). Đã mất năm 1999. Chồng là quận trưởng Công an.

5. Nam, sinh năm 1944. Học hết cấp 3. Sau đó đi học trung cấp Sư phạm. Dạy học cấp 2 quận hai Bà Trưng. Không đi bộ đội.

Lúc 7 tuổi ông HBT5 được đi học ở trường Quỳnh Lôi 5 năm. Năm 1942 Nhật đánh vào Hà Nội ông nghỉ học. Từ năm 1942-1945 ông ở nhà. Năm 1946 ông đi tản cư tự do theo gia đình ở Phủ Lý, Hà Nam. Hồi đó khu Bạch Mai đi tản cư hết vì nhân dân sợ bắn phá. Năm 1949 ông làm công nhân in Minh Sang ở phố Nguyễn Khuyến do bạn bè giới thiệu. Đến tháng 6 năm 1981 ông về nghỉ hưu.

Năm 1951 ông lấy vợ, sống ở nhà bố mẹ. Năm 1955 vợ ông bán hàng quần áo ở chợ Hôm. Hàng ngày phải gánh đi bộ hoặc đi tàu điện. Năm 1958 bà làm công nhân dệt bít tất (HTX Hàng Bông Nhuộm ở Hàng Bông Nhuộm). Năm 1967 làm công nhân nhà máy gỗ ở phố Chương Dương Độ. Từ nhà đến nhà máy bà phải đi bộ hoặc đi xe đạp, tàu điện.

Năm 1981 bà về hưu. Lương hưu của ông + bà là 3 triệu/tháng. Theo ông thời kỳ còn nhỏ năm 1953-1965 là thời kỳ vất vả nhất.

Ông bà HBT5 có 5 người con:

1. Nam, sinh năm 1953. Học đại học Thủy sản. Làm việc ở viện thủy sản. Năm 2003 về hưu mở công ty TNHH thủy sản, chuyên sản xuất nước mắm xuất khẩu đi nước ngoài.

2. Nam, sinh năm 1955. Học hết cấp 3, đi bộ đội 3 năm về làm việc ở bưu điện. Sau đó đi xuất khẩu lao động ở Tiệp Khắc 5 năm rồi về Việt Nam 2 năm xây nhà. Sau đó lại tiếp tục đi Hungari 3 năm. Hiện nay về làm giám đốc khách sạn. Đã lấy vợ khi 22 tuổi, trước khi đi nước ngoài. Đã có 2 con: con cả 25 tuổi tốt nghiệp đại học xây dựng, làm kỹ sư xây dựng, công tác ở cơ quan nhà nước. Con út 18 tuổi đang du học ở Úc về du lịch khác sạn.

3. Nữ, sinh năm 1957. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Hà Nội 1. Dạy ở trường Đại học Khoa học tự nhiên TP HCM. Hiện nay có công ty TNHH kinh doanh may mặc xuất khẩu. Lấy chồng người Hà Nội đã vào Sài Gòn từ năm 1989. Đã có 1 con gái 23 tuổi, đi du học ở Úc từ lớp 8 đến 15 tuổi theo học chương trình của đại học Cambridge. Đến khi vào đại học cháu sang Mỹ học Đại học khoa Kiểm toán quốc tế. Hiện nay cháu đã tốt nghiệp và làm Kiểm toán quốc tế ở Mỹ. Chưa lấy chồng.

4. Nam, sinh năm 1960. Tốt nghiệp đại học xây dựng. Làm báo Thương mại. Sau đó làm nhân viên kinh doanh của công ty cổ phần cửa sổ EW.

5. Nam, sinh năm 1962. Tốt nghiệp đại học Y, Hà Nội. Hiện nay làm bác sĩ ở Bệnh viện Thanh Nhàn. Đã có 2 con gái. Năm 2010 con cả sẽ đi du học Thạc sĩ ở Hàn Quốc, khoa Đông Phương học, trường Đại học KHXH&NV, đại học Quốc gia Hà Nội.

Theo ông HBT5 bây giờ là thời kỳ thoải mái nhất, sức khỏe tốt, đầu óc minh mẫn, con cái trưởng thành, không bị ảnh hưởng các tệ nạn xã hội. Theo ông gia đình ông khó khăn nhất là thời kỳ bao cấp. Năm 1960 gia đình ông sửa chữa nhà gỗ, diện tích là 50 m². Năm 1989 ông chia đất cho các con: anh cả 500 m², anh thứ hai 300 m², anh thứ ba 140 m², anh thứ tư 140 m², con gái 100 m². Con gái thứ 3 gửi 100 triệu xây 3 gian nhà/100m² để cho thuê được 4,5

triệu/tháng. Con gái biểu ông bà để chi tiêu hàng tháng.

Điều tra sáng 6/9/2009

Họ và tên: HBT6

Nam, sinh năm 1941

Quê: làng Quỳnh Lôi, xã Quỳnh Mai, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Đông (từ năm 1957 đổi thành quận Hai Bà Trưng)

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT6 học hết cấp 2 ở trường làng. Sau đó đi làm thuê (kế toán), ghi chép sổ sách bán hàng ở Gôđa (Bách hoá, Tràng Tiền). Sau cải cách ruộng đất gia đình ông thuộc thành phần bần nông. Có 4 sào ruộng trồng lúa. Mẹ làm ruộng tham gia HTX nông nghiệp Đông Ba năm 1956-1970 vì già yếu có 4 sào ruộng cấy lúa nộp cho HTX. Nhà có khoảng 500 m² đến năm 1992 chia đất cho các con. Đến năm 1993 bố mất, 1994 mẹ mất.

Hiện nay gia đình ông có đất vườn + nhà ở diện tích = 104 m².

Lúc 6 tuổi ông đi học cấp 1 ở trường làng (5 năm), cấp 2 học ở trường tư thục Ba Đình phố Trần Quốc Toản 4 năm (đệ thất lục ngũ tứ). Từ nhà đến trường bố ông tiện đi làm chở ông đi học bằng xe đạp. Khi về ông tự đi bộ về (khoảng 4 km). Năm 1959 (ông 18 tuổi) tham gia cách mạng vào đoàn của Bộ Giao thông vận tải đi khảo sát đo đạc đường miền núi Tây Bắc (Hà Đông - Điện Biên. Bây giờ là Quốc lộ 6). Năm 1961 học trung cấp Giao thông thuỷ bộ ở Cầu Giấy, Hà Nội do đoàn khảo sát - Bộ Giao thông vận tải cử đi học (bây giờ là đại học Giao thông vận tải) đến năm 1964 tốt nghiệp. Năm 1964 làm ở phòng thiết kế Ty giao thông vận tải Hoà Bình. Năm 1965 học hàm thụ đại học 1 năm 3 tháng ở đại học Giao thông vận tải. Trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, trường đi sơ tán lên huyện Phúc Thọ, Hà Tây. Đến cuối năm 1969 tốt nghiệp, ông vẫn làm việc ở Hoà Bình. Năm 1980 ông xin chuyển về Hà Nội làm ở Sở Xây dựng vì muốn về gần gia đình (ăn ở tập thể Hà Nội). Năm 1984 ông về làm việc ở sở Giao thông Công chính, chi nhánh Công trình giao thông. Công việc chính là chuyên đi vá, sửa chữa đường bộ. Năm 1988 ông về hưu 1 cục để lấy tiền xây dựng xưởng.

Ông HBT6 có 6 anh em:

1. Nam, sinh năm 1941 (HBT6- người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1946. Học đại học Giao thông đường thuỷ. Năm 1973 đi bộ đội cấp bậc trung tá. Đã về hưu năm 2003.
3. Nữ, sinh năm 1950. Học trung cấp Y. Làm y tá của nhà máy Trung quy mô (bây giờ là nhà máy cơ khí Hà Nội). Đã về hưu năm 2005, sống 1 mình (không lấy chồng), nhưng sinh hoạt cùng gia đình người em gái.
4. Nữ, sinh năm 1953. Học hết cấp 3 (lớp 10). Làm công nhân Công ty Kim khí hoá chất. Sống ở tập thể. Đã về hưu năm 2008. Hiện nay sống ở phường Quỳnh Lôi. Có gia đình và 2 con. Bà chia cho con gái 50 m², con trai 110 m² đất.
5. Nam, sinh năm 1957. Học hết cấp 3 (lớp 10). Làm ở công ty Kim khí hoá chất, chị gái xin cho. Năm 2004 nghỉ mất sức. Hiện nay làm thủ quỹ cho Công ty Điện tử tư nhân. Sống ở

phường Quỳnh Lôi. Chồng là Công an phường, cấp bậc trung tá.

Ông HBT6 lấy vợ năm 1967. Vợ 24 tuổi, là người phố Khâm Thiên. Là bạn học cùng trung cấp Giao thông. Năm 1964 hai người cùng đi công tác ở Hoà Bình. Hai người tổ chức lễ cưới ở Hà Nội. Hai vợ chồng được phân 1 phòng (14 m²) nhà tre ở Hoà Bình, nấu ăn riêng trong phòng. Vợ ông về Hà Nội năm 1971. Bà ở nhà làm vườn 8 năm.

Gia đình ông có 4 người con:

1. Nam, sinh năm 1968. Học hết lớp 7 làm thợ mộc, bây giờ làm bảo vệ cho Tổng công ty Xây dựng Hà Nội. Ông đã có vợ và hai con. Sống cùng ông bà. Hai vợ chồng thu nhập 5 triệu/tháng.
2. Nữ, sinh năm 1970. Học hết cấp 3. Làm công nhân Công ty Xà phòng. Lấy chồng là bộ đội Biên phòng. Hiện nay sống ở khu tập thể quân đội. Có 2 con. Lương 2 vợ chồng 7 triệu/tháng.
3. Nữ, sinh năm 1972. Học hết cấp 3. Bán hàng khô ở chợ Mơ. Có chồng và 2 con. Chồng làm Viễn thông. Sống ở khu chung cư, Hoàng Mai.
4. Nữ, sinh năm 1974. Học khoa Ngữ văn, trường đại học Tổng hợp. Làm Công ty Liên doanh Giấy. Đã có 2 con, chồng là bộ đội ở quận. Hiện nay mới sinh con nhỏ được 2 tháng nên về ở cùng ông bà ngoại. Lương 2 vợ chồng được 8 triệu /tháng.

Ông HBT6 về hưu 1 cục được hơn 300 triệu. Ông làm kinh doanh xưởng mộc, thuê 20 thợ làm. Đến năm 1993 ông không làm nữa. Vì ở khu vực nhà ông, nhà cửa xây dựng nhiều nên vận chuyển gỗ vào xưởng rất khó khăn nên ông đã bỏ. Từ năm 1970-1973 gia đình ông rất khó khăn vì con nhỏ, bao cấp, vợ không làm việc. Năm 1972 vợ ông và 3 con đi sơ tán ở Thường Tín nhà người quen. Năm 1994 ông làm nhà, diện tích là 70 m² x 3 tầng hết 270 triệu.

Tiền có được từ về hưu 1 cục. Thu nhập hiện nay của ông là không có gì. Các con của ông hàng tháng cho bố mẹ tiền chi tiêu thêm. Con trai cả thì chi tiền sinh hoạt, ăn uống hàng ngày. Hai ông bà có 100 triệu gửi tiết kiệm lấy lãi: 3 tháng lấy lãi 1 lần/2 triệu đồng. Theo ông bây giờ ông cảm thấy rất thoải mái có 5 con, 8 cháu. Nếu bây giờ ông có nhiều tiền, con nào có khó khăn thì cho. Nếu còn thì ông bà sẽ đi du lịch nội địa. Trong số các con của ông thì có gia đình anh cả là khó khăn hơn cả. Ông có mong muốn các cháu học giỏi. Hiện nay có 1 cháu là học sinh giỏi Hà Nội, con của cô thứ 2 muốn được đi du học ở Châu Á như Nhật hoặc Singgapo. Ông bán hàng nước ở trước cửa nhà, 1 ngày được vài chục nghìn. Năm 1988 gia đình ông hết vườn trồng rau (vì ông mở xưởng mộc). Từ năm 2001 ông làm tổ trưởng tổ dân phố, hàng tháng được phụ cấp 200 nghìn đồng. Ông quản lý tổ phường Quỳnh Lôi, có 97 hộ dân, 480 nhân khẩu. (Phường Quỳnh Lôi có tất cả 58 tổ dân phố). Theo ông 1 gia đình có 4 người ít nhất phải có 10 triệu đồng/tháng (có nhà ở rồi). Ông bán hàng nước và hàng ngày đưa đón cháu đi học. 10 năm nay từ 5 giờ sáng 2 ông bà đi tập dưỡng sinh ở Công viên Tuổi trẻ. Buổi tối xem tivi đến 11 giờ đêm đi ngủ. Con gái ông mua máy điều hoà nhiệt độ cho ông bà cách đây 4 năm. Trước năm 1990 khu vực này còn là nông thôn. Sau năm 1990 nhà cửa cao tầng xây dựng nhiều – bắt đầu đô thị hoá. Năm 2002 đường làng ngõ xóm ở đây đã bê tông hoá.

Điều tra sáng 7/9/2009

Họ và tên: HBT7

Nam, sinh năm 1940

Quê: xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT7 sinh ra ở Thanh Hoá. Bố mẹ ông làm ruộng. Gia đình ông có 14 sào Bắc Bộ. Có 2 nhà gỗ 4 gian x 70 m². Gia đình thuộc thành phần trung nông.

Ông HBT7 có 6 anh em:

1. Nam, sinh năm 1940 (HBT7 – người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1948. Học hết cấp 1 (lớp 5). Làm bảo vệ ở xã. Hiện nay sống sở quê.
3. Nam, sinh năm 1952. Học hết cấp 2 (lớp 7), đi bộ đội đóng quân ở Huế. Đã về hưu. Sống cùng gia đình ở Huế, cấp bậc trung tá.
4. Nam, sinh năm 1956. Học hết cấp 1. Làm ruộng. Năm 1968 đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng. Hiện nay đang sống ở Lâm Đồng.
5. Nữ, sinh năm 1959. Học hết cấp 2 (lớp 7/10). Làm ruộng. Lấy chồng làng. Hiện nay sống ở quê Thanh Hoá.
6. Nam, sinh năm 1964. Học hết cấp 2 (lớp 7). Đi bộ đội 4 năm. Sau đó về làm nghề lái xe cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hoá. Lấy vợ ở nhà làm ruộng ở quê.

Ông HBT7 học hết cấp 3 (lớp 10) ở huyện Quảng Xương. Sau từ năm 1957-1959 đó ông học Cao đẳng Sư phạm 10 + 3 ở tỉnh Thanh Hoá (cách nhà 16 km). Hàng tuần ông đi bộ đến trường, 1 tuần về nhà 1 lần. Năm 1959-1960 dạy học lớp 5 (cấp 2) ở huyện Quảng Xương. Năm 1960 ông nghỉ dạy học (vì lý do trông ông thấp bé hơn so với học sinh). Năm 1962 ông đi làm công nhân đường sắt Hà Nội - Vinh (ở ga Vinh). Năm 1964 ông xung phong đi vào đội tình nguyện đường sắt. Ông nhập vào đoàn ở Quảng Bình. Năm 1968 sức khoẻ yếu, ông được đưa ra Đan Phượng, Hà Tây để ăn dưỡng 6 tháng. Năm 1969 xung phong vào tiếp đoàn làm liên lạc vô tuyến điện. Năm 1972 ông bị sốt rét, được điều ra làm việc ở Cục Quản lý đường bộ, Bộ Giao thông vận tải. Năm 1972-1974 ông học trung cấp đường bộ ở Vĩnh Phú. Năm 1974 ra trường làm việc ở bộ phận kỹ thuật đường bộ Hà Nội - Hải Phòng. Năm 1976 ông về Cục quản lý đường bộ, rồi điều lên Lạng Sơn nhập hàng vật liệu giao thông (đá, nhựa đường) chuyển về Hà Nội. Năm 1977 chuyển về đội quản lý công trình đường bộ. Năm 1978 điều về đội thi công cơ giới Đông Anh làm cán bộ tổ chức hành chính. Năm 1979 ông nhờ người xin cho ông về vừa học vừa dạy ở trường múa vũ balê Mai Dịch (vì 1959 ông đã được học hát múa trong phong trào thanh niên). Năm 1980 ông về Minh Khai mua nhà được 7 tháng sau đó bán về Quỳnh Lôi mua nhà ở cho đến nay.

Năm 1976 ông lấy vợ người Hưng Yên làm cùng cơ quan. Ông phải thuê nhà ở Gia Lâm để ở vì nhà tập thể quá chật hẹp. Hai ông bà lấy nhau nhưng không sinh con được vì vợ ông bị bệnh dạ con. Năm 1980 ông đi chùa Hương gặp 1 người cho con trai 3 tháng tuổi vì gia đình khó khăn không nuôi được. Ông mang con về từ chùa Hương về Hà Đông đạp xe đạp, 1 tay

bé con. Trên đường đi nhờ được 1 cô bộ đội bé hộ 1 đoạn đường đến bến xe Hà Đông. Từ Hà Đông ông đi nhờ xe buýt về đến Bồ hồ. Từ Bồ hồ đến chợ Mơ ông đi nhờ tàu điện. Đến chợ Mơ ông dắt xe đạp, 1 tay bé con đi bộ về nhà. Hiện nay con trai ông đã 30 tuổi. Học hết lớp 6. Làm bảo vệ ở phường, bán xăng dầu từ năm 1998 ở Minh Khai. Đến năm 2007 vì lý do bỏ đi chơi quá ngày không xin phép nên Giám đốc đuổi việc. Hiện nay ở nhà không làm gì, bố mẹ phải nuôi. Chưa lấy vợ. Năm 1980 ông mua nhà cấp 4, diện tích là 19,5 m²/3 người ở. Ông đăng ký hộ khẩu cho con nuôi như con đẻ (sinh ra). Ban ngày ông bà phải đi xin sữa của các bà mẹ có con nhỏ. Vào ban đêm nấu cháo loãng xay nhuyễn cho bú. Năm 1980-1986 ông làm nghề đạp xích lô. Năm 1986-1997 ông làm bảo vệ ở công an phường. Năm 1997 đến bây giờ làm bảo vệ ở cửa hàng xăng dầu Minh Khai vào buổi tối. Lương 1 triệu/tháng. Ban ngày nghỉ tham gia tổ trưởng và tổ phó tổ dân phố tổ. Tổ có 71 hộ, 376 nhân khẩu. Nhận được phụ cấp 200 nghìn đồng/tháng. Ông mua xe xích lô đến năm 1986 không sử dụng nữa thì bán. Khi đạp xích lô ông chủ yếu đạp xe ở quanh Hà Nội, thỉnh thoảng có chở khách đi xa đến các tỉnh lân cận. Ông bắt đầu làm việc từ 4 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau. Ban ngày ông nghỉ ở nhà. Tiền đạp xích lô chỉ đủ mua gạo và thức ăn hàng ngày cho 3 người. Nghề đạp xích lô có thu nhập thấp (mức sống nghèo) so với làm các nghề khác. Vợ ông bán hàng rong như bánh kẹo, quà vặt cho học sinh ở công trường cấp 1, 2 Ngô Quyền. Mỗi ngày thu được từ 20-30 nghìn đồng (1 triệu/tháng). Hiện nay con trai ông chưa xin được việc làm nên hàng ngày phải xin tiền bố mẹ để tiêu. Từ năm 2007-2009 ông cảm thấy gia đình ông vất vả nhất vì, tuổi cao sức yếu, hai ông bà không có lương hưu, con trai không có việc làm, giá cả thị trường không ổn định, tiền ít nên bữa no, bữa đói (không đủ ăn). Năm 1986-1997 là thời kỳ ông cảm thấy thoải mái nhất vì giá cả ổn định, có thu nhập hàng tháng, con nhỏ chưa phải chi phí nhiều. Vợ ông bán hàng có lãi nhiều hơn. Ông có đề nghị với chính phủ: ông muốn được sống như những người già khác. Hiện nay ở Quỳnh Lôi có 2/3 người già không có lương hưu vì trước đây họ làm nghề tự do hay làm ruộng.

Điều tra chiều 7/9/2009

Họ và tên: HBT8

Nam, sinh năm 1936.

Quê: Sinh ra ở làng Thê Giao, quận Hai Bà Trưng (Hồ 7 mẫu)

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT8 làm thợ in sách báo tiếng Việt Ideo của Pháp ở khu vực Tràng Tiền. Bố ông học hết lớp 3, 4 trường làng. Mẹ buôn bán nhỏ: bánh kẹo,... bằng gánh rong. Nhà ông không có ruộng đất. Thành phần dân nghèo thành thị. Nhà ở +vườn, diện tích là 100m². Có 5 gian nhà lá S= 60 m².

Ông HBT8 có 2 anh em:

1. Nam, sinh năm 1936 (HBT8 – người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1938. Học hết lớp 2. Lớn lên vừa đi làm vừa học thêm văn hoá. Làm nghề thống kê ở xí nghiệp đường sắt nhà nước ở đường Trần Quý Cáp (sau ga Hà Nội). Bây giờ gia

đình ông sống ở tập thể xí nghiệp đường sắt. Lúc 7 tuổi ông được đi học hết cấp 3 trường Công Ích ở ngõ chùa Liên Phái, phố Bạch Mai, Hà Nội. Hàng ngày ông đi bộ khoảng 3 km đến trường. Năm 1946 có chiến tranh phải nên nghỉ học đi tản cư với mẹ đến Bình Đà, Mỹ Đức, Hà Tây. Mẹ bán hàng để nuôi 2 anh em. Bố mất năm 1939 (gần 30 tuổi) vì bị bệnh. Năm 1947 mẹ mất vì sốt rét ở Mỹ Đức (trong thời gian đi tản cư) ông 11 tuổi, em trai 9 tuổi. Hai anh em ông ở với dì ruột và bà ngoại làm nghề bán hàng nhỏ. Dì đã có gia đình và 2 con. Tháng 12/1954 hoà bình lập lại gia đình ông về Hà Nội. Bà ngoại mất năm 1952 ở Thanh Hoá. Ông và em trai phải đi làm thuê kiếm tiền như làm guồng tơ ở Hà Tây. Năm 1950-12/1954 gia đình ông ở Thanh Hoá về Hà Nội. Hai anh em đi gánh gạo bán, ông gánh được 40 kg đi bộ 12 km. Ông phải dậy từ 3 giờ sáng. Năm 1954 ông về Hà Nội đi làm thuê đánh bóng ống tuýp làm khung xe đạp. Tháng 4/1955 ông tham gia thanh niên xung phong theo tiếng gọi của Trung ương đoàn đi mở đường ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Mỏ Apatít. Tháng 2/1957 ông chuyển sang bộ đội, sư đoàn ô tô tăng thiết giáp, Bộ Quốc phòng (Gia Lâm, Hà Nội). Đến Tháng 12/1990 ông về nghỉ hưu, cấp bậc đại úy. Thời gian công tác ở Gia Lâm, ông sống ở khu tập thể đơn vị.

Năm 1962 ông lấy vợ người Hà Nội, phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng (nhà của bà nội cho ông) diện tích là 20 m², nhà cấp 4 lợp ngói, có bếp, nhà vệ sinh. Năm 1980 ông mua đất ở Quỳnh Lôi, diện tích là 100 m², có nhà cấp 4 rộng 20 m² + 20 m² công trình phụ. Năm 1990 ông phá nhà cấp 4 xây lại nhà 2 tầng x 70 m².

Ông HBT8 có 3 con:

1. Nam, sinh năm 1964. Học hết cấp 3 (lớp 10). Sau đó đi bộ đội 3 năm nghĩa vụ. Năm 1985 ông chuyển ngành làm lái xe cho công ty xây dựng nhà ở Hà Nội. Hiện nay sống cùng ông bà, đã có vợ và 2 con (con trai 17 tuổi, con gái 6 tuổi).
2. Nữ, sinh năm 1968. Học hết lớp 10, đi xuất khẩu lao động sang Nga năm 1987 đến 1991 về phép. Năm 2005 về hẳn. Đã lấy chồng và có 2 con. Hiện nay sống ở phường Quỳnh Lôi. Bây giờ ở nhà nuôi con. Chồng làm nghề tự do. Có nhà 1 tầng, diện tích là 100 m² do bố mẹ để cho năm 2009. Từ năm 2005-2008 gia đình chị ở cùng bố mẹ đẻ.
3. Nam, sinh năm 1972. Học hết cấp 3 (lớp 12). Làm ở công ty chiếu bóng rạp tháng 8. Hiện nay gia đình anh sống cùng bố mẹ, đã có vợ và 1 con gái 1,5 tuổi. Vợ làm kế toán cho công ty Du lịch tư nhân.

Thời gian ông làm việc ở Gia Lâm cứ 2 tuần ông về nhà 1 lần vào cuối tuần thứ 7 và chủ nhật. Gia đình ông gặp khó khăn nhất là từ 1970-1980 vì ở nhà chật hẹp, thu nhập thấp. Mua hàng bằng tem phiếu. 1 tháng gia đình ông được mua 3 lạng thịt/người. Từ 1990 đời sống bắt đầu được cải thiện (do lương cao hơn, các con đi làm có lương). Gia đình ông đã xây được nhà ở. Ông HBT8 xây nhà hết 30 triệu (do tiết kiệm được), vay thêm không đáng kể. Sau 3 năm ông đã trả được hết nợ. Lương hưu của ông được hơn 3 triệu/1 tháng, vợ 2 triệu/1 tháng. Ông bà HBT8 sống cùng 2 gia đình con trai (9 người). Hàng ngày bà đi chợ nấu cơm. Mỗi người nộp tiền ăn cho bà 500.000 đ/tháng (tổng số là 3,5 triệu/tháng). Tiền điện nước + điện thoại + than củi 1 tháng hết bao nhiêu thì chia đều cho 9 người. Gia đình ông có 4 cái tivi, 3 tủ

lạnh, 5 xe máy, 10 cái quạt, 3 máy điều hoà nhiệt độ. Tiền điện hết khoảng 1triệu/tháng. Năm 1990 ông mua xe máy Bavecta (giá 6 chỉ vàng). Tỷ giá lúc đó là 240 đồng /1 chỉ vàng. Năm 1992 ông mua xe máy Dream II (giá 32 triệu). Từ năm 2000 đến nay gia đình ông HBT8 cảm thấy thoải mái nhất, kinh tế tốt, con cái đều có lương. Ông không phải lo cho các con nữa. Bây giờ ông không thích gì cả. Ông không thích ô tô hay là đi du lịch mà chỉ thích ở nhà. Từ năm 1960 không còn làng Thê Giao vì khu vực làng này phải nộp lại đất cho nhà nước để xây dựng công trình công cộng (Công viên Tuổi trẻ). Năm 1960 ông chuyển mộ của bố mẹ đến Nghĩa Trang Yên Kỳ, Bát Bạt, Ba Vi (Hà Tây cũ). Hàng năm vào ngày Tết Thanh minh (tháng 3 âm lịch), gia đình ông tổ chức đi thăm mộ bố mẹ, tổ tiên.

Theo ông HBT8 khu vực ông ở không có vấn đề gì vì an ninh, môi trường. Trước năm 1990 ở đây có nhiều ao vườn. Từ sau năm 1990 ở đây bắt đầu đô thị hoá không còn lại ao vườn. Ngày xưa ở đây có ít cửa hàng buôn bán nhỏ nên muốn mua gì thì phải đi chợ Mơ. Bây giờ có nhiều cửa hàng bán hàng nhỏ. Năm 1980 chợ Mơ nhỏ, hẹp và cũ. Hiện nay đang xây dựng Trung tâm Thương mại.

Trong chiến tranh chống Mỹ năm 1968-1973 gia đình ông đi sơ tán ở Hoà Bình, Vân Đình (Hà Tây cũ) theo cơ quan quân đội của ông. Ăn ở nhà dân, cuộc sống tương đối đầy đủ. Theo ông HBT8 trong thời kỳ sơ tán, khó khăn nhất là mua bán lương thực và đi lại. ông chủ yếu đi bằng xe đạp.

Bây giờ ông làm Chủ tịch Hội Thanh niên, bí thư chi bộ cụm dân cư (gồm có 7 tổ).

Điều tra sáng 8/9/2009

Họ và tên: HBT9

Nam, sinh năm 1925

Quê: thôn Tiên, xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT9 làm công nhân nhà máy Trường Thi (Vinh). Mẹ ông làm ruộng: gia đình ông có 5-6 sào đất cấy lúa. Gia đình ông có nhà ngói 3 gian, S =40 m². Gia đình ông thuộc thành phần trung nông

Ông HBT9 có 4 anh em:

1. Nam, sinh năm 1925 (HBT9 - người trả lời phỏng vấn)
2. Nữ, sinh năm 1928. Không được đi học. Làm ruộng. Lấy chồng sống ở quê.
3. Nam, sinh năm 1930. Học hết cấp 3 (lớp 10) ở thị xã Hà Nam Ninh. Ông học cấp 1,2 trường làng. Đi bộ đội sau đó chuyển ngành làm Giám đốc sở Nông nghiệp Hà Nam Ninh. Đã mất năm 2001 ở quê.
4. Nam, không nhớ năm sinh. Đã mất năm 1950.

Ông HBT9 lúc 7 tuổi được đi học cấp 1 trường làng. Sau đó năm 1946 (21 tuổi) đi bộ đội đóng quân ở miền Bắc. 13 tuổi ông đi theo bạn bè làm công nhân ở ga Hà Nội. Năm 1954 ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Ông làm chủ nhiệm Tài vụ trung đoàn Bộ Tư lệnh Công

binh, cấp bậc Trung úy.

Ông lấy vợ năm 1945. Ông lấy vợ ở quê được 6 hoặc 7 tháng thì ông đi bộ đội. Vợ ông về sống ở nhà mẹ đẻ.

Đến năm 1970 ông chuyển ngành ra Bộ Thủy lợi, làm kế hoạch quản lý xây dựng các công trình Thủy lợi ở phố Hàng Tre. Đến năm 1986 ông về nghỉ hưu (sống ở khu tập thể cơ quan) nhưng hàng ngày về nhà họ hàng ở phố Khâm Thiên để ăn ở. Bố ông mất năm 1943.

Năm 1954 ông gặp lại vợ cũ ở quê, bà làm xã viên HTX. Bà đã sinh 2 con. Vợ cũ sau 1945 đến Hà Nội làm may. Bà đã mất năm 2007 ở quê. Năm 1963 ông lấy vợ 2, quê Thuận Thành, Bắc Ninh. Sống ở Bắc Ninh, làm nghề may. Đã mất 2006.

Vợ thứ 2 của ông sinh được 2 con gái: 1 con sinh ra ở Bắc Ninh, 1 con sinh ra ở Hà Tây (thời kỳ đi sơ tán).

Ông HBT9 có 5 người con:

Vợ thứ nhất:

1. Nam, sinh năm 1955. Học hết cấp 3 ở Hà Tây. Sau đó đi bộ đội 12 năm làm thông tin, cấp bậc Trung úy sau đó chuyển ngành về Bộ Giao thông. Năm 2008 về hưu. Hiện nay sống ở số nhà quận Hoàng Mai. Đã có vợ và 2 con trai. Vợ làm ở Hội Phụ nữ quận.
2. Nam, sinh năm 1959. Học hết lớp 9, đi bộ đội, xuất ngũ về quê làm ruộng. Có vợ và 2 con gái.

Vợ thứ 2:

1. Nữ, sinh năm 1963. Học hết lớp 6. Đã lấy chồng. Hiện nay ở nhà làm nội trợ. Sống ở quận Đống Đa.
2. Nữ, sinh năm 1966. Học hết lớp 7. Bán hàng hoa quả ở chợ Hôm. Hiện nay sống cùng bố mẹ đẻ ở Quỳnh Lôi. Đã có gia đình và 1 con gái. Chồng bị chết năm 1987 vì nghiện hêrôin. Hiện nay con gái đã lấy chồng có 1 cháu.
3. Nữ, sinh năm 1973. Học hết cấp 3. Sau đó học hàm thụ đại học. Hiện nay làm việc ở phòng kế hoạch tổng hợp của UBND phường. Đã lấy chồng năm 1991 và có 2 con trai, đã ly hôn. Con trai lớn 17 tuổi sống cùng mẹ, con trai thứ hai 15 tuổi sống cùng với bố. Chồng lái xe và làm nghề sửa chữa xe máy.

Hiện nay ông HBT9 sống cùng hai con gái và hai cháu. S nhà ở = 28 m² x 2 tầng. Năm 1975 ông mua đất S = 77 m², có nhà lá 3 gian, 5 người ở (2 vợ chồng + 3 con gái). Từ nhà đến phố Hàng Tre ông đi làm bằng xe đạp (khoảng 7 km). Năm 1980 ông về hưu. Năm 1991 ông xây nhà, nhà ông đã có sổ đỏ năm 1993, S = 28 m² x 2 tầng. Tiền xây nhà do các con gái đóng góp. 2 con trai ông chỉ đến thăm nhưng không có giúp đỡ về kinh tế.

Lương hưu của ông 2,2 triệu/tháng. Số tiền lương hưu ông thừa ăn, thỉnh thoảng còn cho con cháu tiền đi học thêm. Vì nhu cầu của ông ít, ông không uống rượu bia, hút thuốc. Ông chỉ xem ti vi và đọc báo thôi.

Năm 1972-1975 gia đình ông đi sơ tán ở Ba Vì, Hà Tây do cơ quan Bộ Giao thông tổ chức đi. Trong thời gian đi sơ tán, vợ con ông sống ở nhờ nhà dân nhưng ăn riêng. Năm 1975 sau khi đi sơ tán về ông mới mua nhà. Thời gian vợ và con ông sống ở Bắc Ninh, hàng tháng

ông gửi tiền thêm cho vợ con. Khi đó vợ đang làm ở HTX may mặc. Năm 1981-1985 sau khi về hưu ông đi làm thêm chữa xe đạp ở phố Minh Khai. Mỗi ngày được khoảng 3.000 - 4.000 đồng (sau đó mệt yếu nghỉ). Năm 1992-2006 ông làm chi hội trưởng Người ao tuổi của khu dân cư, phường Quỳnh Lôi. Năm 2005 làm tổ trưởng tổ dân phố. Năm 2007 ông nghỉ hưu tham gia công tác ở phường.

Theo ông HBT9 gia đình gặp khó khăn nhất là thời kỳ bao cấp, đặc biệt là từ năm 1981-1985. Khi đó ông nghỉ hưu, con nhỏ, làm thêm nghề sửa chữa xe đạp vất vả, thu nhập không ổn định chỉ có lương của ông nuôi 5 người. Vợ ông HBT9 làm nội trợ nên không có lương hưu. Thời kỳ ông thoải mái nhất là thời gian ông ở bộ đội, không phải lo lắng nhiều cho gia đình. Quân đội đã lo cho ông tất cả. Bây giờ thì ông HBT9 thoải mái về công việc, không phải làm gì cả, ăn ít. Ông chỉ ăn sáng và tối, trưa không ăn. Ông HBT9 thích đọc báo nhất: Báo Người cao tuổi, Công an, An ninh thủ đô, Nhân dân. Mỗi tháng ông mua báo hết 100-150.000 đồng. Năm 1990 ông mua ti vi màu, 2003 mua tủ lạnh. Hiện nay gia đình ông có 1 xe máy của con gái. Ông HBT9 chỉ đi xe đạp, chưa bao giờ đi xe máy. Năm 2004 gia đình ông mua bộ bàn ghế Trạng ký đất tiền. Bây giờ nếu có nhiều tiền, ông không biết làm gì vì ông không thích đi du lịch (ông có bệnh viêm phế quản). Gia đình ông HBT9 hiện nay thuộc gia đình trung bình. Ông có mong muốn đời sống của con cháu được nâng cao.

Nhà nước đang có kế hoạch lấp mương Kim Ngưu để làm đường. Hiện nay ở khu vực này không có người nghiện hút, an ninh bình thường. Từ năm 1990 phong cảnh ở khu vực này thay đổi. Các loại nhà cấp 4 đã xuống cấp do bị dột nát nên nhân dân đã phá đi xây dựng nhà gạch, bê tông. Trước năm 1990 ở khu vực này bị ngập lụt. Sau năm 1990 đường xá được xây dựng, hồ ao san lấp hết, cống rãnh thông thoáng nên không bị ngập lụt nữa. Ông HBT9 mua nhà từ tư nhân vì sau năm 1975 nhà nước chia đất cho những người đi sơ tán về, sau đó họ bán cho ông. Trước năm 1980 nước thải ở mương sạch hơn bây giờ (như ở nông thôn). Từ năm 1990 đến nay, khu vực này đã đô thị hoá.

Điều tra chiều 9/9/2009

Họ và tên: HBT10

Nữ, sinh năm 1944

Quê quán: xã Hồng Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố mẹ bà HBT10 làm ruộng. Gia đình bà có 7- 8 sào trồng lúa + trồng màu. Gia đình bà có ngôi nhà ngói 5 gian, diện tích (S) = 30 m², có vườn. Gia đình bà thuộc thành phần bản nông. Bố bà học hết lớp 3, mẹ bà học hết lớp 1 nên chỉ biết đánh vần.

Bà HBT10 có 3 chị em:

1. Nữ, sinh năm 1944 (HBT10 - người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1949. Học đại học Mỏ Địa chất. Sau đó đi Liên Xô học và làm việc 7 năm. Về làm việc ở Viện nghiên cứu kỹ thuật ở phố Hai Bà Trưng. Đã về hưu 1996. Hiện nay sống ở quê Hà Nam với vợ. Vợ làm ruộng.

3. Nữ, sinh năm 1955. Học hết lớp 9 sau đó xung phong đi bộ đội ở Thanh Hoá 3 năm. Sau đó chuyển ngành sang bán hàng bách hoá ở thị xã Thanh Hoá. Lấy chồng ở Thanh Hoá. Năm 2001 về hưu. Hiện nay sống cùng gia đình ở Thanh Hoá.

Bà HBT10 học hết lớp 7 ở trường làng năm 1965-1966, sau đó đi học lớp kế toán ở Phú Xuyên (Hà Tây) trong thời gian 1,5 năm. Năm 1966 vào Thanh Hoá làm ở Công ty ô tô. Năm 1968 vào Nghệ An làm kế toán công ty ô tô ở Quỳnh Lưu. Năm 1969-1970 chuyển về Kim Anh, Vĩnh Phúc làm kế toán công ty ô tô, Bộ Giao thông vận tải. Năm 1971-1990 gia đình bà chuyển về Tứ Kỳ (bây giờ là bến xe nước ngầm Hà Nội) làm kế toán công ty ô tô. Năm 1990 bà về nghỉ hưu. Năm 1969 bà lấy chồng. Chồng là người cùng cơ quan – làm kỹ thuật ô tô, quê ở Ý Yên, Nam Định. Tổ chức đám cưới ở quê. Quê chồng cách nhà bà 70 km, đón dâu đi bằng ô tô. Sau đó về sống ở khu tập thể công ty ô tô. Vợ chồng bà được phân $\frac{1}{2}$ phòng S=15 m² (có bếp, nhà vệ sinh tập thể). Vợ chồng bà ăn cơm tập thể, cảm thấy đời sống thoải mái.

Bà HBT10 có 3 con:

1. Nam, sinh năm 1973. Tốt nghiệp đại học Thương mại. Làm vi tính ở phòng khám răng hàm mặt liên doanh của Mỹ. Chưa lấy vợ. Đang sống cùng bố mẹ. Hàng tháng nộp tiền ăn cho mẹ 1 triệu/tháng.
2. Nữ, sinh năm 1976. Học trường cao đẳng Mẫu giáo. Dạy học ở trường mẫu giáo, quận Ba Đình. Đã lấy chồng có 2 con. Hiện nay sống ở quận Thanh Xuân. Chồng làm nghề sửa chữa xe máy ở nhà.
3. Nam, sinh năm 1977. Học trung cấp Xây dựng. Làm công nhân xây dựng đô thị ở phường Quỳnh Lôi. Đã lấy vợ sinh năm 1981, có 1 con. Sống cùng bố mẹ ở Quỳnh Lôi. Vợ làm kế toán công ty của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chồng bà HBT10 về hưu năm 1996 từ công ty lắp ráp ô tô ở Từ Liêm. Hàng ngày ông đi làm bằng xe đạp.

Năm 1971-1973 gia đình bà về Hà Nội sống ở khu tập thể cơ quan ở Tứ Kỳ, có 1 xe đạp. Chồng bà đi làm ô tô vé tháng, vợ đi xe đạp. Gia đình bà không phải đi sơ tán vì ở Tứ Kỳ không bị đánh phá ném bom. Năm 1973 gia đình bà mua đất ở phường Quỳnh Lôi của tư nhân. Bà tự tìm mua không có ai giới thiệu. Ở khu vực này rẻ và yên tĩnh. S đất = 78 m², có nhà cấp 5 lợp lá S = 30 m².

Hiện nay gia đình bà có 5 người ăn chung (vợ chồng con út nộp 2,5 triệu/tháng ăn 2 bữa). Lương hưu của bà 1,3 triệu, ông 800 nghìn đồng/tháng + 400 nghìn đồng làm thuê chăm sóc cây cảnh ở trường đại học Kinh tế Quốc dân. Đời sống hiện nay của gia đình bà là 5,5 triệu/tháng là bình thường. Nếu bà có tiền sẽ xây 1 nhà nữa cho con trai, hiện nay bà đã có đất rồi.

Thời gian khó khăn nhất là từ năm 1974-1975 vì lương thấp, đi làm xa, phải gửi con từ khi cháu được 7 tháng tuổi đến 3 tuổi về quê ông bà nội nuôi hộ. Bà về quê thăm con 1 lần/1 tháng. Bà đi bằng tàu thủy, bến phà Đen bến Hưng Yên. Ông bà nội làm ruộng. Năm 1977 đưa con cả của bà về Hà Nội sống cùng bố mẹ.

Năm 2009 gia đình bà làm nhà S = 40 m² x 4 tầng hết 300 triệu đồng. Tiền xây nhà do tiết kiệm + vay ngân hàng + tư nhân. Hiện nay bà đã trả hết nợ cho ngân hàng, còn vay tư nhân thì

chưa trả hết. Từ năm 2004 đến nay đời sống của gia đình bà là thoải mái nhất vì có nhà ở rộng rãi. Các con đã có công ăn việc làm. Sau năm 2006 kinh tế tốt nhất vì lý do các con đi làm có lương giúp đỡ bố mẹ. Bà HBT10 có mơ ước có nhiều tiền để cho cháu đi học ngành y trong nước cho thành đạt. Hiện nay gia đình bà HBT10 không có vấn đề gì về sức khoẻ.

Khu vực bà ở không có trộm cắp, chỉ có 1 hoặc 2 người nghiện hêroin nhưng nhà nước đã cho đi cai nghiện rồi không có ở nhà. Hiện nay ở khu vực này có vấn đề về môi trường vì có nhiều gia đình sử dụng bếp than tổ ong không tốt cho sức khoẻ.

Điều tra chiều 9/9/2009

Họ và tên: HBT11

Nam, sinh năm 1927

Quê quán: thôn Tây Lạc, xã Nam Đông, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bố mẹ ông HBT11 làm ruộng. Gia đình ông có 1 mẫu đất ruộng trồng lúa. Có 2 nhà: 1 nhà 5 gian và 1 nhà 8 gian. Gia đình ông HBT11 thuộc thành phần bần nông (lý do có đông con). Bố ông được học chữ nho thầy đồ trong làng, biết chữ quốc ngữ. Mẹ ông không được đi học.

Ông HBT11 có 10 anh em:

1. Nam, sinh năm 1921. Học hết lớp 4, lên Hà Nội buôn bán kem bánh rong (đi bộ) khắp Hà Nội. Mất năm 1945 ở Hà Nội vì đói. Đã có vợ, vợ mới sinh con trai gần 1 tuổi. Hiện nay con trai lái xe ở Thái Nguyên. Mẹ lấy chồng khác ở quê, đã mất năm 2005.

2. Nữ, sinh năm 1923. Không được đi học. Sau này theo học lớp bình dân học vụ thì được biết chữ. Bà làm ruộng. Lấy chồng cùng quê Nam Trực. Có 3 con trai làm ở Bưu điện Hà Nội. Đã mất.

3. Nam, sinh năm 1925. Học hết lớp 7. Làm thợ đóng giày ở Hải Phòng. Trước năm 1965 chuyển về Hà Nội làm thợ đóng giày tư nhân. Hiện nay còn sống.

4. Nam, sinh năm 1927 (HBT11 – người trả lời phỏng vấn)

5. Nam, sinh năm 1929. Không được đi học. Làm ruộng. Lấy chồng ở huyện Nghĩa Hưng, Nam Định. Đang sống ở quê. Có 10 con.

6. Nam, sinh năm 1931. Học hết lớp 3. Làm công nhân lâm nghiệp ở Bắc Kạn. Lấy vợ và sống ở Bắc Kạn, có 5 con sống ở Bắc Kạn.

7. Nam, sinh năm 1933. Học hết lớp 3. Học nghề thợ mộc. Làm ở Bắc Kạn. Có vợ và 3 con sống ở Bắc Kạn. Đã mất.

8. Nam, sinh năm 1935. Học hết lớp 3. Sau đó đi bộ đội ở chiến trường miền Nam. Đã hy sinh (liệt sĩ) ở miền Nam.

9. Nam, sinh năm 1937. Học hết lớp 7. Lái xe ở Thái Nguyên cho công ty đoàn, Bộ Giao thông. Sống với gia đình ở Thái Nguyên, có 4 con (2 trai, 2 gái). Đã về hưu.

10 Nữ (không nhớ tên và năm sinh). Đã chết từ nhỏ vì bệnh.

Ông HBT11 không được đi học. Năm 1945 ông đi ở thuê cho gia đình địa chủ ở quê.

Năm 1946 ông tham gia du kích ở xã sau đó chuyển sang đi bộ đội đóng quân ở Nho Quan, Ninh Bình. Năm 1948 chuyển về quê ở nhà (do Pháp đánh phá nhiều quá nên sợ) nhưng vì đói quá. Năm 1953 ông lên Hà Nội đánh giày và đập xích lô. Năm 1964 đi lên Thanh Sơn, Phú Thọ xây dựng vùng kinh tế mới. Năm ở Hà Nội đập xích lô cho công ty rượu bia. Hàng ngày chuyển rượu bia cho các cửa hàng ăn uống. Ông thuê nhà ở phố Mai Hắc Đế của tư nhân từ trước 1954 đến 1964.

Năm 1954 ông lấy vợ người cùng huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vợ bán hàng rau ở chợ Hâm Đức Viên. Năm 1956 sinh con đầu ở phố Mai Hắc Đế. Diện tích nhà ở rất rộng. Có 4 tầng nhưng nhiều gia đình ở. Ông sống ở tầng 1, có 4 phòng. 4 hộ gia đình nấu chung 1 bếp, sử dụng chung 1 nhà vệ sinh.

Năm 1964 ông HBT11 và vợ + 1 con đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Phú Thọ. Đời sống ở Phú Thọ đói và thiếu thốn lắm, ở nhà của người dân tộc. Họ làm cho 1 cái nhà sàn. Nhà nước cấp lương thực cho 1 năm sau đó phải tự làm để ăn, làm ruộng với HTX rồi được chia điểm tính công.

Năm 1966 gia đình ông về Hà Nội thuê nhà ở ngõ Quỳnh có 1 phòng, nhà cấp 4, có bếp riêng $S = 10 \text{ m}^2/4$ người.

Ông HBT11 có 2 con trai:

1. Nam, sinh 1956. Học hết lớp 5, đi bộ đội 5 năm ở đường 9 Nam Lào. Sau đó xuất ngũ về ở nhà bị sốt rét, mất trí nhớ. Đã lấy vợ và có 1 con trai học hết lớp 12. Bây giờ 24 tuổi làm nghề nấu ăn ở khách sạn, đang sống với mẹ ở Vĩnh Tuy. Hai vợ chồng đã ly dị.
2. Nam, sinh 1965. Học hết lớp 7. Làm bảo vệ cho cơ quan Giao thông công chính ở phố Hai Bà Trưng. Đã lấy vợ và có 2 con sống cùng ông bà ở Quỳnh Lôi. Vợ làm nghề nấu ăn cho trường mẫu giáo. Đã lấy vợ năm 1988.

Ông bà HBT11 không có lương hưu. Con trai thứ 2 lương 3 triệu/tháng, vợ 1,5 triệu/tháng. Gia đình ông ăn ở chung. Con dâu quản lý tài chính gia đình. Ông bà nộp cho con dâu hơn 1 triệu đồng/1 tháng. Năm 2005 ông bán 30 m² đất được hơn 300 triệu đồng, xây nhà hết 200 triệu, còn 100 triệu gửi tiết kiệm lấy lãi 2 ông bà ăn hàng tháng. Trước năm 2005 nhà ông là nhà cấp 4 có 2 gian x 30 m².

Năm 1968 nhà nước cho gia đình ông đi khai hoang về 60 m² đất. Năm 1993 vì có lệnh cấm xích lô vào nội thành thì ông nghỉ. Sau đó ông về giúp bà đưa đón bà đi chợ bán rau ở chợ Hâm. Năm 1999 bà nghỉ bán hàng ở chợ Hâm vì Ban quản lý chợ yêu cầu nộp tiền xây kiốt nhưng bà không có tiền nộp nên nghỉ bán hàng.

Ông HBT11 hiện nay làm nghề múa sư tử, thổi kèn đám tang ở Hà Nội. Mỗi lần đi biểu diễn khoảng 5 phút nhận được 100 nghìn đồng.

Ở khu vực Quỳnh Lôi có 1 nhóm khoảng 10 người làm nghề múa sư tử. Có 2 hoặc 4 người ở đội nhạc. Trung bình đi biểu diễn sư tử khoảng 7 lần/1 tháng.

Bà hiện nay 81 tuổi, ở nhà nấu cơm.

Năm 1968 là thời kỳ khó khăn nhất của gia đình ông từ Phú Thọ về Hà Nội: không có nhà ở, không có việc. Vì vợ chồng ông không có việc làm ở Hà Nội nên nhà nước vận động đi khai

hoang ở miền núi. Khi ở miền núi thì có trường học, nhưng họ chỉ dạy tiếng Mường nên con ông không đi học. Từ năm 1999 đến nay đời sống ông thoải mái vì ông biết nghề múa sư tử vừa tốt cho đời sống tinh thần và sức khoẻ vừa có thu nhập. Hiện nay gia đình ông có 1 khó khăn là con trai cả đi bộ đội 5 năm về nhà bị bệnh nhưng tổ chức chính quyền không quan tâm đến cuộc sống. Nếu ông có tiền thì ông sẽ mua thêm 1 căn nhà nữa ở trung tâm Hà Nội để ở và kinh doanh buôn bán. Nhà này để cho thuê. Gia đình ông có 2 xe máy (của gia đình con trai thứ 2 mua từ năm 2002). Gia đình ông trước đây có 1 mẫu đất. Sau năm 1954 cải cách ruộng đất 1 người được chia 1 sào để sản xuất nhưng không đủ ăn. Ông không muốn tham gia vào HTX nên đi thoát ly.

Điều tra sáng 10/9/2009

Họ và tên: HBT12

Nữ, sinh năm 1936

Quê quán: xã Phú Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố bà HBT12 học đại học, tham gia cách mạng Việt Minh. Mẹ bà làm liên lạc trong phong trào cách mạng và buôn bán thuốc Lào. Gia đình bà ở quê không có ruộng đất, có nhà gỗ 3 gian S = 1 sào.

Bà HBT12 có 3 anh em:

1. Nam, sinh năm 1934. Học hết lớp 10. Sau đó làm Thủy lợi ở xã Dương Xá, Gia Lâm. Đã về hưu sống ở Gia Lâm.
2. Nữ, sinh năm 1936 (HBT12 – người trả lời phỏng vấn)
3. Nữ, sinh năm 1938. Học hết lớp 7. Làm nhân viên pha chế thuốc đông y. Đã về hưu sống cùng gia đình chồng ở Bắc Ninh.

Bà HBT12 lúc 7 tuổi được đi học cấp 1 trường làng. Sau đó ở nhà buôn bán. Khi 18 tuổi bà làm công nhân ở nhà máy cơ khí ở phố Đại Cồ Việt. Hàng ngày bà đi làm từ Gia Lâm đến nhà máy bằng xe buýt. Năm 1943 bố của bà bị mất. Năm 1958 mua nhà ở Hai Bà Trưng S = 30 m². Năm 1975 bán nhà rồi mua nhà ở phường Quỳnh Lôi S=73 m².

Năm 1958 bà lấy chồng người xã Lôi, Gia Lâm. Ông sinh năm 1932. Ông học hết lớp 10. Trước năm 1957 ông đã đi làm gần 10 năm với anh rể về ngành cơ khí nên ông đã tiết kiệm được tiền đến năm 1958 mua được nhà đất để cưới vợ. Hai vợ chồng đi làm đến nhà máy khoảng 2 km đi bộ.

Bà HBT12 có 3 người con:

1. Nam, sinh năm 1960. Học hết cấp 3. Sau đó mở cửa hàng kinh doanh quan tài ở phố Giáp Nhị. Cả gia đình sống ở quận Hoàng Mai. Bố mẹ mua cho đất đã có nhà cấp 4. Đến năm 2003 con trai tự xây nhà 30 m² x 3 tầng. Đã lấy vợ làm nội trợ và có 2 con trai (con trai thứ nhất 22 tuổi đang học đại học, con trai thứ hai 20 tuổi chưa đi làm).
2. Nữ, sinh năm 1964. Học hết cấp 3. Mở cửa hàng làm đầu cắt tóc ở quận Hai Bà Trưng. Lấy chồng có 1 con trai. Đã li hôn khoảng 10 năm. Bố mẹ cho 1 ít tiền rồi mua nhà S = 30 m². Đã

có cháu nội. Con trai học hết lớp 12 sau đó bán hàng kính mắt ở phố Đội cấn

3. Nam, sinh năm 1966. Học hết cấp 3 (lớp 10/12). Làm nghề thầu công trình xây dựng. Đã lấy vợ sinh năm 1969, quê Phú Thọ, tốt nghiệp đại học Hành chính Quốc gia và đại học Nông nghiệp. Hiện nay làm cán bộ địa chính ở phường, đã có 2 con (con gái học lớp 12, con trai học lớp 2).

Gia đình sống cùng bố mẹ S=32 m² x 4 tầng (6 người). Xây nhà năm 2001.

Ông về mất sức năm 1979 (46 tuổi), bà về hưu năm 1982 từ nhà máy Trần Hưng Đạo. Lương hưu của ông 1 triệu/tháng, bà về 1 cục nên không có lương hưu. Sau khi về mất sức chỉ hoạt động công tác ở phường làm bí thư chi bộ từ năm 1980 đến năm 1986 nghỉ không có lương. Bà làm Hội trưởng Hội phụ nữ của cụm, phụ cấp 110.000đ/tháng. Bà hàng ngày đi chợ nấu cơm. Vợ chồng con trai đưa tiền ăn cho bà 3 triệu/tháng. Tiền của ông bà chỉ để ăn quà.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, nhà máy Trần Hưng Đạo không đi sơ tán, vẫn làm việc bình thường. Năm 1972 nhìn thấy Mỹ bỏ bom xuống trường đại học Bách Khoa ở Bạch Mai có nhiều nhà bị phá huỷ, có nhiều người bị thương. Từ năm 1979-1982 là khó khăn nhất vì con nhỏ, thời kỳ bao cấp thiếu thốn. Từ năm 1998-1999 đến nay là thoải mái nhất vì con làm việc có thu nhập cao. Con trai thầu xây dựng nhà dân dụng, lương 20-30 triệu/tháng. Vợ lương hơn 2 triệu/tháng. Năm 1986-1989 anh vay vốn bán hàng xe máy ở Gia Lâm. Từ năm 1999 chuyển sang làm nghề thầu xây dựng. Năm 2006 mua xe ô tô, loại xe của Hàn Quốc giá 29.000 USD. Hiện nay gia đình ông bà không có vấn đề gì. Vấn đề môi trường hiện nay ở đây đang được nhà nước có kế hoạch lấp mương do vốn ODA.

Điều tra sáng 11/9/2009

Họ và tên: HBT13

Nam, sinh năm 1918

Quê quán: huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố mẹ HBT13 làm ruộng. Gia đình ông có ruộng công điền là 8 sào, 1 người/ 2 sào. Nhà nước cấp đất cho xã viên, không có ruộng tư điền. Bố HBT13 nhà nghèo không được đi học, nhưng biết chữ. Mẹ HBT13 không biết chữ. Gia đình ông không có nhà. Đi buôn bán đến đâu ở đó. Gia đình ông thuộc thành phần cổ nông.

Ông HBT13 có 5 anh chị em:

1. Nữ, sinh năm 1911. Học hết lớp 3. Sau đó lên Hà Nội buôn bán. Sống ở phố Thuốc Bắc. Đã mất 1952.
2. Nam, sinh năm 1916. Học hết lớp 4. Làm nghề sửa chữa khoá ở phố Thuốc Bắc. Đã chết trong kháng chiến năm 1954.
3. Nam, sinh năm 1918 (HBT13 – người trả lời phỏng vấn)
4. Nam, sinh năm 1925. Học hết lớp 3. Làm nghề sửa chữa khoá ở phố Thuốc Bắc. Sau đó đi bộ đội, trung đoàn Thủ đô. Đã mất năm 1957 do Pháp bắn chết ở Đại Phúc, Vĩnh Phúc (bây giờ là Sóc Sơn).

5. Nam, sinh năm 1957

Mẹ ông HBT13 mất năm 1957. Ông đi học lớp ở nhà tư dạy. Làm nghề sửa chữa khoá ở phố Thuốc Bắc. Sau đó đi bộ đội chuyển ngành làm đường sắt, Bộ Giao thông vận tải. Đã về hưu. Sống với gia đình ở Yên Bái (quê vợ).

Lúc 7 tuổi ông HBT13 được đi học lớp 1, trường Đỗ Hữu Vị ở phố Cửa Bắc. Năm 1957 học hết cấp 2 sau đó học Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở phố Yết Kiêu 2 năm. Bố mẹ buôn bán nhỏ ở Hà Nội, thuê nhà, sống ở phố Thuốc Bắc, S = 20 m², nhà 1 tầng cấp 4, có 10 người ở, không có bếp, tự làm nhà vệ sinh trong nhà, không có nhà vệ sinh tập thể, có điện nhưng không có nước máy, hàng ngày phải đi gánh nước về ăn. Năm 1957 ông vừa đi học Mỹ thuật ban ngày, vừa đi sửa chữa khoá ban đêm. Học vẽ tượng, vẽ tranh do giáo viên người Pháp dạy. Sau đó ông tiếp tục làm nghề chữa khoá kiếm tiền. Bố mẹ bán hàng tạp hoá.

Anh em ông làm nghề chữa khoá do người Trung Quốc dạy.

Năm 1946 kháng chiến bắt đầu ông gia nhập bộ đội, không làm nghề này nữa. Năm 1945-1948 ông về Lý Nhân, Hà Nam công tác ở địa phương, làm uỷ viên Uỷ ban kháng chiến ở Lý Nhân, Hà Nam. Năm 1949-1952 ông về xã phụ trách dân quân du kích (uỷ viên quân sự xã). Ông đã đi tìm gia đình ở khắp nơi nhưng không gặp được. Sau năm 1954 ông mẹ HBT13 mất năm 1957 làm nghề sửa chữa khoá và lái xích lô ở Hà Nội. Ông sống ở bên nhà ga, gặp đâu ở đấy. Năm 1964 ông đi xây dựng vùng kinh tế ở Phú Thọ đến 1969 về Hà Nội. Năm 1964 gia đình được phân đất cho ông.

Năm 1942 ông lấy vợ, người cùng làng. Sống ở phố Thuốc Bắc. Cuối 1942 đẻ con, thuê nhà ở số 7 Bát Đàn đến 1946. Năm 1946 ông đi bộ đội, gia đình ông đi đâu không biết.

Vợ thứ nhất của HBT13 có 2 con:

1. Nữ, sinh năm 1942
2. Nữ, sinh năm 1946. Học hết lớp 8. Công tác ở Ngân hàng Trung ương. Chồng làm cán bộ trường Đại học Y. Sống ở khu tập thể Trung Tự.

Ông đạp xích lô làm nghề đan cát, không được đi học và chữa chữa khoá, sống ở phố Huế của nhà nước, nhà cấp 4 S = 20 m².

Ông lấy vợ thứ 2 năm 1960. Là người Xâm Dương, Ninh Sở, Thường Tín.

Vợ thứ 2 của HBT13 có 3 con:

1. Nam, sinh năm 1961. Học hết lớp 10, làm ở xí nghiệp đồ dùng học tập, Bộ Giáo dục. sau đó năm 1989 đi Bungari đến năm 1991 về làm nghề xây dựng tự do. Từ năm 2003 công tác ở phường. Hiện nay sống cùng bố mẹ ở Quỳnh Lôi. Nay đã có vợ năm 1985 và có 2 con: 1 con gái sinh năm 1986 tốt nghiệp lớp 12. Sau đó làm lễ tân ở khách sạn tư nhân, Gia Lâm, Hà Nội.
2. Nam, sinh năm 1964. Đang học lớp 10, trường Hai Bà Trưng. Vợ làm nghề nội trợ. Chồng là Bí thư chi bộ cụm dân cư có phụ cấp 205.000 đ/tháng.
3. Nam, sinh 1967. Học hết cấp 2, bán cửa hàng hoa quận Tây Hồ. Sống ở Phú Thượng (quê vợ). Đã có vợ và 2 con

Ông HBT13 đi khai hoang vì lý do là năm 1996 nhân dân đi sơ tán nên không có ai thuê việc nên nhà nước vận động gia đình ông đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới. Chính

phủ cấp lương thực cho 1 năm, sau đó người dân tự khai hoang trồng chè, lúa. Ông kéo xe bò chở vôi thuê bỏ ra ruộng. Đời sống ở Phú Thọ bình thường. Người Phú Thọ không muốn cho người ở vùng khác lên khai hoang sống ở đây thì họ sẽ mất đất cho nên họ tìm cách đuổi người khai hoang về.

Gia đình ông đã về Hà Nội năm 1969. Nhà nước cấp cho gia đình ông 70 m² đất. Tự gia đình ông phải làm nhà lá để ở S nhà = 40 m², có bếp, nhà vệ sinh, có 30 m² là sân. Năm 1989 gia đình ông chia đất cho 2 anh em mỗi người 35 m². Năm 2005 ông xây nhà = 35 m² x 3 tầng. Nhà ông đã có sổ đỏ, xây nhà hết hơn 150 triệu, vay được từ bạn bè anh em, ngân hàng. Hiện nay ông còn nợ 70 triệu đồng, nhưng phải trả lãi thấp.

Năm 1969 ông về Hà Nội tiếp tục làm nghề chữa khoá. Năm 1972 bị ném bom sập hầm vợ và con út chết ngày 28/12/1972. Ông tiếp tục làm nghề sửa chữa khoá ở chợ Mơ. Cả gia đình ông đều có tem phiếu loại N: 1 người 2 lạng thịt/tháng. Viên chức 5 lạng/tháng.

Ông HBT13 không có lương hưu. Từ năm 2009 nhà nước có chính sách các cụ tuổi từ 85 trở lên thì được chế độ bảo hiểm y tế + 150.000 đ/tháng.

Con trai cả của ông làm xây dựng + phụ cấp 2,2 triệu/tháng.

Năm 1985 ông nghỉ làm nghề chữa khoá. Gia đình ông khó khăn nhất từ năm 1983-1987. Gia đình ông thoải mái nhất từ năm 2005 đến nay vì đã làm được nhà. Bây giờ ông HBT13 cảm thấy thoải mái nhất. Thời kỳ ông thấy thoải mái thứ 2 là từ năm 1936-1938 ông đi học Mỹ thuật.

Thời kỳ ông mới về đây sống năm 1969, khu vực này là ruộng rau muống, có ao, mương rất nhỏ hẹp. Năm 1972 ở khu vực này bị bỏ bom nên bị phá huỷ hết, không còn nhà nữa. Năm 1991-1992 khu vực này bắt đầu đô thị hoá.

Thời kỳ ném bom vợ ông sinh con nhỏ nên không đi sơ tán, xuống dưới hầm ở, bố và 2 con trai đi chữa khoá ở chợ Mơ. 2 mẹ con ở nhà bị ném bom sập hầm chết. Ở khu vực này chỉ có 2 vợ con ông bị mất. Khu vực này là khu vực làm nghề tự do nên nhà nước không tổ chức đi sơ tán, chỉ đi sơ tán tự túc.

Nếu gia đình có khoản tiền lớn thì đầu tiên là trả nợ sau đó lo cho tương lai con cái học hành. Ông mong muốn con cháu có công ăn việc làm và đủ sống.

Điều tra chiều 11/9/2009

Họ và tên: HBT14

Nam, sinh năm 1928

Quê quán: xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Gia đình ông là gia đình phong kiến. Bố làm quan Bá tước, cụ làm Đế Vương Hoàng Cao Khải, thời kỳ vua Khải Định. Mẹ làm nội trợ (con gái nhà nho). Nhà nho này trước dạy cho Bác Hồ. Bố được học hết tiểu học. Sau đó học Pháp văn tại nhà có người Pháp dạy.

Gia đình ông HBT14 có cả người Thái Ấp có 400 mẫu ở Nam Định. Có nhà lầu, S nhà vài mẫu.

Lúc 6 tuổi ông HBT14 được đi học tiểu học ở Hà Nội.

Nhà ông HBT14 có 6 anh chị em đi học ở Hà Nội. Từ năm 1936-1939 học tiểu học Phan Chu Trinh trường Duvillev. Năm 1940-1945 học cấp 2 ở Quốc học Vinh, Nghệ An. Năm 1945 ông về quê Hà Tĩnh, học tiếp 1 năm Diplom (trung học cơ sở). Năm 1946 học trường chuyên khoa trường huỳnh Thúc Kháng ở Đức Thọ, Hà Tĩnh. Năm 1950 ông vào bộ đội học ở trường sĩ quan Lục Quân Trần Quốc Tuấn ở Thọ Xuân, Thanh Hoá. Năm 1952 tốt nghiệp vào Liên khu 5 và Tây Nguyên để tham gia chiến đấu. Lúc đó là ở Bộ binh chống Pháp. Năm 1954 tập kết ra Bắc ở Thanh Hoá. Ông quản lý hồi binh của ta được Pháp trao trả. Năm 1956 ông vào trường pháo binh phòng không khoá 1 ở Sơn Tây. Năm 1959 ông tốt nghiệp rồi lên Tây Bắc (Sơn La) tham gia chiến đấu. Năm 1966 sang Lào thuộc quân tình nguyện đến 1976 về nước. Năm 1976 về học lớp bộ đội, học xây dựng kinh tế sau đó đưa bộ đội đi xây dựng kinh tế ở An Giang năm 1979. Khi đó quân Khơ Me đổ tràn sang, ông lại cầm súng chiến đấu với quân Khơ Me đổ ở Cam Pu chia. Năm 1980 ông về Hà Nội làm việc ở Cục Nông Lâm thuộc tổng cục Hậu cần Hà Nội. Năm 1981 công tác ở cục kế hoạch kinh tế thuộc văn phòng Bộ Quốc phòng ở trong Thành Hà Nội. Năm 1984 ông về hưu cấp bậc Trung tá.

Ông HBT14 lấy vợ năm 1973. Vợ ông là người Hà Nội. Bà làm kỹ thuật ở tổng công ty Sợi Hà Nội, do em gái của ông học cùng giới thiệu. Ông cưới vợ xong lại tiếp tục sang Lào làm việc. Bà sống ở khu tập thể Tổng công ty ở Quỳnh Mai.

Ông HBT14 có 1 con gái:

1. Nữ, sinh năm 1983. Tốt nghiệp đại học Bách khoa, làm việc ở Viện Nghiên cứu Công nghệ Sinh học. Lương 1,4 triệu/tháng. Cuối năm 2007 lấy chồng, chồng sinh năm 1977, người cùng cơ quan, quê Bắc Ninh, lương 2 triệu/tháng.

Năm 1976 ông bà HBT14 mua nhà ở Quỳnh Lôi do bạn bè giới thiệu. S = 107 m² giá hơn 5 triệu đ/m². Có 3 gian nhà cấp 4 S = 20 m². Hàng ngày ông đi làm bằng xe đạp. Năm 1980 ông bà có điều kiện được sống cùng nhau. Năm 1976 bà mua nhà về đây nhưng 1972 bị đánh bom nên đến 1976 họ bắt đầu xây dựng lại, còn nhiều nhà khác chưa xây dựng.

Ông HBT14 có 10 anh chị em (5 trai + 5 gái):

1. Nữ, sinh năm 1920

Học hết trung học cơ sở Diplom. Là giáo viên trung học cơ sở ở Vinh. sau cách mạng tháng tám năm 1945. Đã mất 1986.

2. Nữ, sinh năm 1921. Học hết tiểu học rồi ở nhà làm nội trợ. Bây giờ cả gia đình sống ở Úc. Chồng là giáo viên trung học cơ sở. Hiện nay cả gia đình sang Úc với con trai và 3 con gái. Con trai làm việc ở Úc.

3. Nữ, sinh năm 1922. Học hết tiểu học Diplom. Dạy học trung học cơ sở. Hiện nay sống ở thành phố Vinh. Chồng dạy trường trung học phổ thông. Có 3 con (2 con là tiến sĩ dạy ở Đại học Sư phạm Vinh, 1 con là giáo viên dạy cấp 3).

4. Nam, sinh năm 1923. Chuyên viên Văn học, biên soạn sách giáo khoa cho học sinh phổ thông ở Viện Giáo dục. Học trong thời gian kháng chiến. Sống ở khu tập thể Vĩnh Hồ. Không có con, vợ chết, sống 1 mình

5. Nam, sinh năm 1924. Tốt nghiệp đại học Xây dựng. Làm thiết kế Bộ điện than. Sống ở khu tập thể, Đống Đa, Hà Nội.
6. Nam, sinh năm 1928 (HBT7 – người trả lời phỏng vấn)
7. Nữ, sinh năm 1930. Học Trung cấp Dệt thành phố Nam Định. Làm cán bộ Kỹ thuật nhà máy Dệt 8/3. Đã mất năm 1979 vì bệnh ung thư. Chưa lấy chồng. Sống ở Khu tập thể nhà máy Dệt Nam Định.
8. Nữ, sinh năm 1932. Học Trung cấp Sư phạm Vinh. Là Giáo viên trường Trung học cơ sở ở TP. Vinh. Bây giờ đã nghỉ hưu. Hiện nay bà bị bệnh không đi lại được từ năm 2003. Bà không lấy chồng, sống 1 mình, không có người giúp việc.
9. Nam, sinh năm 1933. Học cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, phố Yết Kiêu. Là họa sĩ Hội Mỹ thuật. Hiện nay sống ở Ba Đình, Hà Nội.
10. Nam, sinh năm 1938. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Vinh. Giáo viên Văn cấp 3 Xuân Trường, Nam Định. Ông đã về hưu sống ở Hà Nội với con trai (kỹ sư Bách Khoa) làm việc ở Tổng công ty Sợi, Hà Nội.

Từ 1984 về hưu, ông liên tục công tác ở phường và cụm dân cư từ. Từ năm 2008 ông được phụ cấp 200.000 đ/tháng.

Khu vực này có vấn đề môi trường ô nhiễm vì có mương trước nhà rất bẩn. Vấn đề an ninh cách đây 5 năm có vấn đề về ma túy, trộm cắp. Ở cụm dân cư này có 100 tiền án tiền sự/1100 dân.

Gia đình khó khăn nhất là từ năm 1983 sinh con, kinh tế khó khăn, gia đình không có tiền, bạn bè giúp đỡ để nuôi con. Gia đình khó khăn là hiện nay bà bị vấn đề về xương khớp đi lại không được. Kinh tế hiện nay khó khăn nhất.

Năm ngoài gia đình ông phải vay tiền của họ hàng 100 triệu để sửa nhà, làm thêm phòng cho con gái cuối năm lấy chồng. Bây giờ nếu có tiền thì để trả nợ, sửa nhà, tiết kiệm để lấy tiền dưỡng già. Năm 1993 xây nhà 1 tầng x 18 m² (hết 3,6 cây vàng). Hiện nay phía sau nhà ông HBT14 có 1 cái vườn nhỏ.

Điều tra sáng 12/9/2009

Họ và tên: HBT15

Nam, sinh năm 1947

Quê quán: xã Minh Tiến, thôn Phạm Xá, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố mẹ ông HBT15 làm ruộng. Gia đình ông có hơn 1 mẫu ruộng. Sau cải cách ruộng đất, gia đình ông thuộc thành phần bản nông. Gia đình ông có 3 gian nhà tranh S = 30 m².

Ông HBT15 có 5 anh chị em : (2 gái, 3 trai)

1. Nữ, sinh năm 1934. Học hết cấp 1, lớp 4. Làm ruộng. Lấy chồng ở quê Hưng Yên. Các con sống ở quê làm ruộng.
2. Nam, sinh năm 1936. Học hết cấp 2 (lớp 7), sau đó đi bộ đội tham gia kháng chiến chống Pháp, cấp bậc Trung tá. Công tác ở vụ quân sự, Bộ Giao thông vận tải. Về hưu sống ở quận

Đông Đa, Hà Nội. Ông có 3 con trai, 2 con ở Nga, 1 con làm việc ở công ty Dầu khí Vũng Tàu.

3. Nam, sinh năm 1940. Học hết cấp 1. Sau đó đi bộ đội chống Mỹ, phục viên về làm ruộng. Đã mất năm 1998 ở quê. Có 5 con làm ruộng ở quê.

4. Nam, sinh năm 1947 (HBT15 – người trả lời phỏng vấn)

5. Nữ, sinh năm 1954. Học hết cấp 2, làm ruộng ở quê. Có 3 con, 1 con trồng cà phê ở Đắk Lắk, 2 con sống ở quê làm ruộng.

Ông HBT15 bắt đầu đi học 7 tuổi (1954) học trường làng. Ông học cấp 2 ở xã khác, hàng ngày đi bộ đến trường (khoảng 4 km). Cấp 3 học ở huyện (8km) đi bộ hàng ngày. Lớp cuối cấp lớp 10 ở trọ lại nhà dân. Học xong cấp 3 thì vào đại học Nông nghiệp ở Cao Bằng. Ông học được 3 tháng xung phong đi bộ đội tháng 3/1966 chống Mỹ, đơn vị Pháo phòng không ở đơn vị trung đoàn ở Hải Phòng. Tháng 10/1967 ông về Học Viện kỹ thuật quân sự ở Vĩnh Yên. Bây giờ ở Nghĩa Đô, Hà Nội. Năm 1971 ông ra trường đi chiến trường miền Nam, đóng quân ở Quảng Trị. Lúc đó ông là kỹ sư cầu đường của trường Đại học Kỹ thuật quân sự chuyên môn đi mở đường phục vụ chiến đấu. Ông HBT15 tham gia vào chiến dịch Hồ Chí Minh vào Sài Gòn giải phóng miền Nam từ tháng 3-30/4/1975. Năm 1978 ông tham gia chiến dịch Tây Nam đánh Pôn Pốt ở Tây Ninh. Tháng 2/1979 ra biên giới phía bắc Cao Bằng, Lạng Sơn tham gia chống Tàu. Năm 1986 chuyển về cơ quan Bộ tham mưu binh đoàn 12 đoàn ở Ba La Bông Đỏ, Hà Đông. Tiếp tục xây dựng đường giao thông. Năm 1990 về hưu, lý do vợ đi làm NCS ở Đức, có 3 con nhỏ, 1 mẹ già. Ông phải về hưu sớm để chăm sóc gia đình.

Ông HBT15 lấy vợ năm 1973. Vợ ông là người cùng quê. Bạn học cùng cấp 1,2,3. Tốt nghiệp đại học Y năm 1972. Năm 1986-1972 vợ ông HBT15 đi làm NCS Y khoa ở Đức do chính phủ yêu cầu. Vợ ông làm bác sĩ ở bệnh viện Việt - Đức, chủ nhiệm khoa Vi sinh. Đã về hưu năm 2003.

Ông HBT15 có 3 người con:

1. Nam, sinh năm 1976. Tốt nghiệp đại học Bách khoa và đại học Kinh tế. Hiện nay làm ở bệnh viện Việt - Đức. Đã lấy vợ và 2 con sống cùng bố mẹ ở Quỳnh Lôi. Vợ làm việc ở ngân hàng, vợ sinh năm 1980.

2. Nữ, sinh năm 1979. Tốt nghiệp đại học Sư phạm, khoa Sinh học. Dạy trường cấp 3, quận Hoàng Mai. Đã lấy chồng có 1 con 4 tuổi. Sống ở phường Quỳnh Lôi, gần nhà bố mẹ đẻ. Chồng làm công ty Du lịch tư nhân ở Hà Nội.

3. Nữ, sinh năm 1983. Học trường trung cấp Y tế Hà Nội. Hiện nay là y tá bệnh viện Hữu Nghị Việt - Xô. Đã lấy chồng và có 1 con 7 tháng tuổi. Chồng sinh 1980, làm ở nhà máy nước sạch Hà Nội. Gia đình sống ở quê của chồng ở Gia Lâm.

Năm 1973 ông về phép lấy vợ, được nghỉ phép 25 ngày. Sống ở khu tập thể bệnh viện Việt - Đức, phố Hàng Bông S = 4 m². Năm 1975 về tập thể bệnh viện Việt - Đức ở Đại Cồ Việt, nhà cấp 4, S = 10 m². Từ nhà đến cơ quan khoảng 4 km, ông đi làm bằng xe đạp. Ông tự nấu ăn. Năm 1982 chuyển về khu tập thể H1 Kim Giang thuộc đơn vị quân đội cơ quan của chồng S = 36 m²/4 người ở. Khi đó ông cấp bậc Đại úy. Gia đình ông ở tầng 3 có 2 phòng ngủ

S = 24 m², phòng bếp và phòng vệ sinh S=12 m². Đời sống gia đình ông HBT15 không khó khăn vì vợ đi nghiên cứu sinh ở Đức. Thành thạo gửi hàng hoá, quần áo, xà phòng. Sau đó ông bán ở Hà Nội lấy tiền để chi tiêu. Học bổng của vợ khi đó được 700 Maruk/tháng.

Sau khi về hưu năm 1990 ông HBT15 tham gia công tác ở địa phương, bí thư chi bộ. Từ năm 2005 đến nay ông nhận được phụ cấp 200.000đ/tháng. Năm 1993 ông HBT15 về Quỳnh Lôi mua đất S = 85 m² từ tư nhân. Giá = 10 cây vàng. Sau đó ông xây nhà S = 65 m² x 4 tầng hết 200 triệu. Lương hưu của ông là 4 triệu/tháng cấp bậc Trung tá + 1 triệu/tháng là lương của chủ tịch Hội Cựu chiến binh. Công việc hàng ngày là bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền bằng công tác tuyên truyền chính trị.

Thời kỳ khó khăn nhất là vợ ông đi Đức từ năm 1985-1992 con nhỏ, mẹ già, vợ đi vắng, nhà chật hẹp. Cả nhà ăn theo chế độ bao cấp của nhà nước 1,2 kg thịt/tháng, con 0,3 kg/tháng. Đời sống của gia đình sĩ quan quân đội cao hơn nhân dân. Thời kỳ gia đình ông HBT15 thoải mái nhất từ năm 2000 đến nay do cơ chế nhà nước thông thoáng, gia đình ông có nhà ở. Ông bà ăn riêng, gia đình con trai ăn riêng. Kinh tế độc lập, ông bà giúp đỡ con cái khoảng 1 triệu/tháng. Nếu có tiền nhiều thì mua xe ô tô. Ông HBT15 có hy vọng cho các cháu học cao, ít nhất là thạc sĩ.

Khu vực này cuối năm có kế hoạch lấp mương do vốn ODA nên con đường này sẽ rộng khoảng 8 m, ô tô có thể đi vào nhà được. Vấn đề lớn nhất ở khu vực này là môi trường ô nhiễm, nhiều gia đình thải phân trực tiếp ra mương. Vấn đề lớn thứ 2 là giao thông: có nhiều người không đội mũ bảo hiểm, đường chật hẹp. Hệ thống dây điện trên đường rất nguy hiểm. Trước năm 1990 tỷ lệ khoảng 10 % dân số bị mắc các bệnh tệ nạn xã hội. Hiện nay chỉ còn khoảng 2 % tệ nạn này nữa.

Điều tra chiều 12/9/2009

Họ và tên: HBT16

Nữ, sinh năm 1933

Quê quán: Làng Tương Mai, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì, quận Hai Bà Trưng.

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố bà HBT16 lái tàu hỏa tuyến Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. Mẹ bà HBT16 bán hàng nhỏ, gánh rong. Gia đình bà có 5 sào đất ruộng. Sau cải cách ruộng đất gia đình bà trả lại ruộng đất cho Nhà nước để xây dựng nhà máy, thuê người sống ở khu vực đó làm công nhân.

Bà HBT16 có 3 chị em gái :

1. Nữ, sinh năm 1933 (HBT16 – người trả lời phỏng vấn)
2. Nữ, sinh năm 1947. Học hết cấp 3 (lớp 10) làm công nhân ở nhà máy hoa quả Tương Mai. Bà HBT16 lấy chồng làng. Bây giờ về hưu sống ở Gia Lâm. Chồng là thợ cơ khí của nhà nước. Có 3 con (2 trai + 1 gái). Tất cả các con làm việc ở Hà Nội.
3. Nữ, sinh năm 1950. Học hết cấp 3 (lớp 10) công nhân nhà máy hoa quả Tương Mai. Lấy chồng là người cùng làng. Chồng đã tốt nghiệp đại học, làm việc ở Bộ Ngoại thương. Đã mất 2006.

Bà HBT16 có 2 trai, 1 gái. Cả 3 con hiện nay sống cùng mẹ ở phố Trương Mai, 1 người làm công nhân điện nước, 1 con gái làm nghề tự do, 1 con làm phiên dịch, tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ. Bố bà HBT16 mất năm 1950 ở bệnh viện vì bị bệnh dịch tả. Bà không được đi học vì gia đình nghèo. Bây giờ bà không biết đọc viết.

Bà lấy chồng năm 1958. Chồng bà quê thôn Đại Từ, xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Chồng bà HBT16 làm mũ bộ đội cho HTX Rạng Đông ở ngõ Tô Hoàng, Đình Đông, Bạch Mai, Hai Bà Trưng. Chồng bà đã mất năm 1991 vì ốm.

Trước năm 1958 bà bán xôi cùng mẹ. Sau năm 1958 bà lấy chồng ở quận Hai Bà Trưng. Năm 2002 bà về hưu. Năm 1959 sau khi bà lấy chồng sống ở Đại Từ 1 năm cùng gia đình chồng sau đó mua nhà ở phố Bạch Mai nhà cấp 4, S = 20 m², có bếp và nhà vệ sinh tập thể. Đến năm 1969 gia đình bà đi khai hoang ở Lương Sơn, Hoà Bình. Đến năm 1972 về Hà Nội. Năm 1973 nhà nước cấp 70 m² đất. Sau đó chia cho 3 con. Hiện nay bà còn 20 m². Lý do gia đình bà đi khai hoang là nhà nghèo, không có việc làm, nhà nước vận động đi khai hoang.

Từ năm 1969-1972 đời sống ở Hoà Bình rất vất vả vì mất mùa, khó khăn nên gia đình bà tự chuyển về Hà Nội (không phải do nhà nước yêu cầu về). Khi về Hà Nội gia đình bà không có nhà, gia đình bà sống ở trên hè đường phố Bạch Mai bằng lán che (lều). Nấu cơm trên đường, đi vệ sinh công cộng. Năm 1973 gia đình bà được cấp 70m² đất ruộng. Gia đình tự làm nhà mái lá 3 gian S=40 m², có nhà bếp, đi vệ sinh công cộng. Năm 2005 gia đình bà chia đất cho 3 con. Mỗi con được chia hơn 20 m². Năm 2006 gia đình bà xây nhà 5 tầng x 20 m².

Sau khi khai hoang về năm 1972 bà tiếp tục làm công nhân Môi trường đô thị. Bà về hưu năm 2000. Lương hưu 1,3 triệu/tháng. Sau khi nghỉ hưu bà bán xôi ở cổng trường Ngô Quyền, Hai Bà Trưng. Đến năm 2005 bà làm nhà nên không còn chỗ nấu xôi nên nghỉ bán. Thời kỳ khó khăn nhất của gia đình bà là năm 1972 sau khi đi khai hoang về: đói, không có nhà ở.

Bà HBT16 có 3 con trai:

1. Nam, sinh năm 1966. Tốt nghiệp đại học Hành chính. Công tác tại phòng quân sự, phường. Đã có vợ và 2 con. Vợ làm ở công ty vệ sinh. Gia đình con cả ăn riêng.
2. Nam, sinh năm 1969. Học hết cấp 3 (lớp 10) làm nghề lái xe thuê. Đã có vợ và 2 con. Vợ làm nghề cắt tóc, thuê cửa hàng. Sống cùng mẹ ở Quỳnh Lôi.
3. Nam, sinh năm 1970. Học hết lớp 9. Mới đi cai nghiện về chưa làm gì. Có vợ và 2 con. Vợ làm nhân viên khách sạn. Chưa xây nhà mới được, vẫn ở nhà cấp 4. Nhà cấp 4 xây dựng được là do gia đình giúp đỡ + vợ có 1 ít tiền. Lý do hút heroin là do bạn bè ở khu vực rù rê.

Bây giờ bà HBT16 cảm thấy thoải mái nhất vì không có vấn đề về kinh tế, con cái trưởng thành không cần phải lo lắng gì cho con cái. Sức khoẻ bình thường. Chồng bà HBT16 vẫn tiếp tục làm mũ quân đội sau khi đi khai hoang về. Nếu ông có tiền thì sẽ chia cho con nào nghèo và gửi tiết kiệm lấy lãi sinh sống. Ông có mong ước cho con cháu ăn uống đầy đủ, học hành tốt.

Hiện nay ở khu vực này có vấn đề là có nhà vệ sinh công cộng. Những người lao động tự do đi vệ sinh đã gây mất vệ sinh cho khu vực. Hiện nay nhân dân ở khu vực này có yêu cầu nhà nước phá bỏ để xây dựng nhà văn hoá cho cụm dân cư. Thời kỳ khu vực này còn trông

rau thì người dân lấy phân để trồng rau. Từ khi đô thị hoá nhà vệ sinh có xe ô tô đến hút bể phốt mang đi. Hiện nay có 20 hộ gia đình ở khu vực này vẫn còn đi nhà vệ sinh công cộng. Năm 2005 nhà vệ sinh công cộng được sửa chữa, duy nhất khu vực này còn nhà vệ sinh công cộng.

Điều tra sáng 14/9/2009

Họ và tên: HBT17

Nữ, sinh năm 1930

Quê quán: xã Minh Đức, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố bà HBT17 đi làm thuê nông nghiệp. Gia đình bà HBT17 không có ruộng đất, không có nhà, ở nhờ 1 gian nhà bác (anh của bố). Nhà của bác có tất cả 3 gian nhà, nhưng chỉ có 2 người. Bố của bà không được đi học. Bố bà mất năm 1945 ở quê vì nạn đói, khi đó cụ 64 tuổi, bà mới 15 tuổi. Bà không được đi học. Sau kháng chiến bà được tham gia lớp bình dân học vụ hết lớp 1 để biết chữ. Năm 1946 bà tham gia kháng chiến chống Pháp ở làng.

Bà HBT17 có 4 anh chị em (3 anh chị em đã bị chết). Anh trai bà 19 tuổi chết ở làng do Pháp bắn chết. 2 chị gái bị chết cháy vì bị ném bom. Bà tham gia cách mạng ở dưới hầm nên còn sống. Năm 1949 bà đến Hà Nội đi làm thuê, bán rau gánh rong.

Bà lấy chồng năm 1953 người cùng quê, cùng đi làm thuê ở Hà Nội (trai làng). Bà thuê nhà ở Ô Cầu Dền, 1 phòng S = 10 m² nhà lá. Bà sinh con đầu năm 1953.

Bà HBT17 có 8 người con :

1. Nam, sinh năm 1953. Học hết cấp 2 (lớp 7), sau đó đi bộ đội. Đã hy sinh tháng 7/1974 ở chiến trường miền Nam.
2. Nam, sinh năm 1955. Học hết lớp 7. Sau đó đi bộ đội xuất ngũ về làm ở công ty xây dựng của nhà nước ở Hà Nội. Đã mất năm 2002 vì bệnh gan. 2 vợ chồng đã ly hôn có 1 con trai 23 tuổi, đang học nghề sửa chữa ô tô.
3. Nữ, sinh năm 1957. Học hết lớp 7. Sau đó làm công nhân nhà máy thuốc lá Thăng Long, Hà Nội. Đã lấy chồng ở phố Thuốc Bắc. Chồng cùng làm ở nhà máy thuốc lá Thăng Long.
4. Nữ, sinh năm 1959. Học hết lớp 1. Sau đó làm công nhân xây dựng Hà Nội. Lấy chồng sống ở phố Châu Long. Đã ly hôn, có 2 con, mua nhà ở Quỳnh Lôi.
5. Nam, sinh năm 1961. Học hết lớp 7. Sau đó đi bộ đội xuất ngũ, về lái xe tắc xi ở Hà Nội. Sống ở nhà bên cạnh bố mẹ. Có vợ và 2 con.
6. Nữ, sinh năm 1963. Học hết lớp 7. Làm công nhân nhà máy thuốc lá Thăng Long. Lấy chồng sống ở Đống Đa, Hà Nội. Chồng làm nghề buôn bán tự do. Đã có 2 con.
7. Nam, sinh năm 1966. Học hết lớp 7. Đi bộ đội, sau đó bị bệnh nên ở nhà làm nội trợ. Đã có vợ và 2 con. Vợ làm thợ may có cửa hàng ở Kim Liên.
8. Nam, sinh năm 1969. Học hết lớp 8. Làm nghề lái xe ô tô tư nhân, sống ở nhà bên cạnh. Đã có vợ và 2 con. Vợ làm nghề buôn bán tự do.

Năm 1967 gia đình bà HBT17 đi khai hoang ở Phú Thọ 2 năm. Sau đó gia đình bà đã bỏ về vì vất vả quá, không có gì để ăn. Gia đình bà đi khai hoang ở Phú Thọ, lúc đầu sống ở nhà dân. Sau đó nhà nước cấp đất tự làm nhà lá để ở. Năm 1969 bà về Hà Nội, nhà nước cấp cho S = 80 m² đất. Gia đình bà tự làm nhà lá để ở, có bếp, đi nhà vệ sinh công cộng. Năm 1969 khi về Hà Nội bà đi bán đậu phụ ở chợ Mơ, chồng bà đạp xe xích lô đến năm 1993. Năm 1989 bà chia đất cho 3 con trai. Năm 1989 chồng bà mất vì bệnh não (chết ở nhà). Kể từ đó bà nghỉ bán hàng ở nhà trông cháu. Bà HBT17 được hưởng lương mẹ liệt sĩ 680.000 đ/tháng. Bây giờ chủ yếu con gái bà nuôi. Bà sống với con trai. Mỗi tháng bà đưa cho con trai 200.000 đ.

Thời kỳ sau năm 1953 bà đi làm thuê + bán rau, ăn không đủ, con nhỏ, đông con, phải chạy bom, nhà chật. Sau khi đi khai hoang về là thời kỳ vất vả thứ 2. Năm 2002 gia đình bà xây nhà 3 tầng x 15 m². Thời kỳ thoải mái là từ năm 2003 đến nay. Nếu có khoản tiền lớn bà sẽ chia cho các con và tiết kiệm để dưỡng già. Bà HBT17 có 6 cháu nội + 6 cháu ngoại. Bà hy vọng các cháu đủ ăn. Gia đình bà HBT17 hiện nay thuộc loại trung bình. Gia đình bà HBT17 hiện nay không có vấn đề gì về sức khỏe.

Ở khu vực này có vấn đề môi trường, người dân hay vứt rác ra đường.

Điều tra chiều 14/9/2009

Họ và tên: HBT18

Nam, sinh năm 1936

Quê quán: xã Yên Tề, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố mẹ HBT18 làm ruộng. Trước Cách mạng ruộng đất gia đình ông có hơn 4 sào ruộng. Có nhà lá 3 gian S=25 m². Bố mẹ không được đi học, nhưng có biết chữ một chút. Mẹ ông không biết chữ nhưng học thuộc lòng rất nhanh. Cụ có thể đọc được truyện Kiều (Nguyễn Du).

Gia đình ông HBT18 có 3 anh em trai :

1. Nam, sinh năm 1932. Học hết lớp 4. Làm công nhân ở nông trường cà phê sông Lô, Tuyên Quang. Đã chết năm 1976. Hiện nay vợ và 2 con gái vẫn sống ở Tuyên Quang. Làm việc ở nông trường cà phê sông Lô.
2. Nam, sinh năm 1936 (HBT18 – người trả lời phỏng vấn)
3. Nam, sinh năm 1939. Học hết lớp 6. Làm ruộng ở Thanh Hoá vì lấy vợ quê Thanh Hoá. Năm 1948 Pháp đánh phá Ninh Bình, nhày dù xuống khu nhà thờ Phát Diệm nên ông tản cư vào Thanh Hoá sống ở đó. Ông có 3 con (1 trai, 2 gái), sống ở quê Thanh Hoá làm ruộng thuê hơn 1 mẫu. Mua đất S = 30 m², gia đình ông tự làm nhà lá để ở, gia đình bà chỉ làm có 2 gian. Năm 1958 bố mất, năm 1961 mẹ mất vì già yếu.

Khi 10 tuổi ông HBT18 được đi học lớp 1 trường làng đến lớp 3. Đến năm 1948 đi tản cư cùng gia đình vào Hoảng Hoá, Thanh Hóa làm ruộng thuê hơn 1 mẫu

Năm 1952 ông đi bộ đội chống Pháp ở trung đoàn, quân khu Tây Bắc, đơn vị bảo vệ

quân khu. Năm 1958 ông chuyển ngành về nhà máy đồ hộp Trương Định, ở tập thể nhà máy đồ hộp Trương Định, 4 người/phòng ăn ở tập thể. Năm 1965 ông về nghỉ mát sức 1 cục. Nên bây giờ không có lương hưu. Khi về ông tham gia vào HTX sản xuất đình ở Hàng Buồm đến năm 1969 nghỉ đập xích lô. Ông thuê nhà ở Hàng Bông S=15 m², tầng 2. Năm 1977 mua nhà ở Quỳnh Lôi S = 15 m² (225.000 đ). Ông đã sửa nhà 2-3 lần rồi. Có 2 vợ chồng sống

Ông HBT18 có 2 con :

1. Nữ, sinh năm 1975. Học hết cấp 2. Làm nghề buôn bán hàng nhỏ ở Hà Nội. Lấy chồng ở Sài Gòn. Bây giờ ông sống ở TP. Hồ Chí Minh nhưng không có liên lạc hoặc ra thăm bố mẹ vì nghèo quá. Đi vào Sài Gòn năm 1991.
2. Nữ, sinh năm 1982. Học hết lớp 7. Làm nghề buôn bán hoa quả ở chợ Đồng Xuân, Hà Nội. Lấy chồng năm 2002, nhà ở phố Phúc Tân. Đã có 2 con. Chồng làm nghề lái xe ôm ở chợ Đồng Xuân.

Ông HBT18 lấy vợ năm 1974. Vợ là người Chí Linh, Hải Dương. Bà làm nghề buôn bán nhỏ ở phố Hàng Bông. Năm 1977 ông về Quỳnh Lôi, tiếp tục làm nghề đập xích lô đi khắp Hà Nội. Năm 1982 ông nghỉ đập xích lô vì sức khỏe yếu. Từ năm 1982 đến nay ai thuê việc gì ông làm việc ấy không thuê cửa hàng, làm ở nhà như: sửa điện, sửa nhà, quạt, xe đạp, ... Một tháng thu nhập khoảng 200-300.000 đ/tháng.

Trước năm 2009 bà bán hoa quả, nước ở cổng bệnh viện Thanh Nhàn. Từ năm 2009 vợ ông đi làm giò chả thuê ở quê Hải Dương cho gia đình nhà cháu.

Hiện nay ông HBT18 sống 1 mình, chi phí 1 tháng khoảng 600-700.000 đ. Hàng tháng bà gửi cho ông khoảng 300.000 + 300.000 đ (ông làm thêm) = 600.000 đ. Con gái ông không giúp đỡ gì được cho bố mẹ vì gia đình con gái cũng nghèo. Ông HBT18 thường xuyên bị bệnh đau đầu. Hàng ngày phải uống thuốc hoạt huyết dưỡng não, giá 44.000 đ/hộp. Nếu ông bị ốm nặng thì chưa biết như thế nào vì ông không có bảo hiểm y tế. Con gái ông 2-3 tháng đến thăm ông 1 lần.

Đời sống của ông HBT18 vất vả nhất từ năm 1991-1995. Quan hệ của vợ chồng ông HBT18 và con ông rất lỏng lẻo vì ông và vợ ông không có đăng ký kết hôn. Vợ ông là em gái của chủ nhà, bà đã kết hôn 1 lần ở quê rồi. Sau đó bà bỏ ra Hà Nội làm ăn nhưng chưa ly hôn. Hai người tự nguyện sống với nhau và sinh 2 con gái chứ không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 1991 vợ ông buôn bán bị vỡ nợ rồi bỏ nhà đi buôn bán ở Lạng Sơn không có liên lạc gì với gia đình đến năm 1998 thì về. Ông phải đập xích lô để nuôi 2 con gái. Cuộc sống của 2 con ông thiếu thốn nên con gái thứ 1 đã bỏ nhà đi đâu không biết. Năm 1998 bà về quê xây 1 gian nhà, đến năm 1998 con gái lấy chồng, bà lên Hà Nội dự đám cưới con gái thứ 2. Họ hàng đã dàn xếp cho 2 ông bà về ở cùng nhau.

Ông mua tivi năm 2002, tủ lạnh con gái mua. Sau khi con gái lấy chồng để tủ lạnh lại cho ông. Năm 1958-1965 là thời kỳ ông HBT18 thoải mái nhất vì thời gian này ông làm ở nhà máy đồ hộp Trương Định. Lý do tự do vì chưa có gia đình. Bây giờ là thời kỳ gia đình ông HBT18 khó khăn nhất vì nhà sắp hỏng, khi mưa to thì bị ngập mà không có tiền để sửa chữa. Nếu bây giờ ông có tiền thì việc đầu tiên ông phải làm là sửa chữa nhà. Ông HBT18 có mong

muốn là 2 ông bà sống cùng 1 nơi nhưng vì kinh tế khó khăn, bà phải về quê giúp việc cho cháu làm giò chả gia truyền để bán. Hiện nay gia đình ông HBT18 chưa được chính phủ tài trợ gì cho hộ nghèo. Ông HBT18 có nguyện vọng khi chết thì chôn ở Hà Nội, không muốn đưa về quê.

Điều tra sáng 16/9/2009

Họ và tên: HBT19

Nam, sinh năm 1940

Quê quán: thôn Đông Cao, xã Cấp Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT19 làm nghề lái xe khách Hà Nội - Sơn Tây và sửa chữa xe cho công ty xe khách. Bố ông HBT19 sinh năm 1918, mất năm 1947 (khi ông được 7 tuổi) vì cụ bị cảm, mất ở thị xã Sơn Tây, cụ được hơn 29 tuổi. Gia đình ông HBT19 có hơn 1 mẫu ruộng. Sau cải cách ruộng đất, gia đình ông thuộc thành phần bần nông. Bố ông HBT19 học cấp 1,2,3 ở quê Hưng Yên. Bố ông HBT19 tốt nghiệp trường đại học Bách Nghệ (Bách Khoa) Hà Nội, là kỹ sư sửa chữa ô tô. Mẹ ông sinh năm 1915, là người cùng quê với bố. Sau khi lấy chồng sống với bố ông ở thị xã Sơn Tây, đi làm thuê (đẽo gạch). Năm 1949 hai mẹ con ông tản cư về Hà Nội. Ông HBT19 chỉ có một mình không có anh chị em. Gia đình nhà vợ ở quê nghèo. Bố ông tự tìm con đường thoát ly chứ gia đình không giúp gì được. Vợ ông sinh năm 1947. Mẹ ông mất năm 1988 ở chỗ ở hiện nay, thọ 73 tuổi. Năm 1949 mẹ ông về Hà Nội làm nghề buôn bán rau ở chợ Mơ. Ông sống nhờ nhà bà dì (em họ của mẹ) ở phố Lò Đúc.

Tháng 9/1964 ông đi khai hoang ở xã Đồng Nạp, huyện Yên Lập, Phú Thọ 3 năm đến năm 1967 thì 2 mẹ con về Hà Nội vì gặp khó khăn hai mẹ con bị ốm, con bị rụng tóc, mẹ bị phù. Mẹ con ông phải ở nhờ trường học bên cạnh chùa Liên Phái, Bạch Mai. Năm 1969 UBND quận Hai Bà Trưng phân đất, S=70 m². Khi đó ông là 1 trong 17 gia đình đi khai hoang về được phân đất. Khi đó đất ở đây là ruộng, không có nhà cửa. Gia đình ông HBT19 tự đắp đất làm nhà lá 2 gian.

Ông HBT19 lấy vợ năm 1968, ở nhờ 1 phòng ở trường học Bạch Mai. Trường học đó đã chuyển hết học sinh đi các trường khác. Lấy trường học đó cho người đi khai hoang về ở nhờ. 3-4 gia đình ở 1 phòng, các gia đình tự ngăn phòng bằng zidô.

Ông HBT19 có 4 con :

1. Nam, sinh năm 1919. Học hết cấp 2 trường Ngô Quyền, lớp 7/10. Hiện nay bán thịt lợn ở chợ Quỳnh Mai, thuê quầy bán S = 8 m². Có 2 con trai (1 học lớp 12, 1 con trai học lớp 4). Gia đình sống cùng bố mẹ.
2. Nữ, sinh năm 1971. Học hết lớp 12, làm công nhân công ty may Thăng Long, Minh Khai. Lấy chồng làm nghề lái tàu hoả Hà Nội-Lào Cai. Có 2 con gái, sống ở phố Phù Đồng, Thiên Vương.
3. Nữ, sinh năm 1973. Học hết lớp 12/12. Sau khi học xong bị bệnh máu trắng. Mất năm 2002.

4. Nữ, sinh năm 1975. Học hết lớp 12, ở nhà bán hàng nước ở phố Minh Khai. Chồng lái xe ô tô cho công ty tư nhân. Có 2 con lớp 9 và lớp 6

Năm 1950 ông 10 tuổi bắt đầu đi học lớp 1 ở trường Việt Nam-Cu Ba, phố Nguyễn Trường Tộ đến lớp 2. Năm 1952 ông sống ở nhà dì ở phố Lò Đúc học ở trường Lương Yên, Hai Bà Trưng học tiếp lớp 3,4,5,6. Hết lớp 6 ông đi học nghề cơ khí ở xưởng chân tay giả (bây giờ là xí nghiệp Chinh hình ở Minh Khai đến năm 1958). Năm 1958 làm ở nhà máy xay sát gạo Lương Yên Hà Nội. Làm phụ máy xay. Năm 1958, 2 mẹ con ông thuê nhà ở phố Lò Đúc S = 6 m². Năm 1964 đi khai hoang kinh tế miền núi. Khi đó mẹ đi làm rau vắt vả, nghe theo bạn bè rủ rê, đi khai hoang miền núi sẽ đổi đời, tránh ném bom nên 2 mẹ con đi. Năm 1967 sau khi đi khai hoang về mẹ bán rau, ông thuê xe đi đạp xích lô đến năm 1970. Vợ ông làm công nhân ở nhà máy Pin con thỏ, Văn Điển. Năm 1970 ông vào làm công nhân và biên chế ở đội đá bóng công ty May Thăng Long Hà Nội ở phố Minh Khai, Hà Nội. Năm 1991 ông về 1 cục theo Nghị định 141 nên bây giờ không có lương hưu. Từ năm 1991-2005 ở nhà làm công việc gia đình. Năm 2005 đến nay đi làm bảo vệ phòng khám cho em kết nghĩa, quê ở Sơn Tây làm bác sĩ da liễu, phòng khám ở phố Vọng, làm việc trong giờ hành chính. Lương 2 triệu/tháng. Năm 1994 vợ ông về hưu 1 cục nên bây giờ không có lương hưu. Bà về bán thịt lợn ở chợ 8/3. Từ năm 2001 nghỉ bán hàng, ở nhà làm nội trợ.

Thời kỳ khó khăn nhất từ năm 1952-1958. Ông HBT19 đi học, mẹ bán rau, thiếu ăn, nhiều hôm đi học phải nhịn đói. Thời kỳ khó khăn thứ 2 từ năm 1967-1970 (đạp xích lô). Năm 2005 ông xây nhà = 70 m² x 3 tầng (có 6 người ở gồm 2 ông bà và 4 người của gia đình con trai cả). Ông xây nhà hết 300 triệu đồng. Có 1 em gái vợ ở thành phố Hồ Chí Minh cho 150 triệu, 3 em vợ khác cho 30 triệu, ông chuẩn bị được 120 triệu, vay thêm 30 triệu. Bây giờ đã trả hết nợ rồi. Thời kỳ ông HBT19 thấy thoải mái nhất là bây giờ. Trước năm 2005 nhà ông là nhà cấp 4.

Năm 1972 khu vực này bị ném 3 quả bom, 1 số nhà ở đây bị sập, trong đó có nhà ông. Lúc đó gia đình ông đi sơ tán ở quê ngoại xã Tân Lập, Đan Phượng, Hà Tây khoảng 6 tháng. Đầu năm 1973 nhân dân Hà Tây trợ cấp làm nhà mái lá 2 gian cho khu vực này.

Năm 1980 ông xây nhà cấp 4 bằng gạch xi than, lợp mái tôn.

Con dâu ông quản lý kinh tế gia đình, bà ở nhà nấu cơm. Lương của ông chỉ dùng để trả tiền điện, điện thoại thôi. Vợ ông HBT19 bị bệnh huyết áp cao. Ông HBT19 huyết áp bình thường. Nếu có tiền thì ông muốn làm bộ răng giả hết khoảng 15-20 triệu đồng. Ông mong muốn 2 vợ chồng con trai luôn luôn khỏe để kiếm tiền cho các cháu được đi học đến nơi đến chốn.

Điều tra chiều 16/9/2009

Họ và tên: HBT20

Nam, sinh năm 1935

Quê quán: Làng Hương Thê, xã Thanh Nhân, huyện Thanh Trì, tổng Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố mẹ ông HBT20 làm nghề trồng cây ăn quả, trồng rau, trồng lúa, nuôi cá. Gia đình ông có 10 mẫu đất và ao hồ. Dưới ao nuôi cá, xung quanh ao trồng cây ăn quả, trồng mướp. Bố mẹ ông không được đi học nên không biết chữ (mù chữ).

Lúc 11 tuổi ông HBT20 bắt đầu được đi học (1946), nhưng kháng chiến chống Pháp bắt đầu nên gia đình ông phải tản cư đi Thái Bình. Bố mẹ ông buôn bán quà ăn vặt : bánh đúc. Năm 1949 gia đình ông về Hà Nội (làng Hương Thê), bố mẹ ông trồng cây, nuôi cá. Gia đình ông có 5 gian nhà lá rộng khoảng hơn 40 m².

Năm 1949 ông tiếp tục đi học lớp 2 trường Thanh Nhân. Năm 1954 ông học cấp 2 (lớp 7) đến năm 1958 lớp 10 ở trường Lý Thường Kiệt bây giờ là trường Việt-Đức. Năm 1959-1962 ông học đại học Sư phạm I Hà Nội, khoa Tự nhiên toán-lý. Năm 1962-1965 ông làm trợ lý văn hoá cho công ty may ở Gia Lâm. Ông sống ở khu tập thể của cơ quan ở Gia Lâm. Năm 1960 ông biết nghề làm may là vì ông vừa đi học đại học vừa học may của tư nhân. Và trong thời gian làm việc ở Công ty may ông dạy văn hoá cho họ, họ dạy may cho ông.

Năm 1965 ông đi bộ đội binh chủng tên lửa bảo vệ thủ đô Hà Nội, sống ở đơn vị. Năm 1970 ông chuyển ngành sang Bộ Công thương đào tạo cán bộ của Bộ Công thương về quản lý Kinh tế, hành chính ở đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Năm 1988 ông về nghỉ hưu. Sau khi nghỉ hưu, ông mở lớp đào tạo học may và ký hợp đồng may cho các tỉnh đến năm 1998.

Năm 1988 ông về hưu sớm (53 tuổi) vì trong Nhà nước lương thấp quá không đủ ăn nên ông muốn ra ngoài làm kinh tế. Ông HBT20 có lương hưu 1,7 triệu/tháng.

Gia đình ông HBT20 có 7 anh em:

1. Nam, sinh năm 1923. Học hết lớp 3. Làm nghề trồng cây, nuôi cá. Mất năm 1979 ở quê. Đã có vợ và 9 con.
2. Mất từ nhỏ (1 tuổi) nên ông không nhớ.
3. Nữ, sinh năm 1929. Đã mất năm 2007. Làm vườn, nuôi cá. Lấy chồng ở quê.
4. Mất từ nhỏ (1 tuổi) nên ông không nhớ.
5. Nam, sinh năm 1935(HBT20 – người trả lời phỏng vấn)
6. Nữ, sinh năm 1940. Học hết lớp 7. Làm công nhân Công ty may. Đã về hưu sống ở Gia Lâm. Không có gia đình, sống độc thân.
7. Nam, sinh năm 1947. Học hết lớp 7. Làm thợ may tự do. Sống ở phố Thanh Nhân.

Thời gian năm 1959-1962 ông học đại học. Hàng ngày ông đi tàu điện từ 5 giờ sáng. Ông đi ở ga Nguyễn Công Trứ - Bờ Hồ - Cầu Giấy (đi bộ khoảng 4 km) đến trường. Buổi tối 7 giờ ông mới về nhà. Ngày chủ nhật ông học may ở nhà phố Lò Đúc (mời thầy về nhà dạy may).

Năm 1963 ông lấy vợ. Vợ ông là người quê ở Phú Xuyên, Hà Tây. Bà làm nghề dệt ở nhà máy 8/3. 2 người quen nhau do bố của vợ ông và mẹ của ông là bạn của nhau. Vợ ông ở phố Lò Đúc, gia đình chồng ở thuê từ năm 1954 của nhà nước S = 100 m² là nhà ngói cấp 4 (9 người ở gồm có 2 vợ chồng cô thứ 3 + 4 con, vợ ông, em út, mẹ).

Nhà này năm 1954 chủ nhà đi miền Nam nên nhà nước quản lý. Năm 1954 cải cách ruộng đất gia đình ông nộp toàn bộ đất cho Nhà nước, sau đó gia đình ông lên phố Lò Đúc

thuê nhà.

Bố ông, anh trai, chị gái đi làm thuê nghề tự do, chủ yếu làm thuê về nông nghiệp. Gia đình ông thuộc thành phần phú nông nên bị tịch thu hết ruộng đất. Cả gia đình ông tập trung tiền cho 1 người con đi học. Năm 1970 ông về sống cùng gia đình ở phố Lò Đúc.

Ông HBT20 có 3 con:

1. Nữ, sinh năm 1964. Học hết lớp 12. Sau đó đi học trung cấp chữ máy may. Làm nghề thợ may tự do, lấy chồng sống ở Đường Tam Trinh, quận Hoàng Mai, đã có 3 con. Chồng làm nghề xây dựng tự do.
2. Nam, sinh năm 1970. Học hết lớp 12. Làm nghề kinh doanh máy tính ở phố Lý Nam Đế. Đã mất năm 2009 vì bệnh não. Lấy vợ sinh năm 1974, quê Thanh Hoá, đã có 2 con gái. Con dâu và 2 cháu đang sống cùng ông. Chị bán hàng văn phòng phẩm từ năm 2000. Thu nhập lãi hàng tháng khoảng hơn 2 triệu/tháng.
3. Nam, sinh năm 1982. Học hết lớp 7. Làm nghề may tự do ở nhà. Chưa có gia đình.

Vợ ông về hưu năm 1982 vì bị bệnh nên ở nhà làm nội trợ. Lương hưu của bà là 1,5 triệu/tháng.

Ông HBT20 mua đất năm 1973-1980 là nhà lá. 1973 ông mua đất $S = 70 \text{ m}^2$ của bạn vợ, làm ở nhà máy dệt 8/3. Sau đó ông lắp hồ bom $S = 110 \text{ m}^2$. Gia đình của bạn vợ ông bán đất chuyển đi mua nhà lắp ghép chung cư Trương Định. Trước đó gia đình ông sống ở Lò Đúc nhưng vì nhà đông người quá nên ông chuyển đi mua nhà. Năm 1980-1993 làm nhà cấp 4, năm 1993 xây nhà 1 tầng, $S = 110 \text{ m}^2$. Đời sống của gia đình ông khó khăn nhất là từ năm 1970-1985 vì thiếu tiền, vợ ốm, con nhỏ. Thời kỳ khó khăn thứ 2 là bây giờ vì vợ và con trai mất, gia đình không có thu nhập + nợ 8.000 USD để chữa bệnh cho con trai + vợ. Vay tiền từ con gái cả. Gia đình ông HBT20 có thu nhập khoảng 1,7 triệu/tháng + 2 triệu con dâu bán hàng văn phòng phẩm. Hiện nay con dâu ông quản lý kinh tế gia đình. Ông HBT20 cảm thấy thoải mái nhất là từ năm 2002-2007 vì có nhà, kinh tế ổn định, con trai có thu nhập cao. Nếu ông có tiền để trả nợ cho con gái + chia đất cho con gái. Ông mua bộ sa lông cổ năm 2008 giá 21 triệu đồng. Hiện nay ông có vấn đề về sức khỏe, đã bị tai biến 1 lần, con trai út nghề nghiệp không ổn định, chưa có gia đình. Ông HBT20 có 5 cháu: 3 cháu ngoại + 2 cháu nội. Ông có mong muốn là tất cả các cháu tốt nghiệp đại học.

Khu vực gia đình ông ở không có vấn đề về môi trường, an ninh. Năm 1973 phía trước nhà ông đã có trường học Ngô Quyền rồi nhưng khi đó là nhà tranh, mái lá.

Điều tra Sáng 17/9/2009

Họ và tên: HBT21

Nam, sinh năm 1934

Quê quán: xóm Trại, làng Quỳnh Lôi, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Đông, tổng Hà Nội

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT21 làm nghề đưa báo Đông dương thời Pháp đến năm 1954. Gia đình ông thuộc thành phần trung nông. Có nhà ngói 5 gian. Mẹ ông làm nghề buôn bán nhỏ ở chợ Bắc

Qua nhưng sống ở phố Huế. Bố ông không có ruộng đất, nhưng ông bà nội của ông có nhiều đất. Bố ông được học hết sơ học yếu lược (hết cấp 1). Mẹ ông chỉ biết chữ. Bố ông mất năm 1989 (77 tuổi), mẹ ông mất 1998 (87 tuổi).

Lúc 6 tuổi ông được đi học trường làng Quỳnh Lôi hết tú tài. Ở Hà Nội ông học trường Thăng Long hết lớp 10. Năm 1956 ông đi học đại học Nông lâm ở Văn Điển 1 năm. Sau đó ông bỏ học đi học trung cấp sư phạm ở phố Cửa Bắc từ năm 1957-1958. Năm 1958-1962 sau khi tốt nghiệp, ông đi dạy học ở trường cấp 1,2 Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì. Năm 1962-1964 ông dạy ở trường cấp 2 Trương Mai, Hai Bà Trưng. Năm 1964-1965 ông dạy ở trường cấp 2 Thanh Liệt, quận Hoàng Mai. Năm 1965-1972 ông dạy ở trường cấp 2 Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai. Năm 1972-1978 ông dạy ở trường cấp 2 Trương Mai, quận Hai Bà Trưng. Năm 1978-1989 ông dạy ở trường cấp 2 Ngô Quyền, quận Hai Bà Trưng, năm 1989 ông nghỉ hưu. Trường cấp 2 Ngô Quyền xây dựng từ năm 1978. Trước 1978 trường học Ngô Quyền là nhà lá có hơn 100 học sinh. Đến năm 1978 trường được xây dựng thành nhà 3 tầng. Năm 2000 xây dựng thành nhà 4 tầng. Thời kỳ ông đi học ở trường Thăng Long, ông đi bằng xe đạp từ phố Huế S = 100 m² x 2 tầng. Tổng số diện tích có 193 m² (gồm cả sân và bếp) gồm có 9 người ở.

Ông HBT21 có 7 anh em :

1. Nữ, sinh năm 1931. Học hết tiểu học. Làm nghề buôn bán nhỏ ở chợ Bắc Qua, Hà Nội. Năm 1955 lấy chồng là người Tàu lai (Hoa Kiều) rồi đi Sài Gòn. Cả gia đình hiện nay sống ở Mỹ.
2. Nam, sinh năm 1934 (HBT21 – người trả lời phỏng vấn)
3. Nữ, sinh năm 1941. Tốt nghiệp đại học Sư phạm, là giáo viên cấp 3. Đã về hưu sống ở phố Huế. Đã có 3 con. Vợ làm kế toán Công ty Hoá chất Đức Giang. Đã nghỉ hưu.
4. Nữ, sinh năm 1942. Đã mất 2006. Là nhân viên bán lương thực ở Ngô Quỳnh. Hiện nay gia đình sống ở ngõ Quỳnh. Chồng là công nhân lắp đặt hệ thống phát thanh. Có 2 con (1 con chết vì bệnh).
5. Nữ, sinh năm 1944. Tốt nghiệp đại học Sư phạm, dạy học cấp 3 ở trường Hai Bà Trưng. Đã về hưu sống ở phố Bạch Mai. Có 3 con. Chồng là phó giáo sư Sử học.
6. Nữ, sinh năm 1946. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Hà Nội 1. Là giáo viên cấp 3. Về hưu sống ở Ngõ Quỳnh. Đã có 2 con. Chồng là giáo viên cấp 3.
7. Nam, sinh năm 1952. Học 1 năm ở trường đại học Bách Khoa. Sau đó bỏ học ở nhà. Hiện nay ở nhà không làm gì. Không có vợ con, sống độc thân ở phố Huế, có cửa hàng ở phố Huế cho thuê để lấy tiền sinh sống. Thời kỳ ông học ở Văn Điển, ông ăn riêng, hàng ngày đi lại bằng xe đạp Porô của Pháp (đi bộ khoảng 10 km).

Năm 1964 ông lấy vợ, sinh năm 1945, quê ở Giáp Bát. Bà là giáo viên cấp 2. Hai ông bà quen nhau trong trường.

Ông HBT21 có 2 con :

1. Nam, sinh năm 1965. Học khoa Kinh tế Đối ngoại, trường đại học Tổng hợp Hà Nội. Hiện nay công tác ở phường Quỳnh Lôi. Lấy vợ sinh năm 1978, người Hà Nội, vợ làm nghề buôn bán quần áo. Hiện nay vợ làm nội trợ. Có 2 con (1 trai, 1 gái). Gia đình sống cùng bố mẹ.

2. Nam, sinh năm 1967. Học hết cấp 3, 1989 đi xuất khẩu lao động ở Nga, năm 1991 đi Đức. Hiện nay sống ở Đức làm kinh doanh. Lấy vợ năm 2009 người quê Lý Nhân, Nam Hà, sinh năm 1981. Vợ làm công nhân ở Hà Nội. Hiện nay nghỉ làm việc, đi học tiếng Đức để sang Đức với chồng.

Lương hưu của ông HBT21 là 2 triệu/tháng, bà về hưu năm 1984, lương hưu của bà 1 triệu/tháng. Đất ở của ông HBT21 là đất thừa kế của bố mẹ từ năm 1983 S=230 m². Năm 1984 ông làm nhà bê tông 1 tầng 40 m² (có 4 người ở). Năm 2008 ông xây nhà 70 m² x 4 tầng hết 600 triệu đồng. Gồm có 7 người ở. Bà là người quản lý kinh tế gia đình.

Năm 1972 Mỹ ném bom, gia đình ông đi sơ tán ở huyện Khoái Châu, Hưng Yên là quê của bạn vợ ông dạy học cùng trường. 4 gia đình cùng đi sơ tán khoảng 3 tháng. Đời sống đi sơ tán ở Hưng Yên là ở nhờ nhà dân (nhà cấp 4, cả 4 gia đình đều có tem phiếu nên đời sống bình thường, đủ ăn). Đến tháng 4/1973 gia đình ông về Hà Nội, ở phố Huế nên nhà không bị ném bom. Năm 1984 gia đình ông về Quỳnh Lôi thừa kế đất ở đây là vườn. Gia đình ông đã bán hết xe máy, xe đạp, máy khâu để lấy tiền xây nhà.

Năm 1940-1942 là thời kỳ gia đình ông gặp khó khăn nhất, chỉ có 1 mình bố đi làm, mẹ ở nhà trông con nhỏ nên thiếu ăn. Khi đó gia đình ông sống ở Quỳnh Lôi. Năm 1943-1946 gia đình ông sống ở phố Bạch Mai do bố ông mua nhà (bố ông có nhiều tiền). Năm 1946-1947 gia đình ông đi tản cư ở làng Ước Lễ, Hà Tây. Năm 1947-1948 đến Bạch Mai S=193 m². Năm 1953 ông HBT21 sống ở phố Huế đến năm 1984 về Quỳnh Lôi. Gia đình ông cho thuê nhà ở phố Bạch Mai đến năm 1992 thì bán lấy tiền chia cho tất cả anh chị em. Đời sống gia đình ông HBT21 lúc nào cũng cảm thấy thoải mái. Nếu bây giờ ông HBT21 có tiền thì ông muốn đầu tư cho con cháu học hành, đi du học ở Anh.

Khu vực gia đình ông sống không có vấn đề gì về môi trường, an ninh, xã hội,

Điều tra chiều 17/9/2009

Họ và tên: HBT22

Nữ, sinh năm 1923

Quê quán: xóm Tiên Phong, làng Quỳnh Lôi, xã Quỳnh Mai, huyện Hoàng Long, quận 7, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Quỳnh, Phố Thanh Nhân, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố bà HBT22 làm công nhân ở nhà in phố Hàng Bông. Mẹ bà làm nghề trồng rau. Đã mất năm 1993, thọ hơn 90 tuổi. Bố bà mất năm 1945, vì bệnh, thọ hơn 50 tuổi. Mẹ bà không biết chữ. Vì cụ không được đi học, sau này cụ có được tham gia lớp bình dân học vụ. Gia đình bà chỉ đi làm ruộng thuê, trồng rau. Gia đình bà có nhà gỗ 5 gian, lợp mái ngói S = 60 m², gồm có 14 người ở.

Bà HBT22 có 6 chị em :

1. Nữ, sinh năm 1923 (HBT22 – người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1925. Học hết lớp 3. Làm công nhân in, sau đó làm công an mật cho Việt

Minh. Đã mất năm 1947.

3. Nam, sinh năm 1927. Đã mất năm 1945 vì đói ở nhà.

4. Nam, sinh năm 1929. Học hết lớp 3. Đi kháng chiến chống Pháp, làm tự vệ. Đã hy sinh năm 1946.

5. Nữ, sinh năm 1931. Học hết lớp 4. Mất năm 2007. Làm thợ may công ty may Thăng Long ở phố Minh Khai. Lấy chồng người cùng làng.

6. Nam, sinh năm 1934. Học hết lớp 7. Làm công nhân kỹ thuật Dệt ở trường đại học Bách khoa. Sau đó làm giáo viên dạy học nghề trường đại học Bách Khoa. Hiện nay đã về nghỉ hưu sống ở phường Quỳnh Lôi.

Năm 1943 bà HBT22 làm nghề Diêm ở phố Mai Hắc Đế, hàng ngày đi bộ 3 km. Năm 1945 đi làm thuốc lá cho ông chủ Sài Gòn ở phố Bạch Mai. Năm 1947 bà tham gia kháng chiến ở khu Việt Bắc. Đi nấu cơm cho Bác Hồ và cán bộ lãnh đạo của chính phủ. Năm 1954 bà về Hà Nội tham gia HTX Nông nghiệp trồng rau. Sau cải cách ruộng đất, gia đình bà thuộc thành phần bần nông. Năm 1976 bà về làm vườn của gia đình. Nhà nước chia cho gia đình bà 3 sào ruộng để trồng mướp, rau mùng tơi.

Bà HBT22 lấy chồng năm 1943, khi đó bà 20 tuổi, chồng bà sinh năm 1942 quê Hưng Yên. Do bố đẻ giới thiệu. Chồng bà làm nghề mũ tư nhân ở Quỳnh Lôi. Chồng bà học hết lớp 3. Ông lấy bà và ở rể luôn nhà bà S nhà ở = 15 m², có 1 gian nhà lá. Vợ chồng bà ăn chung cùng gia đình nhà bố mẹ của bà.

Bà HBT22 có 7 con :

1. Nữ, sinh năm 1944. Đã mất khi 1 tuổi.

2. Nữ, sinh năm 1949. Học hết lớp 7. Làm công nhân xí nghiệp bột Hoàng Mai ở phố Trương Định. Sống ở nhà bên cạnh bố mẹ. Đã có 2 con trai đã học hết cấp 3 làm nghề lái xe ô tô. Chồng là công an phường Quỳnh Lôi, cấp bậc thiếu tá. Đã chết năm 2003 vì bệnh.

3. Nam, sinh năm 1951. Học hết lớp 10. Làm công nhân nhà máy cơ khí ở phố Mai Hắc Đế. Hiện nay sống cùng mẹ đẻ. Vợ làm cùng nhà máy cơ khí. Vợ đã mất năm 2006 vì tai nạn xe máy. Có 1 con trai 20 tuổi đang học đại học FPT. Ông đã nghỉ hưu năm 2002 (nhà có 3 người ở: bà, con trai, cháu), S = 70 m² x 4 tầng.

4. Nam, sinh năm 1954. Đã mất từ khi được hơn 1 tuổi.

5. Nữ, sinh năm 1957. Học hết lớp 7. Làm công nhân xí nghiệp nhựa Gia Lâm, Hà Nội. Sống ở tập thể phố Nguyễn Công Trứ. Hiện nay vẫn đi làm. Chồng làm nghề tự do. Có 2 con trai (1 trai + 1 gái). Con trai sinh năm 1981, Con gái sinh năm 1983 học hết đại học kinh tế quốc dân. Sau đó làm kế toán ở tập đoàn.

6. Nữ, sinh năm 1960. Học hết lớp 7. Học trung cấp mẫu giáo. Là giáo viên nhà trẻ phố Bà Triệu. Có 1 con gái đang du học ở Singgapo. Chồng làm nghề tự do. Sống ở nhà bên cạnh mẹ đẻ. Mẹ đẻ cho đất làm nhà.

7. Nữ, sinh năm 1962. Học hết lớp 10. Làm công nhân công ty may ở phố Minh Khai. Hiện nay làm nhân viên bán bảo hiểm, công ty Bảo hiểm Menulife. Đã có 2 con. Sống ở bên cạnh nhà mẹ đẻ. Chồng là công an quận.

Năm 1947 hai vợ chồng bà HBT22 tham gia kháng chiến và sinh 2 con ở Việt Bắc. Sống ở khu tập thể cơ quan quân đội A.T.K (an toàn khu). Chồng đi cung cấp thực phẩm cho các đơn vị quân đội. Đời sống ở Việt Bắc bình thường, không thiếu ăn. Năm 1954 ông về Hà Nội làm mũ đến năm 1965 làm ở xí nghiệp Nước chấm Hà Nội. Năm 1981 ông về hưu. Đã mất năm 2003.

Bà không có lương hưu. Con trai của bà có lương hưu là 866.000 đ/tháng. Cho thuê nhà 5 triệu/tháng (tầng 3,4).

Thời kỳ chiến tranh chống Mỹ các con của bà HBT22 đi sơ tán ở Chương Mỹ, Hà Tây từ năm 1971-1972 (tự đi) có người quen. Gia đình bà có tem phiếu nên mua gạo thực phẩm ở đó luôn, sống ở nhà dân. Năm 1973 gia đình bà HBT22 về Hà Nội. Thời kỳ khó khăn nhất của gia đình bà HBT22 là năm 1971-1973 (thời kỳ chiến tranh). Thời kỳ thoải mái nhất từ năm 2003 đến nay. Gia đình bà có vấn đề về sức khoẻ, bà bị bệnh tim. Nếu bây giờ bà có nhiều tiền thì bà sẽ cho các con. Bà HBT22 chia đất cho các con năm 1993. Trước năm 1945 nhà bà là nhà lá. Năm 1973-1995 là nhà cấp 4 có 4 gian, S = 60 m² (gồm có sân, bếp, vườn). Năm 1995 làm nhà 2 tầng, đến năm 2006 xây thêm 2 tầng nữa để cho thuê. Con trai bà nếu có tiền sẽ đầu tư cho các con học hành. Gia đình của con trai có xe máy từ năm 1986, loại xe Mochich sản xuất ở Đức. Năm 1987 anh mua xe Honda. Năm 2006 mua máy điều hoà nhiệt độ.

Ở khu vực này năm 1965 đã có điện rồi. Nước sạch có từ năm 1966. Khu vực bà ở không có vấn đề gì về an ninh, xã hội, môi trường.

Điều tra sáng 18/9/2009

Họ và tên: HBT23

Nam, sinh năm 1936

Quê quán: xã Phú Mỹ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây (nhưng ông sinh ra ở Hà Nội).

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Gia đình ông HBT23 thuộc thành phần địa chủ. Gia đình ông HBT23 có nhà gỗ cổ 5 gian S = 200 m². Tổng diện tích đất ở là 2000 m². Hơn 200 mẫu đất ruộng. Bố ông HBT23 học trường Pháp Anpesalo cấp 3 ở khu Ba Đình. Bố ông làm nghề kinh doanh, mở hãng sơn nhà, vật liệu xây dựng ở phố Sinh Từ. Mẹ làm nghề nội trợ, quản lý ruộng đất ở quê cùng bố mẹ chồng. Bố ông sinh năm 1903, mẹ sinh năm 1901. Nhà ông luôn thuê khoảng 10-30 người làm thuê. Mẹ ông là con gái lý trưởng nên được đi học hết tiểu học. Bố ông thuộc thành phần tư sản.

Ông HBT23 có 6 anh em:

1. Nam, sinh năm 1928. Học hết cấp 2. Đã mất năm 1944, khi 16 tuổi bị sét đánh chết khi đi làm đồng.
2. Nam, sinh năm 1932. Chết khi 3 tuổi vì bị dịch bệnh
3. Nam, sinh năm 1934. Học Đại học Bách Khoa. Khoa kỹ sư chế tạo máy, sau đó học thêm ngành kiến trúc sư. Làm nghề chuyên gia thiết kế của Bộ Công nghiệp nhẹ. Hiện nay ở Quỳnh Lôi. Đã nghỉ hưu. Có 2 con làm việc ở Hà Nội. Con trai thứ nhất học thạc sĩ ở Pháp về kiến

trúc. Hiện nay anh làm ở Hội Kiến trúc sư Hà Nội. Con gái tốt nghiệp đại học Ngoại Thương, đã có gia đình sống ở Hà Nội. Hiện nay chị làm việc ở Công ty Hàn Quốc. Chồng là kỹ sư điện tử, làm việc ở công ty nước ngoài ở Hà Nội.

4. Nam, sinh năm 1936 (HBT23 – người trả lời phỏng vấn)

5. Nữ, sinh năm 1939. Học hết lớp 10. Giáo viên mẫu giáo, phụ trách giáo dục quận Hoàn Kiếm. Mất năm 1990 vì bị bệnh ung thư vú. Đã có 1 con gái 15 tuổi. Bố mất từ khi con gái sinh ra được 15 ngày tuổi vì bị tai biến mạch máu não. Con gái đã tốt nghiệp trường cao đẳng Sư phạm. Hiện nay con gái là giáo viên cấp 1 trường Điện Biên, quận Hoàn Kiếm. Lấy chồng người Hà Nội, đã có 2 con. Chồng làm nghề lái xe ô tô. Hiện nay gia đình chị sống ở Kim Liên, Đống Đa.

6. Nam, sinh năm 1940. Tốt nghiệp trường đại học Sư phạm Hà Nội. Dạy học trường cấp 3, trường Hoàn Kiếm. Đã nghỉ hưu. Hiện nay sống ở Mỹ. Có con trai đi du học Công nghệ thông tin ở Mỹ và đã lấy vợ người Việt kiều định cư ở Mỹ. Con trai đã đón bố mẹ sang Mỹ sống cùng. Con trai thứ 2 cũng đi du học ở Mỹ, sau đó về Việt Nam lấy vợ sinh 2 con. Đưa 1 con trai sang Mỹ với bố, 1 con gái ở Việt Nam với mẹ, hiện đang sống với nhà bà ngoại ở phố Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Ông HBT23 lúc 7 tuổi được đi học lớp 1 ở trường Nguyễn Khuyến, phố Sinh Từ. Ông học cấp 2 trường Đạo (Trường Dũng Lạc) ở phố Nhà Chung, Hoàn Kiếm. Ông học cấp 3 ở trường Chu Văn An, Thụy Khuê. Ông học hết lớp 9 (năm 1954) thì nghỉ học vì giải phóng thủ đô. Năm 1956-1958 ông học tiếp cấp 3 trường Chu Văn An. Năm 1958 ông vào học khoa Điện, trường đại học Bách Khoa Hà Nội. Năm 1962 tốt nghiệp đại học. Ông làm việc ở Bộ Công nghiệp phố Hai Bà Trưng. Năm 1965 ông về công tác ở Bộ Lương thực thực phẩm phố Cát Linh. Năm 1997 ông về hưu, ông không làm gì thêm mà chỉ tham gia công tác địa phương, làm tổ trưởng tổ dân phố. Hàng tháng được phụ cấp 210.000đ

Năm 1961 ông thuê nhà của nhà nước ở phố Hàng Buồm $S = 47 \text{ m}^2/9$ người ở, nhà cấp 4. Ông HBT23 lấy vợ năm 1964, do hai bố giới thiệu con cho nhau. Vợ ông sinh năm 1947, quê ở xã Minh Cường, huyện Thường Tín, Hà Tây. Bà sinh ra ở phố Huế. Lúc đó bà (18 tuổi) là học sinh lớp 7 trường Đông Nhân, quận Hai Bà Trưng. Bà làm y tá ở bệnh viện Việt-Đức từ năm 1969-2002.

Năm 1947 ông HBT23 và bố ông về Hà Nội. Năm 1950 cả gia đình ông về Hà Nội sống ở phố Sinh Từ. Sau năm 1954 bố ông không cần phải làm gì vì gia đình của ông ở quê có nhiều ruộng đất giàu có nên hàng tháng gửi tiền, gạo lên Hà Nội cho các con. Năm 1956 ông nội của ông là địa chủ, bố là tư sản, các con là học sinh nên ruộng đất nộp hết cho nhà nước. Năm 1956-1960 gia đình ông ở nhờ nhà bác rề đi di cư vào miền Nam ở phố Nguyễn Bình Khiêm $S = 100 \text{ m}^2 \times 2$ tầng có 4 phòng (nhà biệt thự). Năm 1960-1961 gia đình ông ở nhờ Nhà thờ Thái Hà gồm có 8 người (bố mẹ ông + 6 con) $S = 60 \text{ m}^2/\text{phòng}$. Bố mẹ ông bắt đầu đi buôn bán rau + gà. Cuối 1961 nhà nước lấy đất để làm bệnh viện. Gia đình ông thuê nhà của nhà nước ở phố Hàng Buồm để ở. Bố mẹ ông bán rau, gà ở phố Hàng Bè.

Ông HBT23 có 6 con gái:

1. Nữ, sinh năm 1966. Tốt nghiệp đại học Sư phạm Mẫu giáo. Là giáo viên trường mẫu giáo, Hai Bà Trưng. Lấy chồng có 2 con, hiện nay sống ở phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai. Chồng làm nghề lái xe ô tô. Con trai thứ nhất đang học trường đại học Giao thông vận tải, quận Cầu Giấy; con gái thứ hai đang học lớp 3 trường tiểu học.
2. Nữ, sinh năm 1967. Học hết cấp 3, ở nhà làm nội trợ. Lấy chồng sống ở phường Quỳnh Lôi. Chồng làm nghề tự do. Có 2 con, hiện nay đang học cấp 3.
3. Nữ, sinh năm 1969. Học hết cấp 3. Làm nghề buôn bán, mở cửa hàng cầm đồ ở phố Bạch Mai. Có 2 con, hiện nay sống ở nhà riêng, Bạch Mai.
4. Nữ, sinh năm 1972. Học hết cấp 3. Làm quản lý ở trung tâm Thể dục thể thao tư nhân, phố Lạc Trung. Chưa có gia đình, đang sống cùng bố mẹ.
5. Nữ, sinh năm 1974. Học Sư phạm Mẫu giáo. Làm ở trung tâm Thể dục thể thao ở phố Khương Trung, quận Thanh Xuân. Đã lấy chồng có 2 con, sống ở phố Khương Trung. Chồng là vận động viên thể dục thể thao.
6. Nữ, sinh năm 1981. Học đại học Y Hà Nội. Làm bác sĩ ở bệnh viện Việt-Đức. Chồng là kỹ sư lập trình máy tính, làm việc cho công ty của Mỹ ở Sài Gòn. Chưa có con. Hiện nay vợ đang sống 1 mình ở phố Lương Sừ (sau ga Hà Nội). Chồng đã đi bộ đội, sau đó đi xuất khẩu lao động ở Tiệp Khắc 3 năm.

Năm 1968 bố mẹ ông đã mua đất ở Quỳnh Lôi. Bố mẹ và ông nội ông chuyển về Quỳnh Lôi sống. Năm 1976 ông được bố mẹ chia cho đất ở Quỳnh Lôi $S = 240 \text{ m}^2$ có nhà lá rộng 50 m^2 . Năm 1981 ông xây nhà cấp 4 x 3 gian $S = 70 \text{ m}^2$. Thời kỳ khó khăn nhất của gia đình ông HBT23 là từ năm 1956-1961. Vì cải cách ruộng đất gia đình ông mất hết nhà cửa. Thời kỳ gia đình ông HBT23 thoải mái nhất từ năm 1976-1997 vì ông có công việc, thu nhập ổn định. Sau thời kỳ 1997 ông về hưu rồi nên thu nhập thấp lại phải lo cho các con lấy chồng, mua nhà cửa,...

Lương hưu của ông HBT23 là 2,5 triệu/tháng. Bà về hưu năm 2002, lương 1,4 triệu/tháng. Nếu bây giờ bà có tiền thì bà sẽ gửi tiết kiệm ngân hàng lấy lãi để ăn dần. Ông HBT23 có hy vọng đầu tư cho các cháu đi học để có công ăn việc làm ổn định.

Điều tra chiề 19/9/2009

Họ và tên: HBT24

Nam, sinh năm 1920

Quê quán: làng Quỳnh Lôi, xóm Trại, tổng Kim Liên, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Đông.

Địa chỉ hiện nay: xóm Tiên Phù 2, phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố mẹ ông HBT24 làm ruộng công điền thuê, không có tư điền. Hàng năm có địa chủ mua đất của công điền sau đó thuê người làm để thu tô. Bố mẹ không biết chữ nôm nhưng biết chữ nho do thầy đồ ở làng dạy. Ở làng Quỳnh Lôi có 3 thầy đồ. Gia đình ông có 5 gian nhà lá $S = 100 \text{ m}^2$ (bao gồm cả sân). Sau năm 1956 cải cách ruộng đất, gia đình ông thuộc thành phần bản nông.

Ông HBT24 có 5 anh chị em :

1. Nữ, sinh năm 1918. Không được đi học. Làm ruộng. Lấy chồng ở làng Quỳnh Lôi. Hiện nay đang sống ở xóm Thăng Lợi.
2. Nam, sinh năm 1920 (HBT24 – người trả lời phỏng vấn)
3. Nam, sinh năm 1923. Không được đi học, biết viết tên mình. Làm công nhân cơ khí ở nhà máy công trình bia Hà Nội. Mất khi hơn 50 tuổi vì bệnh. Lấy vợ cùng xóm, có 7 người con.
4. Nam, sinh năm 1928. Học hết lớp 7. Làm công nhân cơ khí ở nhà máy của Pháp, sửa chữa ô tô Avia phổ Phan Chu Trinh, Hà Nội. Sau đó chuyển sang Đông Anh. Lấy vợ ở cùng xóm, có 7 con. Đã chết năm 2003.
5. Nữ, sinh năm 1933. Học hết lớp 3. Làm công nhân công ty Môi trường đô thị. Lấy chồng làng, sống ở cùng khu vực này. Đã nghỉ hưu.

Ông HBT24 khi 10 tuổi được đi học lớp 1 trường Công ích của tư nhân ở phố Bạch Mai. Lúc đó chưa có trường làng, chỉ có thầy đồ dạy chữ nho. Năm 1933 hết học cấp 1. Năm 1933-1934 ở nhà giúp bố mẹ làm ruộng. Năm 1937-1940 làm công nhân ở nhà máy xe lửa Gia Lâm và các nhà máy chủ là người Pháp ở Hà Nội. Ông đi làm bằng xe đạp qua xe điện Gia Lâm gần 10 cây số. Năm 1940 ông tham gia cuộc vận động đình công nên chủ đuổi việc. Năm 1941 ông về làm việc cho chủ là người Pháp ở Hà Nội về sửa chữa ô tô của chủ tư nhân người Pháp. Từ năm 1941-1942 ông làm việc ở xưởng đình công nên bị bắt đưa lên toà án Hà Nội. Thời gian 1941-tháng 6/1945 bọn Pháp đưa ông đi Bắc Cạn, Thái Nguyên để lao động cải tạo. Vì ông tham gia cuộc vận động bãi công, tham gia mặt trận Việt Minh. Tháng 6/1945 ông về Hà Nội tham gia đánh Pháp giành chính quyền vừa làm công nhân nhà máy sửa chữa ô tô. Ngày 19/12/ 1946 ông đi bộ đội và tiếp tục học lớp 10. Ông làm việc ở Cục quân giới, tổng Cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng ở Thái Nguyên và Khu 4. Năm 1954 ông làm việc ở Cục Quân giới nhưng đóng quân ở trong Thành Hà Nội, phố Quán Sứ, nhưng hàng ngày ông không được phép ra ngoài hay về nhà. Khoảng nửa năm sau (1955) những người quê ở Hà Nội được về nhà. Khi đó ông được phép về nhà ở Quỳnh Lôi vào cuối tuần. Cuối năm 1955 bố ông HBT24 chết, ông được đơn vị cho nghỉ 3 ngày về làm tang bố. Mẹ ông mất năm 1972, do Mỹ đánh bom B52 bị sập nhà.

Tháng 12/1962 ông HBT24 chuyển ngành sang Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam làm chuyên viên hành chính được hơn 1 năm. Năm 1963- 12/1984 ông chuyển sang ngành Mỏ Địa chất Việt Nam làm công tác chính trị cho đến năm 1984 về nghỉ hưu.

Ông HBT24 lấy vợ năm 1955, vợ ông là người cùng quê, sinh năm 1932. Vợ ông sống ở nhà cùng bố mẹ chồng, còn ông đi làm cuối tuần mới về nhà. Vợ ông học hết lớp 3. Làm công nhân may Thăng Long Hà Nội ở phố Minh Khai. Bà đã về hưu năm 1990. Đã mất năm 2007.

Ông HBT24 có 4 con :

1. Nam, sinh năm 1958. Học hết lớp 9, bị bệnh từ nhỏ nên không đi làm gì, có vợ + 2 con . Vợ ở nhà làm nội trợ. Con gái đang học đại học Quản lý công nghiệp, con trai học lớp 2. Hiện nay gia đình sống cùng ông bà nội. Ông bà nuôi các cháu. Vợ sinh năm 1965, là người phố Khâm Thiên.

2. Nam, sinh năm 1960. Học hết lớp 8. Công nhân sửa chữa ô tô ở nhà máy Cơ khí ở phố Mai Hắc Đế. Đã có vợ và 2 con: con trai thứ nhất 9 tuổi, con trai thứ 2 lên 6 tuổi, vợ sinh năm 1973, tốt nghiệp đại học Tài chính, làm kế toán ở công ty Thương mại Hà Nội. Hiện nay đang sống cùng ông bà.

3. Nữ, sinh năm 1962. Học hết cấp 3. Làm công nhân công ty May. Đã lấy chồng có 2 con gái. Năm 1991 đi xuất khẩu lao động sang Đức. Hiện nay cả gia đình sống ở Đức. Đã lấy chồng người Hà Nội. Hiện nay làm việc ở Đức, khoảng 3 năm về 1 lần.

4. Nữ, sinh năm 1969. Học hết cấp 3. Làm công nhân may. Đi Đức năm 1990. Lấy chồng quê Ứng Hoà, Hà Tây. Hiện nay cả gia đình sống ở Đức, có 2 con gái.

Gia đình ông có tổng $S = 270 \text{ m}^2$. Năm 1995 gia đình ông làm 2 nhà $S = 100 \text{ m}^2 \times 3$ tầng, gồm có 9 người ở. Gia đình con trai cả ăn riêng, nhưng trước đây ăn chung. Gia đình ông còn lại 170 m^2 từ năm 1983, làm nhà cấp 4 cho thuê mỗi tháng được 4,5 triệu đồng. Năm 1973 gia đình ông làm nhà cấp 4 x 4 phòng, gia đình ông sống ở đó. Đến năm 2000 gia đình ông ngăn ra thành 7 phòng để cho thuê. Ông bà HBT24 sống cùng con trai thứ 2.

Lương hưu của ông HBT24 là 6 triệu/tháng. Ông cho gia đình con trai cả 3 triệu /tháng, con trai thứ 2 là 3 triệu/tháng. Ông nộp tiền ăn 1,5 triệu/tháng. Còn lại tiết kiệm để mua thuốc khi ốm đau tuổi già.

Theo ông HBT24 thời kỳ khó khăn nhất là thời kỳ bao cấp, tem phiếu. Thời kỳ thoái mái là sau đổi mới, đời sống nâng lên dần dần. Bây giờ giá cả tăng lên nên tiêu tiền không thoái mái. Nếu ông có nhiều tiền thì sẽ chia cho con cháu. Ông HBT24 có mong muốn con cháu có việc làm, thu nhập ổn định, không muốn con cháu làm nghề buôn bán. Hàng năm con gái gửi biếu ông 200 URO/năm. Ông để tiết kiệm cho con cháu. Sau này gia đình con gái ông muốn về nước. Bây giờ làm kinh tế ở Đức tốt hơn ở Việt Nam. Theo ông HBT24, gia đình ông thuộc loại kinh tế trung bình, đủ ăn. Gia đình ông có 2 xe máy: 1 chiếc của con trai thứ 2, 1 chiếc của con gái, con trai cả. Gia đình ông có 3 máy điều hoà nhiệt độ.

Khu vực ông HBT24 ở có vấn đề về an ninh như trộm cắp, nghiện heroin. Về môi trường thì không có vấn đề gì.

Điều tra Sáng 20/9/2009

Họ và tên: HBT25

Nam, sinh năm 1937

Quê quán: xóm Trại, xã Hoàng Long, quận 7, huyện Thanh Trì, tổng Hà Đông, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT25 làm nghề thợ điện. Mẹ làm ruộng, phải thuê ruộng đất để làm. Sau cải cách ruộng đất gia đình ông có 5 sào đất. Gia đình ông HBT25 thuộc thành phần bản nông. Gia đình ông có 5 gian nhà lá gò, tường gạch, $S = 60 \text{ m}^2$. Tổng S cả vườn + sân + = 160 m^2 . Bố mẹ ông HBT25 không được đi học nên không biết chữ.

Gia đình ông HBT25 có 2 anh em:

1. Nam, sinh năm 1937 (HBT25- người trả lời phỏng vấn)

2. Nam, sinh năm 1942. Học hết lớp 7. Làm công nhân thợ nguội ở nhà máy cơ khí Lương Yên. Hiện nay sống ở nhà bên cạnh của anh trai (ông Vinh). Có 2 con gái ở nhà làm nội trợ. Chồng của cô con gái thứ nhất làm nghề lái xe buýt, chồng của cô con gái thứ 2 là bộ đội chuyên nghiệp. Ông HBT25 được đi học lớp 1 ở trường làng. Năm 1945 gia đình ông HBT25 đi tản cư ở Thái Nguyên. Bố mẹ ông đi buôn muối, mua muối ở miền xuôi bán ở miền ngược. Hai anh em khi đó còn nhỏ nên ở nhà. Gia đình ông ở nhờ nhà người họ hàng là địa chủ ở Thái Nguyên. Năm 1947 bố mẹ ông mua nhà lá 3 gian ở Thái Nguyên nên không phải đi ở nhờ nữa (gồm có 4 người ở). Năm 1952 cả gia đình ông về Hà Nội (về quê). Bố ông mất năm 1948 ở Thái Nguyên vì bị cảm. Mẹ ông trở về quê làm ruộng. Ông bắt đầu được đi học nghề làm thợ hàn của tư nhân ở phố Hàng Đậu. Năm 1960 gia đình ông ở phố Hai Bà Trưng, xí nghiệp liên doanh 3 phân xưởng kết hợp làm 1. Hàng ngày ông đi bộ đi làm. Năm 1963 ông chuyển vào làm ở xí nghiệp sửa chữa ô tô ở Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. Năm 1991 ông về nghỉ hưu.

Ông HBT25 lấy vợ năm 1959. Vợ ông là người cùng làng, làm nghề phụ đúc gang cùng xí nghiệp của ông. Vợ ông không được đi học nhưng có biết chữ 1 ít. 2 vợ chồng ông sống cùng bố mẹ. Năm 1965 bố mẹ ông chia đất cho ông và em trai. Mỗi người được 80 m².

Ông HBT25 có 5 người con :

1. Nữ, sinh năm 1958. Học hết lớp 7. Làm nhân viên công ty Ăn uống. Năm 1999 nghỉ hưu một cục nên bây giờ không có lương hưu. Hiện nay bà làm nghề cắm hoa bán. Lấy chồng người làng và sống ở làng Quỳnh Lôi. Hiện nay sống ở nhà riêng, phố Tân Khai, quận Hoàng Mai. Chồng làm nghề mổ lợn cho tư nhân. Đã có 3 con. Các con học hết lớp 7, con thứ nhất làm nghề cắm hoa như mẹ. Con thứ 2 làm bảo vệ ở ngân hàng. Con thứ 3 đang ở cùng ông bà học cấp 3.

2. Nam, sinh năm 1961. Học hết lớp 7. Làm nghề sửa chữa máy dệt 8/3. Hiện nay gia đình anh sống ở bên cạnh nhà của bố mẹ. Đã lấy vợ làm ở nhà máy cơ khí Lương Yên, quê Nam Định nhưng đã sống ở Hà Nội lâu rồi. Nhà bố mẹ đẻ sống ở phố Lương Yên. Có 2 con, con gái thứ nhất học đại học Bách Khoa, làm việc ở xí nghiệp Điện ảnh, đã lấy chồng và đã có con trai 4 tuổi. Con gái thứ 2 đang học đại học Ngân hàng.

3. Nữ, sinh năm 1965. Học hết lớp 7. Làm ở nhà máy dệt 8/3. Sống ở nhà bố mẹ. Đang chờ cơ quan cho nghỉ hưu. Đã có chồng và 1 con gái. Chồng làm nghề mổ lợn. Chồng đã mất năm 1992 vì bệnh. Con gái là sinh viên đại học Văn hoá ở phố Đê La Thành.

4. Nữ, sinh năm 1971. Học hết lớp 7, đang làm nhân viên phục vụ ở ngân hàng ở phố Hàng Giấy. Lấy chồng ở phố Giáp Nhị, Hoàng Mai. Đã có 2 con. Chồng làm bảo vệ ở Ngân hàng ở phố Giáp Bát.

5. Nam, sinh năm 1971. Học hết lớp 7. Làm nghề lái xe ôm. Đã lấy vợ có 2 con. Vợ bán rau ở chợ 8/3. Con trai học hết lớp 6 nghỉ học vì mãi chơi điện tử ở nhà phục vụ cơm nước. Gia đình sống ở nhà bên cạnh bố mẹ. Mẹ ông HBT25 mất năm 1975 tại nhà ông bây giờ. Năm 1990 ông chia đất cho các con. Con thứ nhất S = 25 m², con thứ 2 S = 18 m². Từ năm 1991, ông ở cùng với con gái thứ 3 S = 24 m². Năm 1965 ông xây nhà cấp 4 S = 24 m², lợp mái tôn,

gồm có 7 người ở. Lương hưu của ông 1,8 triệu/tháng, bà 1,3 triệu/tháng. Ông bà quản lý kinh tế gia đình. Con gái nộp tiền ăn cho ông bà 800.000 đ/tháng. Lương của con gái ông 1,5 triệu/tháng. Hiện nay con gái ông đi giúp việc cho cháu họ.

Theo ông HBT25, kinh tế của gia đình ông phải tiết kiệm mới đủ ăn. Nếu bị ốm đau thì không đủ chi tiêu. Ông có thể bảo hiểm y tế nhưng không sử dụng được. Theo ông, thời kỳ khó khăn nhất của gia đình ông là bây giờ vì lương hưu ít, giá cả không ổn định. Theo ông HBT25 thời kỳ bao cấp gia đình ông thoải mái nhất, không phải lo lắng gì, được nhà nước đối xử bình đẳng. Con người không phải tranh chấp nhau. Nếu ông có tiền thì ông sẽ xây dựng nhà mới 3 tầng. Hiện nay vấn đề lớn nhất của gia đình ông là nhà nhỏ, chật. Ông bị bệnh huyết áp cao (160/100) nên phải uống thuốc. Vợ ông HBT25 bị bệnh tiểu đường, hàng tháng phải mua thuốc hết khoảng 500.000đ.

Ở khu vực ông ở hiện nay không có vấn đề về an ninh nhưng có vấn đề về môi trường: ý thức của nhân dân chưa tốt. Vấn đề xã hội ở khu vực này có nhưng ít.

Trong thời gian chiến tranh chống Mỹ gia đình ông gồm có mẹ ông và các con đi sơ tán ở Thường Tín từ năm 1972-1975 do cơ quan ông tổ chức. Ông bà vẫn làm việc ở Hà Nội. Cuối tuần ông đi xe đạp (30 km) chở gạo, thực phẩm tiếp tế cho các con. Mẹ của ông nấu cho các con ăn. Sống ở nhờ nhà dân. Năm 1972 cách nhà ông 50 m bị ném bom, đất đá bắn vào nhưng không bị phá huỷ nhà, chỉ bị hỏng mái nhà. Thời kỳ sau hoà bình từ năm 1975 đến nay ông cảm thấy thoải mái tư tưởng.

Điều tra chiều 20/9/2009

Họ và tên: HBT26

Nam, sinh năm 1932

Quê quán: làng Quỳnh Lôi, xóm Trại, huyện Hoàng Long, tổng Hà Đông, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bố ông HBT26 học Superior ở Bưởi (tương đương lớp 7 bây giờ). Bố ông làm nghề thư ký đánh máy ở nhà máy điện Bờ Hồ. Mẹ ông không được đi học, bán hàng rau ở chợ Đồng Xuân. Mẹ hàng ngày đi bán rau đi bằng tàu điện từ ga chợ Mơ đến ga Bờ Hồ. Trước cải cách ruộng đất gia đình ông có đất công điền, thuê ruộng để làm. Sau cải cách ruộng đất gia đình ông còn hơn 2 sào ruộng. Gia đình ông có 5 gian nhà ngói S = 100 m². Gia đình ông HBT26 thuộc thành phần bần nông. Năm 1945 bố ông làm thư ký ở UBND xã Quỳnh Mai. Năm 1946 bố ông bị Pháp bắn chết ở Đình Mơ Táo, Quỳnh Mai (kho lương thực). Năm 1947 được nhà nước cấp giấy chứng nhận Liệt sĩ.

Ông HBT26 có 4 anh em trai :

1. Nam, sinh năm 1932 (HBT26 – người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1934. Học hết lớp 4. Làm Công an, cấp bậc Trung tá. Hiện nay gia đình ông sống ở nhà bên cạnh nhà anh trai. Lấy vợ là người cùng làng. Có 3 con (2 trai +1 gái). 2 con trai học hết cấp 3, làm nghề lái xe cho tư nhân. Con gái làm ở công ty Thực phẩm đã về nghỉ hưu. Sống ở gần nhà bố mẹ, lấy chồng Công an, chồng làm việc ở phường Quỳnh Lôi.

3. Nam, sinh năm 1938. Học hết cấp 2, đi bộ đội 5 năm về làm công nhân ở nhà máy cơ khí Lương Yên. Sống ở nhà bên cạnh anh trai. Vợ ông là người cùng cơ quan của anh trai, làm kế toán công ty Vật liệu ở phố Hàng Bò. Có 2 con trai: 1 con trai thứ nhất học hết lớp 10 làm công nhân ở công ty Bia, 1 con trai thứ hai học cao đẳng Kinh tế làm Thủ kho ở công ty Bánh kẹo, phố Trương Định.

4. Nam, sinh năm 1947. Học hết lớp 10 sau đó học trung cấp Hoá, làm công nhân nhà máy Bia. Sống ở nhà bên cạnh anh trai. Lấy vợ người Hà Nội. Có 2 con: 1 trai, 1 gái. Con trai thứ nhất và vợ làm ở nhà máy Bia; con gái ở nhà thất nghiệp.

Ông HBT26 được đi học lớp 1 ở nhà, thuê thầy giáo đến nhà dạy. Đến năm 1945 có chiến tranh nên ông nghỉ học. Năm 1946 gia đình ông HBT26 gồm mẹ và 3 con đi tản cư ở Thường Tín, Hà Đông. Mẹ ông bán hàng nhỏ ở chợ làng, 3 anh em đi học tiếp ở trường làng. Năm 1953 cả 4 mẹ con về Hà Nội. Năm 1953 ông làm ở nhà In tư nhân. Năm 1955 ông chuyển sang làm ở nhà In ở phố Hàng Bông. Hàng ngày ông đi làm bằng xe đạp. Năm 1957 ông làm ở nhà máy In Hải Phòng. Ông sống ở tập thể cơ quan Hải Phòng. Năm 1958 ông về Hà Nội làm Bí thư đoàn xã Quỳnh Mai. Cuối năm 1958 ông làm công nhân ở HTX mua bán ở quận 7, phường Quỳnh Lôi. Năm 1990 ông về nghỉ hưu.

Ông HBT26 lấy vợ năm 1953, vợ ông sinh năm 1930, bà không được đi học nhưng được tham gia lớp bình dân học vụ sau năm 1954. Vợ ông là người cùng làng, làm nghề bán hàng Xén ở chợ Mơ.

Ông bà HBT26 có 5 con:

1. Nam, sinh năm 1954. Học hết lớp 10, sau đó đi học đại hàm thụ. Hiện nay làm việc ở Ban Tổ chức quận uỷ quận. Cả gia đình sống cùng bố mẹ. Đã lấy vợ và có 3 con gái. Vợ học hết lớp 10, làm kế toán công ty. Con gái thứ nhất làm việc ở Ngân hàng; 2 con gái sau chưa đi làm gì.

2. Nam, sinh năm 1956. Học hết lớp 7, sau đó đi bộ đội, làm công nhân bảo vệ nhà máy bánh kẹo, Minh Khai. Sống ở bên cạnh nhà bố mẹ. Lấy vợ cùng đi Tiệp, quê Nam Định, đã có 2 con gái. Năm 1987 đi xuất khẩu lao động ở Tiệp về năm 1991. Nghỉ hưu năm 2009 từ công ty bánh kẹo, vì bị bệnh suy nhược thần kinh.

3. Nữ, sinh năm 1958. Học hết lớp 7. Làm nhân viên công ty chất đốt. Lấy chồng có 1 con trai. Chồng làm công an ở quận. Cả gia đình sống ở phường Thanh Nhàn. Con trai tốt nghiệp cao đẳng nhưng chưa xin được việc làm.

4. Nữ, sinh năm 1961. Học hết lớp 7. Làm nhân viên công ty ở phố Kim Ngưu. Đã lấy chồng ở cùng xóm, có 2 con. Chồng là công an ở quận. Con trai thứ nhất học trung cấp công an; con gái thứ 2 đang học cấp 3.

5. Nam, sinh năm 1964. Học hết lớp 10, sau đó đi bộ đội về làm nghề lái xe ô tô. Đã lấy vợ có 2 con trai. Cả gia đình sống ở bên cạnh nhà bố mẹ. Vợ làm thợ may trong quân đội. Hiện nay làm nhân viên của công ty tư nhân. Con trai thứ nhất học Cao đẳng công nghệ Thông tin ở Thái Nguyên; con trai thứ 2 học hết lớp 4.

Hiện nay ông bà HBT26 ở cùng gia đình con cả gồm 7 người nhưng ông bà ăn riêng.

Lương hưu của ông 1.950 đ/tháng. Bà làm ở công ty thủ công nghiệp, về hưu một cục năm 1980 nên bây giờ không có lương hưu. Số lương hưu của ông thì 2 ông bà phải chi tiêu tiết kiệm mới đủ. Khi ông bà bị ốm đau thì các con đóng góp. Mẹ ông HBT26 mất năm 1993.

Ông xây nhà năm 1992. Trước năm 1992 nhà ông ở là nhà cấp 4, có 5 gian (nhà này do các cụ ngày xưa xây dựng). Năm 1972 khu vực này bị thả bom nên mái ngói nhà bị hỏng.

Năm 1972 gia đình ông đi sơ tán ở Vân Đình, Hà Tây (gồm mẹ ông + vợ ông + các con), do cơ quan ông tổ chức đi, nơi sơ tán nói chung đủ ăn, không thiếu thốn. Ông vẫn tiếp tục làm việc ở Hà Nội, ông ăn ở tập thể cơ quan.

Theo ông HBT26 thời kỳ bây giờ gia đình ông là thoải mái nhất. Gia đình ông gặp khó khăn nhất là thời kỳ chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ phải đi sơ tán, tản cư. Nếu bây giờ ông có tiền thì ông bà sẽ sửa chữa nhà. Ông có nguyện vọng cho các cháu có việc làm ổn định.

Khu vực ông ở không có vấn đề gì về an ninh, xã hội, môi trường. Ngày xưa ở đây rộng rãi, có nhiều ao hồ, vườn nhưng đường nhỏ, ít nhà cửa. Bây giờ tất cả là nhà cao tầng. Từ năm 1992 khu vực này bắt đầu thay đổi. Từ năm 2000 đến nay, khu vực này xây dựng nhà cửa nhiều.

Điều tra sáng 21/9/2009

Họ và tên: HBT27

Nam, sinh năm 1916

Quê quán: thôn Xào Lâm, xã Vân Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bố mẹ ông HBT27 đi làm ruộng thuê. Gia đình ông không có ruộng đất. Gia đình ông HBT27 thuộc thành phần bản cổ nông. Bố mẹ ông không được đi học. Bố ông biết đọc chữ in do tự học, chữ thường không đọc được. Gia đình ông có 5 gian nhà lá S = 40 m². Tổng S vườn, sân, nhà = 360 m².

Ông HBT27 có 5 anh em trai :

1. Nam, sinh năm 1906. Không được đi học. Làm ruộng thuê, làm những việc nặng của nghề nông như gánh phân, tát nước, ... Lấy vợ người cùng làng. Có 6 con, 1 con trai bị liệt sĩ. Tất cả các con của ông hiện nay sống ở quê. Ông đã mất năm 2003 thọ 103 tuổi. Vợ ông sinh năm 1916, đã mất 2001.
2. Nam, sinh năm 1916 (HBT27 – người trả lời phỏng vấn)
3. Nam, sinh năm 1919. Mất khi 7 tuổi vì bị bệnh.
4. Nam, sinh năm 1922. Mất khi 5 hoặc 6 tuổi vì bị bệnh.
5. Nam, sinh năm 1925. Mất khi 7 tuổi vì bị bệnh.

Ông HBT27 lúc 7 tuổi đi ở chăn trâu bò, trông con cho cho 3 chủ gia đình trong làng đến năm ông 16 tuổi. Đến năm 1936 ông 16 tuổi không đi ở, ông về nhà hơn 1 năm sau đó đi làm công nhân ở Đồn điền cao su ở Bà Rịa Vũng Tàu. Đến tháng 3 năm 1945 ông ra nhập thanh niên tiền phong Sài Gòn chuẩn bị cướp chính quyền Sài Gòn. Tháng 10/1945 ông vào Bình

Thuận ra nhập bộ đội, trung đoàn, cấp bậc trung úy, làm tiểu đội trưởng cảnh vệ, canh gác cơ quan quân đội. Năm 1948 ông trực tiếp chiến đấu, phụ trách bảo vệ quân sự 3 đồn của địch ở Bình Thuận. Tháng 8/1954 ông đi tập kết của trung đoàn đến Vũng Tàu bằng tàu thủy ra Thanh Hoá kéo quân ra Bắc chống di cư. Năm 1955-1956 sau cải cách ruộng đất ông được đi ăn dưỡng. Năm 1957 ông đi hành quân ra Hà Nội, đóng quân ở làng Nhị (bây giờ là Giáp Bát). Năm 1960 chuyển về Cục Hậu Cần, Bộ Quốc Phòng. Ông đưa 1 tiểu đoàn đi đóng gạch ở Văn Điển, Hà Nội. Năm 1961-1962 ông đi phụ trách xây dựng các doanh trại cho bộ đội, xây dựng đơn vị Z1 ở Yên Bái do Trung Quốc tài trợ. Cuối 1962 ông về Hà Nội phụ trách lao động tiền lương của tổng đội 1, Cục Hậu Cần. Sau đó ông bị mỗ dạ dày ra viện.

Năm 1963 ông chuyển ngành ra Thành uỷ Hà Nội làm bí thư công trình xây dựng. Đến năm 1968 ông được bổ nhiệm làm phó ban Tổ chức quận uỷ. Năm 1972 Thành uỷ điều ông về làm bí thư công ty xây dựng Công nghiệp (trước đây nằm ở phường Quỳnh Lôi).

Ông HBT27 lấy vợ năm 1959. Vợ ông sinh năm 1933 là người cùng làng, sống ở quê cùng bố mẹ đẻ. Vợ ông làm ruộng.

Ông HBT27 có 3 con :

1. Nữ, sinh năm 1960. Tốt nghiệp đại học Kinh tế kế hoạch. Làm kế toán tổng công ty ở quận Thanh Xuân. Lấy chồng là Công an. Gia đình sống ở phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân. Có 2 con trai. Con thứ nhất học cao đẳng Tin học Bách Khoa. Hiện nay đang làm việc ở Sài Gòn. Con thứ 2 đang học lớp 10.
2. Nam, sinh năm 1962. Tốt nghiệp cao đẳng Quân y. Hiện nay là bác sĩ trạm cấp cứu của quận, TP.HCM. Đã lấy vợ và có 2 con trai. Vợ là người Sài Gòn, ở nhà làm nội trợ.
3. Nam, sinh năm 1965. Học hết cấp 3, sau đó đi bộ đội 3 năm nghĩa vụ. Lấy vợ Hà Nội có 2 con. Sau đó đưa vợ con vào Sài Gòn sống và làm việc. Hiện nay làm kinh doanh về vận tải. Vợ làm kế toán cho 1 cửa hàng ăn tư nhân.

Năm 1960 ông HBT27 đưa vợ và các con ra Hà Nội sống nhờ ở các điểm của làng Kỳ (bây giờ thuộc làng Tứ Kỳ, quận Hoàng Mai). Vợ ông ở nhà làm nội trợ. Ông HBT27 làm công nhân công ty xây dựng công nghiệp. Năm 1968 gia đình ông HBT27 chuyển về sống ở tập thể cơ quan Công trình xây dựng ở phường Quỳnh Lôi. Năm 1969 ông thuê đất của nhà nước S = 24 m², chỉ có 1 gian nhà cấp 4. Đến năm 1992 nhà nước cấp sổ đỏ cho đất ở của ông. Năm 1981 ông xây nhà 2 tầng x 36 m². Tiền xây dựng do con gái cho tiền. Năm 1976 HBT27 ông nghỉ hưu. Sau năm 1976-1981 (sau khi nghỉ hưu) ông làm cố vấn cho HTX may Bạch Đằng và Cơ khí Điện Biên ở phố Hoàng Mai. Ông HBT27 có lương hưu hơn 2 triệu/tháng; bà 1,5 triệu/tháng. Tiền lương hưu của 2 ông bà đủ sống. Thịnh thoảng con gái cả mua thức ăn cho 2 ông bà.

Theo ông HBT27 năm 1972 là thời kỳ gia đình ông khó khăn nhất: Mỹ đánh bom, vợ ông và các con đi sơ tán ở Thường Tín, Hà Tây. Ông vẫn ở cơ quan làm việc. Hàng tuần, 1 lần ông đi xe đạp chở lương thực, thực phẩm tiếp tế cho vợ con. Thời kỳ bấy giờ HBT27 ông cảm thấy thoải mái nhất. Nếu bây giờ ông có nhiều tiền thì ông cho các cháu. Ông HBT27 hy vọng tương lai của các cháu được hơn bố mẹ của các cháu.

Gia đình ông theo Công giáo (Thiên chúa giáo). Các con của ông bỏ tôn giáo, không theo tôn giáo nào cả.

Khu vực gia đình ông HBT27 ở hiện nay không có vấn đề gì về xã hội, môi trường.

Điều tra chiều 21/9/2009

Họ và tên: HBT28

Nam, sinh năm 1923

Quê quán: xóm Trại, làng Quỳnh Lôi, tổng Kim Liên, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Đông.

Địa chỉ hiện nay: phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bố ông HBT28 làm bánh mì thuê. Mẹ ông HBT28 làm ruộng thuê. Gia đình ông không có ruộng đất, chỉ có 130 m² đất ở. Gia đình ông có nhà gỗ 5 gian, mái lá. Bố ông biết chữ nho, biết một ít chữ quốc ngữ. Mẹ ông không được đi học. Sau cải cách ruộng đất, gia đình ông thuộc thành phần bần nông. Sau cải cách ruộng đất, sửa sai thì gia đình ông được chia 2 sào đất.

Ông HBT28 có 5 anh em:

1. Nam, sinh năm 1913. Được học ít, làm bánh mì thuê. Năm 1936 đi Nam Bộ cho Pháp ở miền Nam. Đã mất tích. Tháng 1/1947 vợ bị Pháp bắn chết tại Quỳnh Lôi. Có 3 con trai: Con trai cả hiện nay sống ở Yên Bái, 2 con trai thứ bị hy sinh trong chiến tranh chống Pháp.
2. Nam, sinh năm 1910. Biết chữ 1 chút. Làm công nhân. Mất khi 19-20 tuổi vì bị bệnh. Chưa có gia đình.
3. Nam, sinh năm 1923 (HBT28 – người trả lời phỏng vấn)
4. Nữ, sinh năm 1925. Học hết lớp 4. Làm công nhân nhà máy Diêm Trần Hưng Đạo. Lấy chồng làng. Có 5 con. Chồng là Công an, đã mất năm 1996 vì bệnh. Vợ mất năm 1995. Các con của bà làm công nhân. Hiện nay các con bà sống ở nhà bên cạnh nhà anh trai bà.
5. Nữ, sinh năm 1928. Học hết lớp 3. Làm công nhân nhà máy Diêm Trần Hưng Đạo. Lấy chồng quê Phủ Lý, Nam Hà trong thời kỳ gia đình bà đi tản cư. Sau hoà bình lập lại gia đình bà sống ở tập thể cơ quan chồng thuộc phường Quỳnh Lôi. Chồng bà làm Trưởng phòng Tổ chức của nhà máy công trình ở Minh Khai. Bà có 5 con, 2 con trai đã chết; các con khác của bà làm công nhân.

Ông HBT28 lúc 7 tuổi được đi học ở trường tư trong làng Quỳnh Lôi. Ông học hết lớp 4 thì nghỉ. Năm 1939 ông đi làm ở nhà máy in ở phố Hàng Bông. Năm 1945 ông tham gia cách mạng ở Hà Nội. Cuối năm 1946 ông vào bộ đội đánh quân Pháp ở Hà Nội, thuộc tiểu đoàn. Ông HBT28 tham gia đánh phá 60 ngày đêm ở Hà Nội, từ khu vực Cầu Giấy đến khu vực Bạch Mai. Năm 1949 ông tham gia vào đại đoàn, đóng quân ở Thái Nguyên, khi đó ông cấp bậc hạ sĩ.

Vào ngày 10/10/1954 ông HBT28 về giải phóng thủ đô. Bị thương binh tỷ lệ thương tật 51 %, thương binh 3/4. Năm 1955 ông được đi ăn dưỡng ở ty thương binh tỉnh Hà Nam. Cuối năm 1955 ông về Hà Nội làm việc ở Sở ăn uống phục vụ Hà Nội ở phố Hàng Bông. Năm 1981 ông HBT28 về nghỉ hưu.

Ông HBT28 lấy vợ năm 1956, vợ quê Hà Nam, sinh năm 1931, làm ruộng. Năm 1956 ông đưa vợ lên Hà Nội ở nhờ nhà em gái họ ở phường Quỳnh Lôi.

Ông bà HBT28 có 4 con:

1. Nam, sinh năm 1958. Học hết lớp 7, làm nhân viên công ty ăn uống. Hiện nay sống cùng bố mẹ. Chồng làm công nhân nhà máy rượu Lò Đức, quê Thái Bình. Có 2 con trai.
3. Nữ, sinh năm 1964. Học hết cấp 3. Làm công nhân Giày da Thượng Đình. Đã lấy chồng có 1 con trai sống ở bên cạnh nhà bố mẹ. Chồng lái xe cho công ty Đường sắt. Hiện nay đã ly dị.
4. Nữ, sinh năm 1968. Học hết cấp 3. Làm công nhân công ty giày da. Lấy chồng có 1 con trai. Hiện nay sống ở tập thể phố Hàm Tử Quan, quận Hoàn Kiếm.

Năm 2003 ông HBT28 xây nhà S = 40 m² x 4 tầng. Do con gái thứ 2 cho tiền để xây. Ông HBT28 có lương hưu 1,7 triệu/tháng, lương thương binh 1,120 triệu /tháng. Tổng cộng = 2,820 triệu/tháng. Hàng tháng ông HBT28 nộp tiền ăn cho con gái 700.000đ/tháng. Còn lại ông để tiết kiệm để dưỡng già. Theo ông HBT28 thời kỳ khó khăn nhất của gia đình ông là thời kỳ bao cấp. Thời kỳ thoải mái nhất của gia đình ông là bây giờ nhưng ông vẫn cảm thấy buồn vì ông HBT28 không có con trai. Ông HBT28 không cần có nhiều tiền. Ông HBT28 có mong muốn các cháu vào được đại học.

Khu vực này trước đây gần xóm liêu Thanh Nhân nên có nhiều trộm cắp. Từ năm 2005 xóm liêu được giải tán, đời sống của dân cư được ổn định không còn trộm cắp. Hiện nay khu vực xóm liêu Thanh Nhân là công viên Tuổi trẻ thủ đô. Nhà ông HBT28 được cấp sổ đỏ từ năm 2001.

Điều tra sáng 23/9/2009

Họ và tên: HBT29

Nam, sinh năm 1936

Quê quán: xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ hiện nay: phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bố mẹ ông HBT29 làm ruộng. Bố ông HBT29 học một ít chữ Nho do thầy đồ ở trong làng dạy. Mẹ ông không được đi học nhưng biết một ít chữ quốc ngữ do tự học. Gia đình ông HBT29 thuộc thành phần trung nông. Trước cải cách ruộng gia đình ông HBT29 có 5 mẫu đất, 3,5 sào ao, 1 sào đất ở. Có 5 gian nhà lá.

Ông HBT29 có 6 anh em :

1. Nam, sinh năm 1936 (HBT29 - người trả lời phỏng vấn)
2. Nam, sinh năm 1939. Học trung cấp Sư phạm, giáo viên cấp 2 ở huyện. Có vợ, con và gia đình sống ở quê. Ông có 6 con làm việc ở quê Nam Định. Ông đã mất năm 1982. Vợ ông là giáo viên cấp 2 đã nghỉ hưu sống ở quê với các con.
3. Nữ, sinh năm 1941. Học hết cấp 1. Làm ruộng lấy chồng ở làng. Đã mất năm 1987. Hiện nay chồng còn sống. Có 4 con sống ở quê làm ruộng.
4. Nữ, sinh năm 1945. Học hết cấp 2. Làm công nhân nhà máy đường ở Hà Nam. Lấy chồng làm thợ Cơ khí. Gia đình bà sống ở thị trấn Vĩnh Trụ, Hà Nam. Bà đã nghỉ hưu, có 4 con: 2

con sống và làm việc ở Nha Trang; 2 con sống và làm việc ở Hà Nam.

5. Nam, sinh năm 1947. Học hết lớp 10, đi bộ đội nghĩa vụ 3 năm sau đó về học đại học Dược. Làm việc ở Trại an dưỡng Thương binh của trung ương ở Hà Bắc. Đã nghỉ hưu sống ở Quảng Ninh. Có 6 con sống ở Hà Nội. Vợ làm kế toán ở Quảng Ninh. Vợ quê Hải Dương.

6. Nam , sinh năm 1951. Tốt nghiệp đại học Bách khoa, làm kỹ sư điện. Hiện nay làm việc ở mỏ than Quảng Ninh. Đã về nghỉ hưu, sống ở Nam Định. Vợ ông quê Nam Định, làm kế toán ở công ty Thủy lợi. Có 5 con: 1 con sống và làm việc ở Hà Nội, 4 con sống và làm việc ở thành phố Nam Định.

Ông HBT29 được đi học khi 12 tuổi ở trường làng. Ông học hết cấp 1. Lên cấp 2 ông đi học ở trường huyện, cấp 3 học ở tỉnh Hà Nam. Năm 1960 ông học đại học Bách Khoa, khoa xây dựng công nghiệp và dân dụng, ông sống ở ký túc xá của trường. Năm 1965 ông tốt nghiệp đại học, công tác tại Bộ Xây dựng. Công việc của ông là đi xuống công trường xây dựng ở Hà Nội để xây dựng công trình Bộ Kế hoạch đầu tư. Năm 1982 ông HBT29 về trung ương đoàn xây dựng công trình Cung Thiếu nhi Trung ương, Cung Văn hoá của các tỉnh thuộc Trung ương đoàn. Năm 1998 ông HBT29 về nghỉ hưu.

Ông HBT29 lấy vợ năm 1968. Vợ ông người cùng cơ quan, quê ở Từ Liêm, Hà Nội. Vợ ông làm cán vẽ, hội hoạ của Bộ Xây dựng. Bà về nghỉ hưu năm 1990.

Ông HBT29 có 5 người con :

1. Nữ, sinh năm 1969. Tốt nghiệp trường trung cấp Dược sĩ. Làm ở trung tâm Y tế thành phố Hà Nội. Hiện nay gia đình sống ở phố Giảng Võ, Hà Nội. Có 2 con trai: 1 con học cấp 2, 1 con học cấp 1. Chồng làm kỹ sư điện tử của Viện Khoa học Tự nhiên.

2. Nam, sinh năm 1971. Tốt nghiệp đại học Kinh tế quốc dân. Làm ở Trung tâm Khoa học Công nghệ thông tin. Đã lấy vợ người Hà Nội sinh năm 1973 và có 2 con: 1 con học cấp 2; 1 con học cấp 1. Vợ làm kế toán ở bệnh viện Việt - Đức. Hiện nay đang sống bên cạnh nhà bố mẹ.

3. Nam, sinh năm 1973. Học hết cấp 2. Làm nhân viên công ty Vận tải. Đã lấy vợ năm 1998 và có 1 con học cấp 1. Vợ làm nhân viên Bưu điện ở Hà Nội.

4. Nữ, sinh năm 1976. Tốt nghiệp khoa Công nghệ thông tin, đại học Bách Khoa. Làm việc về xuất bản sách ở NXB Thanh niên, phố Bà Triệu. Đã có gia đình và 2 con còn nhỏ. Lấy chồng người Hà Nội, chồng học kỹ sư về máy. Hiện nay làm việc ở công ty Liên doanh của Nhật. Gia đình sống ở bên cạnh nhà bố mẹ.

5. Nam, Sinh năm 1981. Tốt nghiệp đại học Quản Trị kinh doanh ở Cầu Giấy. Làm giảng viên trường cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Trung ương, Cầu Giấy. Đã lấy vợ, quê Gia Lâm, Hà Nội và 1 con nhỏ 9 tháng. Vợ làm kế toán công ty sản xuất bao bì, đồ hộp. Hiện nay gia đình sống cùng ông bà.

Năm 1968 ông lấy vợ, 2 vợ chồng sống ở phường Quỳnh Lôi. Năm đó ông được phân nhà cấp 4, tập thể cơ quan $S = 13 \text{ m}^2$. Năm 1968 ông mua thêm 17 m^2 . Tổng số = 30 m^2 . Năm 1975 ông mua thêm đất $S = 100 \text{ m}^2$. Ông HBT29 xây dựng tất cả 3 cái nhà: nhà thứ nhất xây dựng năm 1968 nhà cấp 4 x 1 tầng, mái ngói $S = 30 \text{ m}^2$, nhà thứ 2 xây dựng năm 1977-1978,

$S = 40 \text{ m}^2 \times 2$ tầng. Tiền xây dựng do vợ chồng ông tiết kiệm và vay bạn bè, họ hàng. Nhà này cho gia đình con trai thứ 2 ở. Năm 1989 ông HBT29 sửa chữa, nâng cấp nhà thứ 3 thành 2 tầng $S = 38 \text{ m}^2$. Đến năm 1998 ông sửa chữa nhà này 1 lần nữa. Nhà này cho con út lấy vợ từ năm 2007 ở. Sau khi con út lấy vợ, ông bà sống cùng gia đình con út từ năm 2007 đến nay. Hiện nay tổng S của 3 nhà = $108 \text{ m}^2 \times 2$ tầng. Ông HBT29 đã mua thêm đất 2 lần vào năm 1968 và năm 1975. Khi các con trai của ông lấy vợ là ông cho nhà và bắt đầu ở riêng.

Năm 1998 sau khi nghỉ hưu, ông HBT29 làm thêm về xây dựng đến năm 2000 ông về nhà nghỉ tham gia công tác ở phường làm cấp uỷ, phó bí thư chi bộ, trưởng ban mặt trận. Năm 2005 ông làm chủ tịch Hội Người cao tuổi.

Lương hưu của ông HBT29 là 3,1 triệu/tháng, tiền phụ cấp tham gia công tác ở phường là 300.000 đ/tháng. Lương hưu của bà 1,3 triệu/tháng. Bà là người quản lý kinh tế gia đình chi tiêu, ăn uống,... Vợ chồng con trai út nộp 2 triệu/tháng.

Theo ông HBT29 thời kỳ thoải mái nhất của gia đình ông là mấy năm gần đây. Thời kỳ khó khăn nhất của gia đình ông HBT29 là từ năm 1968-1972 vì con nhỏ, kinh tế bao cấp khó khăn, không đói nhưng về chất thì không có. Năm 1972 các con của ông HBT29 đi sơ tán về quê với ông bà. Vợ ông đi sơ tán về Hà Tây heo cơ quan, ông đi sơ tán theo cơ quan về Hà Bắc. 1tháng/1 lần ông đi bằng xe đạp khoảng 10 km tiếp tế lương thực, thực phẩm cho các con. Chủ yếu là ông bà nội giúp đỡ nuôi các cháu. Năm 1972 nhà của ông và nhà hàng xóm bị ném bom. Năm 1973 ông về Hà Nội, cả nhà sống tập trung được. Bây giờ nếu ông có nhiều tiền thì ông cho các con. Ông có hy vọng cho các cháu sau này có cuộc sống tốt hơn bây giờ. Hiện nay gia đình ông không có vấn đề gì về sức khoẻ.

Cách đây 10 năm ở xóm Liễu Thanh Nhàn (nay là Công viên Tuổi trẻ) có vấn đề về xã hội như trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút.... Từ khi thực hiện chính sách của nhà nước đã xoá bỏ xóm liễu để xây dựng công viên Tuổi trẻ tình hình xã hội ở đây rất yên ổn.

本研究は、科研費（基盤研究B）「ハノイ都市基盤の形成—歴史的推移と環境多様化のダイナミズム」
（代表：柴山守、京都大学地域研究統合情報センター特任教授、平成23年～26年）の補助を受けた。

